

85 NĂM

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

15-5-1913 ÷ 15-5-1998

BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA
CÁCH MẠNG VĂN HOÁ CHỦ QUỐC NGŨ



BÙI QUẢN THẠNH PHẠM QUỲNH PHẠM HUY LỤC NGUYỄN VĂN VINH
1917 - TOÀN SOẠN ĐDTC CHIA TAY PHẠM QUỲNH



PHẠM DUY TÔN PHẠM QUỲNH NGUYỄN VĂN VINH
1922, DỮ ĐÀU XÃO MÁC XÂY (PHÁP).

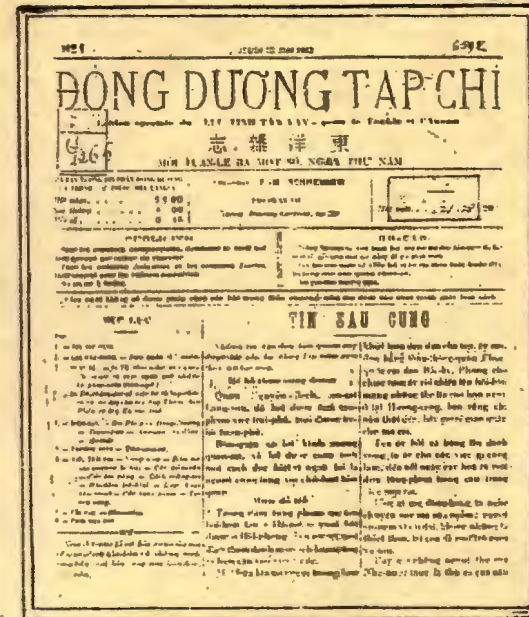
85 NĂM

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

15-5-1913 ÷ 15-5-1998

BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA
CÁCH MẠNG VĂN HOÁ CHỦ QUỐC NGŨ

TUYÊN TẬP SỐ 4 1913



NGUYỄN THỊ MƯỜI, BÙI TƯỜNG TRÁC

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

THỰC HIỆN HAI MỤC TIÊU

PHỔ BIẾN KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

VA XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VIỆT

NGUYỄN THỊ MƯỜI VÀ BÙI TƯỜNG TRÁC

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ
THỰC HIỆN HAI MỤC TIÊU
PHỔ BIẾN KHOA HỌC THƯỜNG THỨC
VÀ VĂN MINH THẠI TÂY KẾT HỢP
VỚI XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VIỆT
LÀ CHỮ QUỐC NGỮ



0005-8-21 2000

1913
15-5-1913
ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

Édition spéciale de L'ESTREME ORIENT pour le Tonkin et l'Annam
志 雜 洋 東
MỖI TUẦN RA MỘT SỐ. NGÀY THỨ NĂM

CÁI ĐÌNH TRUNG ĐÌNH PHÁP 1913
15-5-1913
LỜI NÓI ĐẦU: 6 00
HÀNG THÁNG: 4 00
MỖI SỐ: 0 10
PUBLISSEUR: F. H. SCHNEIDER
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT

PUBLISSEUR: F. H. SCHNEIDER
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT
PUBLISSEUR: F. H. SCHNEIDER
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT
L'ESTREME ORIENT

MỤC LỤC **TÌM SẮC CÙNG**

1. ...
2. ...
3. ...
4. ...
5. ...
6. ...
7. ...
8. ...
9. ...
10. ...
11. ...
12. ...
13. ...
14. ...
15. ...
16. ...
17. ...
18. ...
19. ...
20. ...

Số 1 15-5-1913

KỶ NIỆM 118 NĂM NGÀY SINH CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VINH



15-6-1882 ÷ 15-6-2000

LỜI NÓI ĐẦU

Viết về ông Nguyễn Văn Vĩnh 1882-1936 cũng như viết về cuộc cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn:

1^o - Đảng và Chính phủ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chưa tổng kết lịch sử Cách mạng giải phóng dân tộc 1863-1975, mà chỉ mới tổng kết giai đoạn cuối cùng, kể từ ngày có Đảng 1930 đến ngày 30-4-1975.

2^o - Bảo tàng lịch sử Việt Nam và bảo tàng Cách mạng Việt Nam không có bộ phận bảo tàng chữ Quốc ngữ.

3^o - Trong thập kỷ 1930 thực dân Pháp lập đài kỷ niệm A.de Rhodes, tôn lên là người sáng lập ra chữ Quốc ngữ ở vườn hoa đến Bà Kiệu, bờ hồ Hà Nội. Mà gần đây chúng ta phá đi để dựng tượng đài " *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh* ". Mới đây Tổng thống Pháp Mitterand sang thăm Việt Nam cũng tuyên bố là cố đạo Pháp A..de Rhodes là người sáng lập ra chữ Quốc ngữ !!!

Có đúng như vậy không ? vẫn còn là một vấn đề chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu và xác định.

4^o - Những tài liệu lưu trữ ở Thư viện Quốc gia Hà Nội từ 1882 đến 1954, trải qua nhiều thời kỳ biến động, tới nay không còn đầy đủ, một phần quý giá bị mang sang Pháp và một phần năm 1954 bị chuyển vào thư viện Sài Gòn.

5^o - Các chính quyền nối tiếp nhau từ 1882 đến 1954 : Vua quan nhà Nguyễn, thực dân Pháp, đế quốc Nhật, Tàu

Tưởng, đế quốc Mỹ và đủ các loại quyền lực khác nhau đều tìm cách xuyên tạc lịch sử để dành chính nghĩa về mình, nên việc nghiên cứu và sử dụng những tài liệu lịch sử đòi hỏi phải biết rõ nguồn gốc và phải sáng suốt lựa chọn, sàng lọc lấy những thông tin chính xác mới sử dụng được.

*

* *

Khó khăn rất nhiều, nhưng chúng tôi cũng có một thuận lợi cơ bản là : Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà viết báo viết sách và tự mình in báo, in sách không biết mệt mỏi trong suốt 30 năm liền, từ 1906 đến 1936, gần như không nghỉ một ngày nào và ông đã để lại một kho tàng sách báo khổng lồ, đã được nhân lên hàng ngàn, hàng vạn bản, nếu chúng ta để công sức tìm tòi và sưu tầm, thì dù rằng cho tới nay đã gần 90 năm. chúng ta vẫn có thể sưu tầm được đầy đủ ở khắp mọi nơi trong cả nước ta.

Từ " Tân Nam Tử " (Người Nam mới) 1907 đến " L' Annam Nouveau " (Nước nam mới) 1931-1936, theo con đường " Đối mới " của ông Phan Chu Trinh vạch ra từ năm 1906, trong suốt cả cuộc đời của mình, ông Nguyễn Văn Vĩnh luôn luôn giữ vững và phát huy một cách có hiệu quả và sáng tạo đường lối " Đối Mới " đó. Không một lúc nào dể trệch hướng và không một thế lực nào, không một danh vọng nào, không một kho báu nào có thể mua chuộc và lung lạc được ông.

Ông đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của mình và đã hy sinh một cách trong sáng, với hai bàn tay trắng chỉ còn có một

quần bút, ở trong giữa rừng Trường Sơn ở Bên Lào đứng vào ngày 1-5-1936.

*

* *

Ngày 15-6-1982, nhân ngày kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông Nguyễn Văn Vĩnh, chúng tôi là con, cháu và chắt của ông, đã cùng nhau họp mặt làm lễ kỷ niệm và đã cùng nhau bàn bạc và quyết định như sau :

1^o - Dù khó khăn và tốn kém đến mấy chúng tôi cũng cố gắng tìm tòi và sưu tầm cho được đầy đủ kho báu mà ông Nguyễn Văn Vĩnh đã để lại cho gia đình chúng tôi, gồm có : trên 10.000 bài báo viết bằng Việt văn và Pháp văn, các thể loại khác nhau và gần 1.000 pho sách viết và dịch cũng đủ các thể loại khác nhau.

2^o - Quyết không sử dụng một tài liệu viết về ông Nguyễn Văn Vĩnh và về chữ Quốc ngữ sẵn có nào, nếu tài liệu đó không phù hợp với những bài báo của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã viết.

3^o - Lịch sử ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông đã tự mình viết lấy và không có tài liệu nào chính xác hơn, chúng tôi chỉ còn có việc sưu tầm và sắp xếp lại cho có hệ thống.

*

* *

Sau 10 năm sưu tầm từ 1982 đến 1992 chúng tôi đã hoàn thành được gần một nửa khối lượng công việc và chúng tôi tin chắc rằng chúng tôi sẽ thành công tốt đẹp. Đòi các con

ông Nguyễn Văn Vĩnh chúng tôi chưa dám chắc đã hoàn thành được đồng bộ, nhưng đời cháu chắt của ông nhất định sẽ tiếp tục hoàn thành và hoàn thành được tốt hơn. -

Chúng tôi đã tìm ra được KHO BÁU khổng lồ và vô giá mà NGƯỜI NAM MỚI của NƯỚC NAM MỚI đã để lại cho chúng tôi và cho tất cả chúng ta.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh không chết và không chết với hai bàn tay trắng, chúng tôi đã được thừa hưởng một gia tài vô giá và vĩ đại nhất.

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 1993

Các con, cháu và chắt

ông Nguyễn Văn Vĩnh

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ CHỮ QUỐC NGỮ

I - THỜI KỲ THỨ NHẤT 1533 - 1863

1^o - *Chữ Quốc ngữ có từ bao giờ ?*

Dùng mẫu tự La-tinh để phiên âm viết tiếng An Nam có từ khi có người Âu châu sang sinh sống và làm việc ở An Nam.

Theo Việt Nam sử lược là năm 1533 vào thời hậu Lê, miền Bắc có chúa Trịnh, miền Nam có chúa Nguyễn, đã có những người Âu châu sang sinh sống và làm việc ở Việt Nam.

2^o - *Chúng ta có thể xác định được ai là người đầu tiên dùng mẫu tự La-tinh để viết tiếng An Nam không ?*

Có thể : Năm 1533 là cố đạo Tây Ban Nha I-nê-khu, cuối thế kỷ 16 có cố đạo Tây Ban Nha Diego Adverte, cố đạo Bồ Đào Nha Gascard Amiran và Antoine Barbore là những cố đạo đã viết và in ra những quyển từ điển An Nam-La tinh - Bồ Đào Nha và Bồ Đào Nha - La tinh - An Nam và là những cố đạo phụ trách mở các lớp dạy nói và viết tiếng An Nam cho các cố đạo người Âu ở Va-ti-căng bên Rô-ma, để sang An Nam giảng đạo.

3^o - *Cố đạo Pháp A.de.Rhodes là thế nào ?*

Cố đạo Pháp A.de.Rhodes, năm 1620 sang Rô-ma để chuẩn bị sang An Nam 1624 mới đến giảng đạo ở Phú Xuân

và giữa năm 1625 ra Bắc, đến năm 1651 trở về Rô-ma phụ trách lớp dạy tiếng An Nam và đã viết và in ra quyển từ điển An Nam - La-tinh - Bồ Đào Nha và sách giáo lý bằng tiếng An Nam, tức là sau cố đạo Bồ Đào Nha hàng trăm năm.

4^o - *Vậy công đầu làm ra chữ Quốc ngữ là ai ?*

Là Va-ti-căng ở Rô Ma, hiện nay ở đó còn lưu trữ đầy đủ những tài liệu về việc này.

Trong suốt 230 năm, từ năm 1533 - 1863 không một người Việt nam nào biết và dùng thứ chữ Quốc ngữ này, chỉ có những cố đạo người Âu sử dụng để giảng đạo ở Việt Nam.

II - THỜI KỲ THỨ HAI 1863 - 1906.

5^o - *Chữ Quốc ngữ phát triển ở Miền Nam như thế nào ?*

Thực dân Pháp xâm chiếm Miền Nam trước : 1863 chiếm ba tỉnh miền Đông, 1873 chiếm xong cả sáu tỉnh Nam bộ, nên chữ Quốc ngữ phát triển ở Miền Nam trước.

Pháp đón ông Trương Vĩnh Ký, học ở trường dòng Pê-nan về làm thông ngôn để giao dịch với Triều đình Huế, giao cho ông mở trường thông ngôn dùng chữ Quốc ngữ để dạy người Miền Nam học tiếng Pháp, ông đã viết, dịch và in ra rất nhiều sách chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Nho, nhưng chủ yếu là sách giáo khoa. Ông đã là chủ bút tờ Công báo đầu tiên in bằng chữ Quốc ngữ; tờ " Gia Định Báo " có

các ông Huỳnh Tịnh Của, Tôn Trọ Tường và Trương Minh Ký cùng hợp tác.

Chữ quốc ngữ lúc bấy giờ chỉ mới được dùng trong một diện rất hạn hẹp ở trong Miền Nam, số lượng in ấn còn rất hạn chế, nên nhân dân ta vẫn dùng chữ Nho và chữ Nôm là chủ yếu. Thêm vào đó trí thức Miền nam lúc bấy giờ chỉ dùng chữ Quốc ngữ để học tiếng Pháp, khi học được tiếng Pháp rồi thì bỏ chữ Quốc ngữ, nhập tịch dân Pháp và đi sang Pháp học tiếp, vì vậy chữ Quốc ngữ không phát triển được.

6^o - *Ông Trương Vĩnh Ký là ai ?*

Ông Trương Vĩnh Ký 1837 - 1898, tên Thánh là Pétrus Ký, người tỉnh Vĩnh Long, con một ông quan triều Nguyễn, làm việc tại Cao Mên, mồ côi cha từ nhỏ, một cố đạo người Pháp, Cố Long nhận làm con nuôi và ngay từ lúc 11 tuổi ông đã được đưa ra nước ngoài (Ma-lai-xi-a) học tại trường dòng Pê-Nan .

Ông rất thông minh và được đi học có hệ thống nên rất giỏi và thông thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài: Pháp văn, Hán văn, Hy Lạp, La-tinh, Anh văn, Nhật bản, Ấn Độ và v.v...

Ông viết và in ra rất nhiều sách bằng chữ Quốc ngữ, Pháp văn và Hán văn, trong đó có : Sách dạy chữ Quốc ngữ, sách dạy chữ Nho, Grammaire de la langue Annamite. Petit Dictionnaire Francais - Annamite và v.v...

Ông sống và làm việc trong thời loạn lạc nên sự nghiệp còn hạn chế, ông đã góp phần làm cho chữ quốc ngữ trở nên sáng sủa hơn.



THỜI KỲ THỨ BA 1906 - 1920

7^o - Ai là người khởi xướng làm Cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ ?

1906 ông Phan Chu Trinh sau khi đi khảo sát Nhật Bản và Trung Quốc, trở về Việt Nam ông chủ trương Cách mạng đổi mới, nội dung chủ yếu được trình bày trong bức thư gửi cho toàn quyền Đông Dương năm 1906.

1907 thành lập "Đông Kinh Nghĩa Thục" để truyền bá chữ Quốc ngữ và nâng cao dân trí.

1907 Cũng trong năm đó ông lấy báo "Đăng Cổ Tùng Báo" làm cơ quan ngôn luận để đổi mới, làm cách mạng văn hoá tiến tới bỏ hẳn chữ Nho, xây dựng ngôn ngữ viết của dân tộc Việt Nam.

Cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ đòi hỏi ít nhất hàng chục năm nữa mới hoàn thành được, nên trước mắt phải thành lập Hội giúp đỡ người Việt Nam đi sang Pháp học.

8^o - Ông Nguyễn Văn Vĩnh đóng vai trò thế nào trong Cách mạng đổi mới ?

Ông Vĩnh được phân công làm nhà in, làm báo và viết sách một cách công khai. Năm 1906 ông đã xin từ chức thông ngôn toà đốc lý Hà Nội và bắt đầu làm nghề tự do. Công ty với một người Pháp làm nhà in Dujour - Nguyễn Văn Vĩnh ở phố Tràng Tiền Hà Nội. Năm 1907 ông làm chủ bút tờ "Đăng Cổ Tùng Báo"; năm 1908 Đông Kinh Nghĩa Thục bị thực dân Pháp khủng bố, báo "Đăng Cổ Tùng Báo" bị đình bản, các đồng chí đều bị pháp bắt, xét xử và đưa đi đày ở Côn Đảo. Riêng ông Vĩnh được Hội Nhân Quyền và Shneider bảo vệ nên vẫn tiếp tục làm nhà in. Năm 1908-1910 ông ra tờ báo viết bằng tiếng Pháp "Notre Journal" sau đổi là "Notre Revue" dịch ra Tiếng Việt là "Báo của ta" và "Tạp Chí của Ta" để trình bày rõ đường lối cách mạng đổi mới tranh thủ sự đồng tình của những người Pháp tiến bộ. Năm 1911-1912 Shneider được phép ra báo "Lục Tỉnh Tân Văn" ở Sài Gòn lại mời ông Vĩnh vào làm chủ bút, cách mạng văn hoá chữ Quốc Ngữ lại được tiếp tục và được mở rộng ra trong cả nước.

9^o - Báo Đông Dương tạp chí ra đời như thế nào ?

15-5-1913 Báo Đông Dương Tạp Chí ra đời, là một sự phối hợp giữa Cách Mạng ở trong nước và Cách Mạng ở ngoài nước. Cụ Phan Bội Châu tổ chức ném bom khách sạn Pháp ở phố tràng tiền Hà Nội (1913); thực dân Pháp hoảng hốt phải nhượng bộ Cách Mạng đổi mới của cụ Phan Châu Trinh, chúng đã trả lại tự do cho một số đồng chí Đông Kinh

Nghĩa Thực và cấp giấy phép cho xuất bản Đông Dương tạp chí ở Hà Nội.

10^o - Đông Dương tạp chí đã đóng góp gì cho Cách Mạng Văn Hoá Chữ Quốc Ngữ?

Đông Dương tạp chí ra hàng tuần vào ngày thứ năm từ 1913 đến 1917 đã làm cho chữ Quốc Ngữ trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc Việt Nam thay thế được hoàn toàn chữ nho.

Năm 1915 chữ Quốc Ngữ đã trở nên phổ thông ở hầu khắp mọi nơi từ Nam chí Bắc và trường thi Nho Học "Thi Hương" được bãi bỏ.

Năm 1917 trường thi Nho Học "Thi Hội" được bãi bỏ.

Năm 1919 trường thi Nho Học "Thi Đình" được bãi bỏ.

Nho Học bị bãi bỏ hoàn toàn và nền Văn Minh Chữ Quốc Ngữ ra đời.

Năm 1915 Đông Dương tạp chí chuyển dần thành Học báo, và thành báo Trung Bắc Tân Văn một tuần ra ba kỳ.

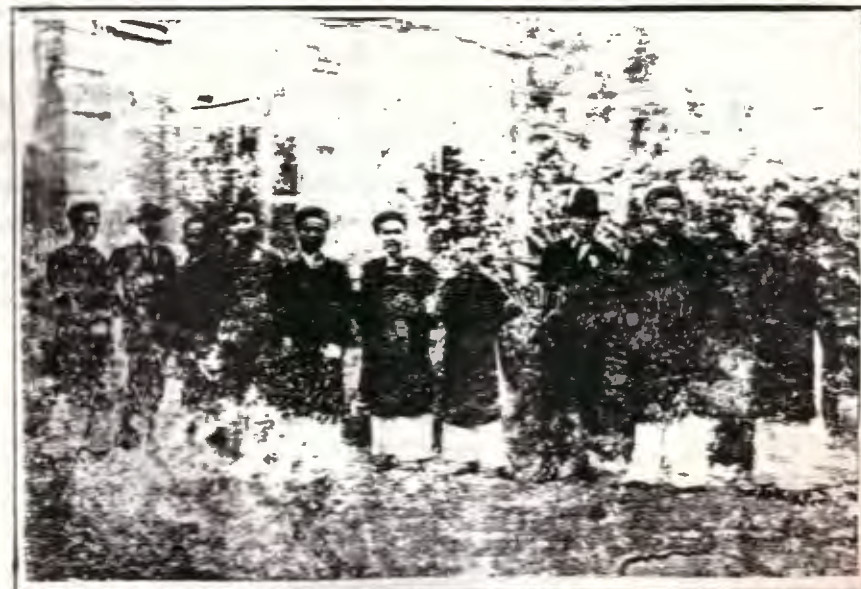
Năm 1918 báo Trung Bắc Tân Văn trở thành tờ báo ngôn luận ra hàng ngày đầu tiên ở nước ta.

Cũng năm 1918 ông Nguyễn Văn Vĩnh dịch những hài kịch của Molière và lần đầu tiên người Việt Nam đóng kịch trên sân khấu nhà hát lớn Hà Nội.

Đông Dương Tạp Chí được đổi thành Học Báo.

Năm 1918 với những sự kiện như đã kể ở trên là thời điểm đánh dấu sự thành công của Cách Mạng Văn Hoá Chữ Quốc Ngữ và mở đầu nền văn minh chữ Quốc Ngữ.

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ THỰC HIỆN HAI MỤC TIÊU PHỔ BIẾN KHOA HỌC THƯỜNG THỨC VÀ VĂN MINH THẠNH TÂY KẾT HỢP VỚI XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VIẾT LÀ CHỮ QUỐC NGỮ



TÒA SOẠN VÀ NHÀ IN TRUNG BẮC TÂN VĂN VÀ ĐĐT
NĂM 1917



BORG. TONCH. 3

1620

Trang đầu quyền
Phép giảng năm ngày của
A-lê-xan-đơ Rô-t

CATHÉCHISME Phép giảng năm ngày

Dieu của Chúa

Chúa là Đấng sáng tạo mọi vật và là Đấng duy nhất đáng thờ phượng. Mọi vật đều được tạo ra để phục vụ con người và để con người được hưởng hạnh phúc. Chúa là Đấng yêu thương và nhân hậu. Mọi người đều được kêu gọi để sống theo Chúa và yêu thương nhau.

Sách vở sang
chép các việc.

Đoạn 1. Sách vở sang chép các việc...
Đoạn 2. Sách vở sang chép các việc...
Đoạn 3. Sách vở sang chép các việc...

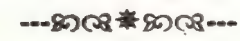
Presbytero Philippo Borario
anno 1622.

HIỆN NAY TRONG
THƯ VIỆN VATICAN
Ở RÔ-MA (Ý) CÒN
LƯU TRỮ ĐẦY ĐỦ
NHỮNG TÀI LIỆU
VỀ CHỮ QUỐC NGỮ
TỪ THẾ KỶ XVI
CHO TỚI NAY

1822

HỒI KÝ CỦA
THẦY CẢ
BÌNH

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ THỰC HIỆN HAI MỤC TIÊU:
PHỔ BIẾN KHOA HỌC THƯỜNG THỨC VÀ VĂN MINH THÁI TÂY
KẾT HỢP VỚI XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VIỆT VÀ CHỮ QUỐC NGỮ.



Cuộc vận động "Đổi mới học tập" bước đầu giành được thắng lợi. Chữ quốc ngữ đã được quần chúng công nhận là thuận lợi hơn hẳn chữ nho trong việc chuyển tải tới quảng đại nhân dân và phổ biến các vấn đề tư tưởng, chính trị, xã hội, kinh tế và các môn khoa học mới của Thái Tây. Chữ quốc ngữ bắt đầu được dạy trong trường học tư cũng như công theo một chương trình do Nhà nước quy định. Vì thế, vấn đề còn lại là làm sao cuộc "Đổi mới học tập" nhanh chóng có thể chiếm trọn địa văn hoá xã hội, chữ quốc ngữ trở thành ngôn ngữ chính thống của đất nước Việt Nam. Đông dương tạp chí (ĐĐTC) đã liên tục phấn đấu thực hiện mục tiêu này bằng những bài viết rất phong phú thiết thực và dễ hiểu, đáp ứng những nhu cầu kiến thức muôn mặt của đông đảo bạn đọc. Những bản nghị luận hóm hỉnh mang đến "Xét tạt mình" ra "Nhời đàn bà" (trong tuyển tập 1 và 2) đã giải đúng chỗ ngứa của đại đa số và cũng đánh đúng chỗ yếu của rất đông bạn đọc. Chữ quốc ngữ đã được thử thách trong các bài dịch và nghị luận về luân lý học, về triết học yếu lược, nghị luận về nông nghiệp và đề điều; nghị luận về thuốc thái tây và người đau nản biết, tin về cuộc họp "Bắc Kỳ Thứ Dân Nghi Viện" kèm theo bài "Vỡ lòng nghề tự trị", các bài dịch văn hoá Thái Tây, các tin tức thời sự nổi bật trong nước và thế giới...Quá trình thử thách này, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh và các bạn

viết khác đã tự rèn luyện văn phong, chữ quốc ngữ được xây dựng và trưởng thành dần biến thành một ngôn ngữ có khả năng tiếp thu tinh hoa ngôn ngữ khác, tự làm cho mình thêm phong phú, mềm dẻo, hiển nhiên có khả năng truyền đạt tất cả các vấn đề tư tưởng, khoa học, chính trị, xã hội, kinh tế...

Bài "*Tật có thuốc*" mở đầu cho loạt bài dịch về luân lý học. Vạch ra những tật xấu phổ biến của dân mình, chính nhằm mọi người cùng biết, cùng thống nhất lo phương điều trị tật bệnh đã kể ra hết, nay cần kê đơn chữa bệnh, tạm nhặt trong sách luân lý của nước Pháp.

"*Tật có thuốc*" (ĐDTC số 15)

TẬT BỆNH CỦA DÂN TỘC TA LÀ BỆNH VỀ PHONG TỤC:

Những phong tục, tập quán lạc hậu, bắt nguồn từ nếp sống phong kiến xa xưa, ít hiểu biết về khoa học, rất xa lạ với khái niệm bình đẳng, dân chủ. Chính vì vậy, ĐDTC đã kê đơn dịch sách luân lý của Đại Pháp, trích dịch của các nhà luân lý triết học Âu Châu đời xưa và đời nay giúp cho bạn đọc thấy một luật lệ cho phong tục khác hẳn của ta. Đó là một phương thuốc giúp dân tộc ta xem xét người mà suy nghĩ về mình, tự thấy cái sai trái của mình, tự vươn lên "*điều lương, điều thiện*".

"*Luân lý học*" (ĐDTC số 15).

Kế thừa và tuân theo di sản phong kiến cổ xưa một cách bất biến, phong tục mà nhân dân ta đang theo là vô vàn lạc hậu, bao gồm biết bao điều sai trái kể sao cho xiết. Cái hay, cái tài của ông Nguyễn Văn Vĩnh là mở đầu tập trung tác động vào các phong tục về quan hệ hôn nhân, thu hút mối quan tâm sâu sắc của hai giới nam và nữ trong tất cả các tầng

lớp trong dân tộc, vua quan hay sĩ, nông, công thương. Người làm bố làm mẹ cũng phải biết.

Vấn đề đầu tiên là phận sự vợ chồng trước khi lấy nhau, nam cũng như nữ phải tích cực chuẩn bị, tự giác rèn luyện mình những đức tính, tài năng cần thiết để ai nấy làm tròn nhiệm vụ riêng của mình trong tổ ấm sau này. Vấn đề kén vợ, kén chồng như thế nào được đặt ra: "*Trông nhan sắc của cái thì nên ít, cầu lấy thanh khí và ưa nhau về đức hạnh thì nhiều, tuổi tác và gia tư đôi bên không nên cách nhau xa lắm*". Thực hiện chỉ một điều này là giải phóng nữ giới khỏi tệ nạn "*Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó*", lấy chồng mà không được tìm hiểu người làm chồng, thậm chí có không ít cô dâu đến ngày cưới mới nhác biết mặt chồng.

"*Phận sự vợ chồng trước khi lấy nhau*" (ĐDTC số 16)

Sau khi đã thành vợ thành chồng thì sao? Vấn đề "*phu xướng, phụ tòng*" không mâu thuẫn với vợ chồng bình đẳng, người chồng không tôn trọng vợ, đè nén vợ, đánh đập vợ thì là dặt lùi về thời cổ giã man. Tại sao "*phu xướng, phụ tòng*"? Đó là xuất phát từ tài năng và sự phân công khác nhau giữa vợ và chồng trong gia đình. Người đàn ông có nhiều sức khỏe, có nhiều năng lực làm ăn trong gia đình và ngoài xã hội, nên được phân công phần việc nặng nhất, bảo vệ lợi ích của toàn gia đình. Trách nhiệm lớn thì tất nhiên có quyền lớn hơn "*Phụ tòng*" là vì thế, chẳng phải là công bình hay sao? Hồi đó người phụ nữ ít được học tập, ít ra xã hội, bị thu hẹp trong trách nhiệm làm mẹ và nội trợ ở gia đình thì quan điểm "*phu xướng, phụ tòng*" này là tiến bộ, đáng được ghi nhận.

Ngày nay, lịch sử đã sang trang, nữ giới cuối thế kỷ XX thua kém chi đàn ông. Những nữ anh hùng, nữ bác học, nữ văn hào, nữ chính trị gia, nữ doanh nhân nổi tiếng ở nước nào

cũng là lực lượng lớn tham gia xây dựng đất nước, xây dựng gia đình. Đó là sự phát triển của “*phu xướng, phụ tòng*” sang một quan hệ khác hẳn.

“*Phận sự vợ chồng*” (ĐDTTC số 17).

Từ cổ chí kim, chức dịch người đàn bà biến đổi theo quy trình biến đổi của lịch sử nhân loại, tất nhiên theo hướng tiến bộ, nhanh chậm ở mỗi nước khác nhau. Cách xã hội đối xử với người đàn bà trong một thời, trong một xứ nói lên trình độ văn minh của thời ấy, xứ ấy. Lấy lý mà suy, người đàn bà là bạn của người đàn ông.

Vợ phải là bạn tri kỷ của chồng, biết tổ chức nhà cửa êm ấm, tươi đẹp, biết chia sẻ vui buồn với chồng, cùng chồng thưởng thức những thú vui giải trí... làm sao cho người chồng thấy về nhà là tổ ấm, vui thích nhất, không đâu bằng.

“*Chức dịch riêng của người vợ*” (ĐDTTC số 18-19).

Người ta sống ở đời không phải cốt cầu lấy sướng thân như một số nhà triết học cổ đại đề ra. Người nào lấy sướng thân làm mục đích cuộc sống thì người ấy sẽ khổ sở nhất, luôn luôn bất mãn, vì cái sướng rất hiếm, rất khó kiếm và chỉ có nó thật sự sau biết bao cố gắng, vất vả, khó nhọc. Cho nên, mục đích cuộc sống là luôn luôn rèn luyện, đấu tranh để giảm bớt vô vàn khó khăn trong đời, mà mỗi lần đạt kết quả, con người cảm thấy thật sự sung sướng.

“*Người ta sống ở đời không phải cốt cầu lấy sướng thân*” (ĐDTTC số 28).

Và sống ở đời cũng không thể lấy “*Lợi riêng*” làm gốc như nhà triết học Hy Lạp Epicure (Trước Công nguyên) khuyến

dụ: Trong cộng đồng xã hội, mọi người đều phải sống dựa vào nhau, không thể sống riêng biệt. /i thể người ích kỷ, chỉ biết lợi ích riêng của mình, không tính đến lợi ích chung, làm sao sống nổi trong cộng đồng. Lợi ích riêng nằm trong lợi ích chung và nó chỉ được bảo đảm khi lợi ích chung đồng thời được bảo đảm, không bị vi phạm.

“*Lợi riêng*” (ĐDTTC số 29).

Nhưng lợi ích chung là thế nào? Đối lập với lợi ích riêng, lợi ích riêng có khái niệm rất cơ bản, từ rất hẹp đến vô cùng rộng: Có lợi ích chung của gia đình, của một tỉnh, của một nước, của một khu vực, của toàn cầu v.v... và lợi ích chung hẹp không được trái và gây thiệt hại cho lợi ích chung rộng hơn nó. Luân lý cũng như pháp luật đòi hỏi người ta phải hy sinh lợi ích riêng khi nó gây thiệt hại cho lợi ích chung.

“*Luân lý mà theo lợi chung thì kết quả ra thế nào?*” (ĐDTTC số 30).

Nhận thức sâu sắc tình trạng dân ta từ thời thượng cổ tới nay luôn luôn bị chìm đắm trong những phong tục lạc hậu nghìn đời, mọi công việc làm ăn nông, công, thương đều theo phương thức cổ xưa, rất vất vả mà kém hiệu quả. Vì thế đời nay qua đời khác, các thế hệ nối tiếp nhau trong dốt nát, đói nghèo, trong lạc hậu, trì trệ. Nguyên Văn Vĩnh và nhóm ĐĐTC tự đề ra mục tiêu đi tiên phong và động viên một phong trào rộng rãi, cùng nhau bắt tay vào việc nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho dân tộc Việt nam bước vào con đường tiến bộ. Biện pháp chính là song song với phát động cách tân học tập, học và sử dụng chữ quốc ngữ, trên mặt báo không ngừng xuất hiện các bài báo phổ biến khoa học thường thức, các bài nghị luận, đề cập những vấn đề thiết thực, rất cấp thiết nhưng nhân dân ta ít hiểu biết.

VỀ NÔNG NGHIỆP

Nước ta là một nước nông nghiệp, cuộc sống mọi mặt duy trì được là nhờ vào nông nghiệp. Từ cổ xưa, ông cha ta đã đúc kết ra kinh nghiệm quý báu để phát triển nông nghiệp: *"Nhất nước, nhì phân, ba cần, bốn giống"*. Ấy thế mà nền nông nghiệp lạc hậu của ta đâu có thực hiện được ! Nước là yếu tố hàng đầu mà không sao chủ động được ở trong khu vực nhiệt đới, mưa nhiều và hạn hán xen kẽ nhau, gây tác hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp. Để giảm bớt khó khăn này, Vương Triều nhà Lý đã lãnh đạo nhân dân ta kiên trì đắp đê ven các con sông chống lũ lụt ở miền Bắc. Các thế hệ nối tiếp nhau đều ra sức đắp và củng cố đê điều, tạo ra điều kiện thuận lợi hơn cho sản xuất nông nghiệp, tuy thế, vẫn không giành được thế chủ động. Ta có câu : *"Tức nước vỡ*

bờ" cho nên đê càng cao, càng gây tức nước và trong những con đê dài do nhiều địa phương, tỉnh, huyện, xã làm bằng lao động thủ công của hàng chục hàng vạn người, làm sao tránh khỏi sự sơ suất? Tất nhiên, có những quãng đê yếu yếu chưa được chăm sóc đúng mức, có những quãng đê yếu kém hoặc bị mối xông, kiến đục, chuột phá mà không phát hiện kịp thời. Đó là nguyên nhân gây nên lụt lội hàng năm ở nơi này, nơi kia, phá hoại mùa màng, nhà cửa, đường xá.

Trần trở trước tình trạng này. ĐĐTC rất chú trọng đưa tin tức về hoạt động thủy lợi, nước lên, nước lụt và các bài nghị luận về công việc thủy lợi, những tiến bộ đã đạt được (*đắp đê, xây cống, đào mương máng dẫn thủy nhập điền...*) để hạn chế lụt, hạn chế hạn hán. Nêu lên những tiến bộ bước đầu đã đạt được để động viên những tiến bộ mạnh hơn. ĐĐTC cũng nêu lên những khó khăn và tồn tại rất lớn trong công tác thủy lợi, mời đồng bào bạn đọc cùng suy nghĩ, viết bài đăng báo góp ý về biện pháp khắc phục. Bạn đọc đã nhiệt tình hưởng ứng, tựu trung có nhiều biện pháp về hai phương hướng trái ngược nhau: củng cố đê vững chắc, đủ sức chống lại sức nước, tức nước mà không vỡ bờ; hoặc ngược lại, phá bỏ đê, xây mương máng, cống dẫn nước, xóa bỏ tình trạng tức nước, cho phép nước sông tràn vào bờ thoải mái khi có mưa lũ, phân phối nước sông tràn bờ thoải mái khi có mưa, lũ, phân phối nước hợp lý và nhanh..

Sau đây là các bài nghị luận cốt yếu sau đây:

- Luận về đê - ĐĐTC số 18.
- Luận về đê (Củng cố đê) - ĐĐTC số 20 - Ngô Văn Lâm - Tri huyện Tiên Lữ .
- Luận về đê (Phá bỏ đê) ĐĐTC số 21 - Phạm Xuân Khôi - Tri huyện Thanh Thủy.

- Luận về đê - Nói về hưng lợi trừ hại ở sông Thái Bình
- Trần đức Trọng - Nghị viện tỉnh Vĩnh Yên - ĐDTC số 22 .

VỀ BUÔN BÁN .

Việc buôn bán thời ấy chưa nhiều, phần lớn là tiểu thương, cả vốn liếng trên gánh hàng bán trong ngày. Các thương gia trong cửa hiệu thì với đại đa số khối lượng hàng hoá và doanh số bán hàng trong một tháng cũng chỉ nhàn nhàn, không lớn. Cũng có người giàu có, nhưng là giàu tiền, giàu vàng cất giấu trong tủ hoặc biến thành ruộng, vườn nhà cửa. Vì thế trong thương mại, việc ghi chép sổ sách rất đơn giản, phù hợp với sự đơn giản trong kinh doanh. Tươi tất thì có sổ kho, ghi xuất nhập kho mỗi khi có biến động, ghi để khi cần thì kiểm tra thôi, chứ bà chủ, cô chủ chỉ cần mở cửa kho, nhìn vào, trong đầu đã biết mỗi thứ hàng hoá gì hết, gì còn, bao nhiêu ; một quyển sổ bán hàng, ghi chép thu chi từng món ở cửa hàn, cuối ngày chỉ cần mười phút là rút ra kết quả thu chi và đối chiếu với quỹ là xong. Cách kinh doanh đơn giản đó tạo nên một thói quen, một tâm lý kinh doanh nhỏ, hạn chế ý chí cầu tiến. Ông Nguyễn Văn Vĩnh nhận thức rõ tác hại này nên ĐDTC đã đăng một loạt bài giới thiệu "*Cách buôn bán Lang Sa*", giới thiệu công việc ghi chép và kế toán ở cửa hàng, rất phổ cập nhưng có ích cho thương nhân thời đó. Ngày nay, chỉ giới thiệu sự việc để chúng ta cũng thấy ĐDTC đã rất hay bén trong ý đồ cách tân đất nước mà không cần in lại.

VỀ THÔNG TIN THỜI SỰ :

Tin tức thời sự nổi bật trong nước và quốc tế được ĐDTC rất quan tâm, được lựa chọn và đăng rập rờn trên mỗi số báo. *Lời đặc điểm tạp chí, số trang dành cho tin tức không thể nhiều nên phải viết rất ngắn, gọn ghẽ, dễ hiểu và rất phong phú, đáp ứng được những yêu cầu thông tin rất đa dạng của độc giả thuộc nhiều tầng lớp và ngành nghề: tin sản xuất nông nghiệp, tin thời tiết, tin thương mại, thuyên chuyển, khen thưởng hay kỷ luật trong giới công nhân viên chức, tin về các hoạt động văn hoá, giáo dục, chính trị như : " Bắc kỳ thứ dân nghị viện" họp kỳ thứ nhất. Tin thời sự quốc tế . chính trị, kinh tế, ngoại giao hoặc chiến tranh theo điện báo gửi từ khắp các nước Á. Âu, Phi, Mỹ. Mục thông tin được công đảo độc giả yêu thích vì nó giúp bạn đọc theo kịp các biến động mọi mặt trong nước và trên thế giới, thoát khỏi tình trạng "Ếch ngồi đáy giếng" , phần nào dân ta được hoà đồng với các nước xung quanh. Tin " Bắc Kỳ Thứ Dân Nghị Viện" họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội được phản ảnh trên ĐDTC từ buổi khai mạc đến khi kết thúc. Đó chính là hoạt động chính trị sơ khởi của nhân dân ta. Dưới đây xin in lại các bài tường thuật để giúp các độc giả ngày nay thấy bộ mặt giả dối của đế quốc Pháp, với danh nghĩa khai hoá đã cai trị nước ta như thế nào và cũng thấy trình độ còn rất thấp kém của nhân dân ta thể hiện trên trình độ các nghị viện của ta.*

- Bắc Kỳ Thứ Dân Nghị Viện họp tại Hà Nội kỳ thứ nhất.....ĐDTC số 23 .

- Nghị Viện.....ĐDTC số 25 .

- Bài Diễn thuyết của Thống sứ Bắc Kỳ Destenay
ĐDTC số 25 .

- Các công việc của Nghị Viện...ĐDTC số 26-(7trang).

Trong “*Vỡ lòng nghề tự trị*”, ông Nguyễn Văn Vĩnh so sánh trình độ nhân dân ta và nhân dân Pháp (cùng ở thời đó) và kết luận : “*Mỗi bước có mấy bước, trông thấy còn xa; nhưng mà vững tin ở thấy, tin bạn, đi bước nào chắc tiến bước ấy thì đường muôn dặm tuy xa mà hoá nên gần, vị tất mấy bác chạy càn đã lên trước được ta.*” Đó chính là con đường dẫn Việt Nam tới độc lập, trong điều kiện dân trí thấp, đế quốc Pháp đã mạnh lại trong thời kỳ vì lợi ích của chính nó, phải thi hành một chính sách khai hoá hạn chế ta có thể và cần phải lợi dụng để học tập và chuẩn bị điều kiện tiến lên. Hoà hoãn với Pháp là một sách lược trước mắt, tranh thủ hoà bình, chuẩn bị điều kiện bước vào đấu tranh.

- “*Vỡ lòng tự trị*” (có thể in toàn bài hoặc chỉ trích in từ “*Bên Đại Pháp dân thấy thấy để có học ...*” đến hết bài).

- Việc dịch sách Thái tây. Sách Pháp văn ra quốc ngữ là biện pháp rất quan trọng để nhóm ĐDTC thực hiện đồng thời hai mục tiêu : giới thiệu tư tưởng và mỹ tục Thái tây, một số vấn đề khoa học phổ thông... Kết hợp với đưa chữ quốc ngữ vào thử thách, qua dịch mà rèn luyện cho chữ quốc ngữ có khả năng diễn đạt rõ ràng, ngày càng chính xác mọi vấn đề của loài người. Vì thế, trên ĐDTC, bên cạnh các bài nghị luận và thông tin mọi mặt, liên tục có những bài dịch từ Pháp văn đi sâu vào rất nhiều chủ đề : về luân lý học, triết học, thương mại học, văn học... Đặc biệt trong mục : “*Pháp văn hợp thái*”, các bài dịch về thơ văn Pháp được lựa chọn nhằm giúp cho quốc ngữ rèn luyện được cách viết trong sáng, văn và thực tiễn, văn và tư tưởng gắn liền với nhau, tránh lối văn hay rỗng tuếch, rất nhiều mỹ từ mà ít ý. Ngoài ra, Nguyễn Văn Vĩnh có dịch một chuyện dài “*Gil-Blas de Santillane*” của văn hào Lerage, đăng từng đoạn ngắn trên mỗi số. Sau đây, in một số văn dịch:

- Giấc thiêu và dịch văn của Maurice Materlinck, vừa là nhà văn Bỉ (Belgique) nổi tiếng, vừa là nhà tư tưởng sâu sắc.

ĐDTC số 7 - Phạm Quỳnh .

- Con chiên và con chó sói (Của văn hào Pháp La Fontaine)

ĐDTC số 29 - Nguyễn Văn Vĩnh.

- Mặt trời mọc (Trích dịch của văn hào Pháp J.-J. Rousseau).

ĐDTC số 28 - Nguyễn Văn Vĩnh.

Dịch sách nước ngoài không phải vì mới lạ ! Điều cốt tử cần nắm là phải lựa chọn để đạt cho được mục đích : giới thiệu cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ thể hiện trong sách xa rời nguyên tắc hay, dịch sách chỉ nhằm mục đích thương mại hoá, dịch bất kỳ sách nào chiếu theo thị hiếu thấp kém của độc giả, chỉ trích cái lạ mà không phân biệt rạch ròi cái tốt, cái xấu, cái thiện cái ác thì chính là đầu độc xã hội, tác hại khôn lường đến trí tuệ và đạo đức xã hội. Vấn đề này đã xảy ra trong dịch sách Tàu và nếu không chú ý ngăn chặn và cũng sẽ xảy ra khi dịch sách Thái tây. Vì vậy, ông Vĩnh viết bài “*Tội sách Tàu*”. Sự huyền hoặc của số sách Tàu này (*Lỗi tại người dịch chèn sách sai*) đã được phân tích kỹ, tác hại của nó đối với đông đảo bạn đọc, nam nữ, già trẻ. Cái không hay ấy mà dịch ra quốc ngữ, số rất đông đọc được, ai nghe cũng hiểu rõ sự độc hại an rộng, lan nhanh gấp bội viết bằng chữ nho. Đây là điều nặc nhở vô cùng cần thiết đối với dịch giả, kể cả đối với các độc giả để biết sách mà dịch, lựa sách mà đọc.

Trong bài này, điều hạn chế của ông Vĩnh là coi một số cuộc đấu tranh nổi lên chống đế quốc Pháp cũng do các sách độc hại này gây ra. Thực tế, đây cũng là những hành động cứu nước rất đáng trân trọng, chỉ khác với quan điểm và phương pháp ôn hoà của ông Vĩnh mà thôi.

* * *

Đồng dương tạp chí là tờ báo chính thức đầu tiên viết toàn bằng chữ quốc ngữ, xuất bản ở miền Bắc và phát hành trên toàn quốc. Có một phần nhỏ ở Đông Dương. Mục tiêu của báo là góp phần nâng cao dân trí, đưa tiến bộ vào đất nước bằng cách :

- Vận động xoá bỏ các hủ tục phong kiến lạc hậu.
- Phổ biến rộng rãi các tư tưởng tốt đẹp và các vấn đề khoa học thường thức của Thái Tây, hướng dẫn cải tiến các hoạt động sản xuất kinh doanh, thông tin kịp thời các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội nổi bật trong nước và quốc tế.
- Vận động cách tân học tập, phổ biến hoá việc học và sử dụng chữ quốc ngữ, coi đó là mục tiêu chủ yếu để thực hiện khác.

Trong năm 1913 năm đầu tiên ra mắt bạn đọc, ĐDTC luôn luôn quán triệt ba mục tiêu này và được bạn đọc hưởng ứng nhiệt tình. Một kết quả hiển nhiên là chữ quốc ngữ được đông đảo quần chúng công nhận là thuận lợi hơn hẳn chữ nho, phong trào học và sử dụng chữ quốc ngữ tăng lên nhanh chóng. Văn chương quốc ngữ nảy nở trên mặt báo cũng như ngoài xã hội, hứa hẹn sự mở đầu quá trình chữ quốc ngữ độc chiếm trận địa văn hoá - giáo dục - xã hội, chữ nho dĩ vào dĩ vãng. Số độc giả tăng lên nhanh, đặc biệt ở cả ba đế mục, số độc giả biến thành cộng tác viên tăng lên. Nhiều bài nghị luận và góp ý nói lên sự đồng tình và góp phần thực hiện mục tiêu.

33 số báo trong năm 1913 thành công đã tạo điều kiện cho ĐDTC làm tròn nhiệm vụ tiên phong trong làng báo trong

những năm tiếp theo, sẽ là công cụ sắc bén để động viên với cùng xã hội phấn đấu đi vào phong trào đổi mới toàn diện. Kiên trì thực hiện ba mục tiêu này, ĐDTC nhằm góp phần chuẩn bị một cách ôn hoà, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nước ta lúc đó, các điều kiện hết sức cần thiết cho giai đoạn đổi mới tiếp theo cao hơn mà biện pháp thực hiện chưa thể xác định /.

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

Phổ-thông học-báo

MỖI TUẦN-LÊ RA NGÀY THỨ NĂM

Giá báo và cách giá tiền :

Mua báo có hai cách giá tiền

1^o Giá tiền ngay lúc mua :

Một năm 6 \$ 00

Nửa năm 4 00

Ba tháng 2 25

2^o Giá lẻ, chỉ để riêng cho những người làm việc Nhà-nước, các nhà-tờ, các nhà-lại, lương tháng từ 50 đồng trở xuống :

Phải mua một năm, lúc mua phải trả ngay 1 đồng, rồi trong bảy tháng nữa, mỗi tháng 1 đồng cho đến hết, thiếu tháng nào không gửi báo nữa chẳng phải trả từ đời bởi chi cả. 9 \$ 00

Mua báo ở các nhà giày-thép cũng được, không phải mất thêm tiền mandat và tiền gửi đồng nào cả.

Bán lẻ những hiệu sau này :

HÀ-NỘI : tại Bán-quán, 20 Bd Carreau.
Librairie d'Extrême-Orient, 26 phố Paul-Bert ;

Librairie Taupin et C^{ie} ;
Les-Ky & C^{ie}, 54 phố hàng Giấy ;
Văn-Hiến, 84 phố hàng Mã-mày ;
Tay-Ky, 98 phố hàng Gai ;
Cầm-Vân-Đường, 10 phố hàng Bông Cát-Trần, 1 phố hàng Đào ;
Mục-Biệt-Từ, phố hàng Bông ;
Nam-Long, 2 phố Đông-xuân ;
Văn-Tùng, 81 phố hàng Đào ;
Phù-Vân, 16 phố hàng Gai.

HẢI-PHÔNG : Librairie d'Extrême-Orient, phố Paul-Bert.

HUẾ : Librairie TRẦN-HÙNG, phố Paul-Bert.

Thư-từ, thông-tin, bài đăng, xin vào cáo-bạch rao hàng, xin cứ gửi cho Chủ-nhân là :

F.-H. SCHNEIDER

Hanoi. — 29 phố Carreau. — Hanoi

Luân lý học

(La culture morale)

DỊCH CỦA CÁC NHÀ LUÂN-LÝ CHIẾT-HỌC ÁU-CHÂU ĐỜI XƯA VÀ ĐỜI NAY

(Extraits des Auteurs, philosophes et moralistes, anciens et modernes de l'Europe)

Objet de la morale

M. Ferraz, a dit au commencement de sa « Philosophie du Devoir » (1). La morale est, comme son nom l'indique, la science des mœurs. Les mœurs ne sont ni de simples actions, ni des qualités naturelles. Elles tiennent le milieu entre ces deux choses: elles sont des qualités, acquises par la répétition fréquente des mêmes actions, elles sont des *habitudes*. Elles peuvent donner lieu à deux espèces d'études fort différentes. La première consiste à observer les mœurs des hommes comme on observe, dans l'histoire naturelle, celle des animaux, sans se proposer aucun but ultérieur; la seconde consiste à déterminer rationnellement les principes et les règles auxquels les mœurs doivent se conformer pour être bonnes. Théophraste et La Bruyère se sont livrés à la première de ces études; ils ne sont que des peintres de mœurs; Platon et Kant se sont livrés à l'autre: ce sont de véritables philosophes moralistes. Déterminer les règles

(1) Ferraz, Philosophie du Devoir, (Perrin et Cie, Editeurs).

Luân lý học là gì ?

Ở đầu sách « Nghĩa-vụ-chiết-học », (*Philosophie du Devoir*) Ông Ferraz có nói rằng :

Luân-ly là một khoa học phong-tục. Phong-tục chẳng phải là những việc ăn-ở thường, mà cũng chẳng phải là những nề-tư-án-điền. Phong-tục nữa là những việc ăn-ở, nữa là những nề-tư của người ta. Chính nó là ăn ở một lối mãi mãi mà thành ra nề-tư, vì chỉ là thói quen. Phong-tục có hai lối học khác nhau.

Một lối thì chỉ xét cho biết phong-tục người ta, cũng như là khoa Tạo-hóa-học, xét tính các động-vật, chỉ xét cho biết mà thôi, chứ không có mục đích nào về sau nữa.

Một lối thì theo lẽ phải mà định các nguyên-lý, các lệ-luật để mà khiến phong-hóa cho được nên hay.

Lối thứ nhất thì thượng-có có ông Théophraste, người Hi-lạp, mà cận-có đây thì có ông La Bruyère là người Đại-pháp. Hai ông ấy là hai tay thợ vẽ phong-tục.

Còn lối thứ hai, thượng-có có ông Platon, người Hi-lạp, mà cận-có thì có ông Kant (Tâu gọi Khang-lê), người nước Đức. Hai ông ấy thực là những tay luân-ly chiết-học.

Đặt luật-lệ cho phong-tục, tức là luật
(Tiếp theo Lem trang 40)

Luân lý học

(La culture morale)

Extraits de moralistes anciens et modernes d'Europe

DỊCH CÁC SÁCH LUÂN-LÝ ÁU-CHÂU RA

Luân lý mà theo lợi chung thì kết quả ra thế nào ?

Môn triết-học theo luân-ly lấy nghĩa lợi riêng, thầy không hợp-ly, kết quả ra làm cách căn-cớ như truyện hai ông thầy thuốc nói ở kỳ-trước. Muốn cứu cho môn ấy đứng được, một lối nghĩa lợi-riêng ra nghĩa lợi-chung. Đời thế-kỷ thứ XVIII và thế-kỷ thứ XIX có mấy nhà triết-học nước Anh, có sức dựng cho thành môn ấy. Ông Hobbes (1588-1679) thì nói rằng ta chịu thiệt thòi để lợi cho người đồng-loại của ta chẳng qua cũng là câu tư lợi của ta. Ông Bentham (1748-1832) lại nhân nhờ ông Hobbes mà giải nghĩa rộng ra, nói rằng sự ích-kỷ là một sự tính sai: người ta có thầy kẻ thân cận mình sướng thì mới được sướng, vậy thì tư lợi cũng lẫn với công-lợi. Bớt thế câu có: *Câu ngã hạnh-phúc Recherche ton bonheur* đổi ra làm một câu mới: *Câu cho nhiều người nhất được nhiều hạnh phúc nhất*. (Recherche le plus grand bonheur pour le plus grand nombre. Đền thờ cận-có ta, ông Stuard Mill, người Anh (1806-1873) lại bỏ thêm cái đạo *vi lợi* ấy, dựa vào ông Stuard Mill khéo luận những nhẽ cao-kiên đền nổi cái đạo *luân-ly vi lợi* ấy, dựa vào nghĩa ích-kỷ, và mới thoát ngấm tướng là một đạo dạy quên-thân vì nghĩa. Nhưng mà học thì phạm luân-ly không dựa vào nghĩa lợi-riêng được mà cũng không dựa vào nghĩa lợi-chung được. Chứ luân-ly với chữ lợi không đi với nhau được.

Trong sách « Điều thực, điều đẹp, điều thiện » ở bài thứ XIII, ông Victor Cousin có nói rằng :

En recherchant avant tout l'intérêt général, on peut tomber dans mille iniquités. — Ou bien, il faut prouver que l'intérêt général est toujours conforme à la justice. Mais ces idées ne sont pas adéquate. Si, très souvent, elles vont ensemble, quelquefois aussi elles vont séparées. Thémistocle proposa aux Athéniens de brûler la flotte des alliés qui se trouvait dans le port d'Athènes, et de s'assurer ainsi la suprématie. Le projet est utile, dit Aristide, mais il est injuste, et sur cette simple parole, les Athéniens renoncèrent à un avantage qu'il faut acheter par une injustice. Remarquez que Thémistocle n'avait là aucun intérêt particulier, il ne pensait qu'à l'intérêt de la patrie. Mais, eût-il hasardé ou donné sa vie pour arracher aux Athéniens

Nếu mà ăn ở cứ nệ câu lấy lợi-chung trước nhất, thì sinh ra làm việc bất-công. — Nếu vậy, thì phải viện tang ra rằng nghĩa lợi-chung bao giờ cũng hợp với công-ly mới xong. Hai chữ công-lợi với công-ly, nghĩa bất tương-dồng. Cũng nhiều khi hai cái hợp với nhau, mà cũng nhiều khi biệt nhau. Xưa ở nước Hi-lạp ông Thémistocle bàn với dân thành Athènes đốt sạch cả chiến-thuyền của quân Đổng-minh ở đó ở cửa Athènes đi để giữ quyền nhất-thông cho nước; ông Aristide cũng là tướng Hi-lạp, đáp rằng, việc ấy làm thì lợi, nhưng bất-công. Dân Hi-lạp nghe thầy lời ấy thì chịu bỏ một việc lợi, vì rằng việc lợi ấy phải trái công-ly mới làm được. Như trong sự bàn ấy thì ông Thémistocle thực không vì tư-lợi chút nào, chỉ vì lợi nước nhà mà

un tel acte, il n'aurait fait que consacrer, ce qui s'est vu trop souvent, un dévouement admirable à une cause immorale en elle-même.

A cela on répond que si dans l'exemple cité la justice et l'intérêt s'excluent, c'est que l'intérêt n'était pas assez général ; et on arrive à la maxime célèbre qu'il faut sacrifier soi-même à sa famille, la famille à la cité, la cité à la

contrainte, car elle s'adresse à notre liberté ; nous pouvons la violer : nous la violons en effet : l'obligation est un fait primitif, distinct de tous autres, qui constitue pour nous le devoir, c'est-à-dire un commandement que nous reconnaissons pour légitime. Nous sommes libres, mais nous ne sommes pas les maîtres de notre liberté. « Il ne faut pas que, semblables à des soldats volontaires, nous ayons l'orgueil de nous placer au-dessus de l'idée du devoir, et de prétendre agir de notre propre mouvement, sans avoir besoin pour cela d'aucun ordre... Devoir et obligation, voilà les seuls mots qui conviennent pour exprimer notre rapport à la loi morale ». Ainsi s'exprime le philosophe Kant. Il dit : notre rapport à la loi, et il dit bien. La conscience, en effet, nous commande au nom d'une loi, d'une loi universelle qui, dans des circonstances identiques, prescrit à tous des devoirs absolument pareils. Il existe une loi qui propose le devoir à

thôi. Nhưng vì thế ông ấy có quyền-thân hoặc liêu mạng mình mà buộc cho dân Athens phải làm điều ấy, thì có phải rõ ông ấy đem một tình trung-nghĩa lạ, mà thì hành một nghĩa rất trái luân-lý không ?

Hoặc giả cũng có người đáp rằng trong việc ấy công-lợi với công-lý không hợp nhau là bởi cái lợi ấy không được đủ nghĩa công. Bởi đó mới thành ra câu : phải bỏ mình cho gia-tộc, phải

là điều ép uổng, vì nghĩa ấy can-thiếp với tự-do của ta. Ta muốn phạm nó cũng được, mà thường ta phạm nó luôn. Nghĩa-buộc là một việc tự-nó hiện ra, biệt hẳn với các việc khác, làm thành ra nghĩa-vụ ta, nghĩa là một điều nó sui bảo mình mà mình chịu là phải-ê. Chúng ta tự-do, nhưng mà không làm chủ được cái tự-do của mình.

Thấy Kant (Khang-lực) có nói rằng : « Chúng ta không nên bắt-chức những người lính chẳng nghiêm pháp-lệnh, tự mình đứng lên trên điều nghĩa-vụ, và tự-đặc muốn theo ý mình mà làm, không cần phải theo lệnh trên, mà lấy làm kiên cố... Nghĩa-vụ, nghĩa-buộc, đó là hai tiếng, phạm cách can-thiếp của ta với cái luật-phép luân-lý, chỉ nên dùng hai tiếng ấy để diễn ra mà thôi, »

Ông Kant nói : Cách can-thiếp của ta với luật-phép, là nói phải. Vì linh-tính ta nó tuân theo một luật-phép mà truyền báo ta phải làm, luật-phép ấy là một luật-phép đầu đầu cũng vậy, phạm hệ cánh như nhau, thì nó sui phải theo cùng một nghĩa-vụ, bất cứ là ai. Thực có một cái luật nó bản nghĩa-vụ với l ng sứ-dục tự-do của ta.

la volonté libre, et nous disons que la volonté est bonne quand le devoir est accompli.

E. Naville. *Le Problème du mal*, 1er discours (Chertuliez, Genève).

khi ta đã làm được nghĩa-vụ, thì ta nói rằng lòng sứ-dục ta tốt. (Tiếng tây lòng sứ-dục tốt cũng như tiếng ta nói có lòng-sân mà làm điều gì hay.)

Luân lý học

(La culture morale)

Extraits de moralistes anciens et modernes d'Europe

DICH CÁC SÁCH LUÂN-LÝ ÁU-CHÂU RA

Lợi-riêng

Có kẻ biao luân-lý phải lấy lợi riêng làm gốc. Lý-trưởng ấy do từ ông Epicure là một nhà triết-học Hi Lạp (sống từ 337 đến 270 trước Thiên-chúa) khởi sướng ra, dạy người ta ăn ở phải lấy lợi riêng mình làm gốc. Lý-trưởng ấy là cần, cứ suy nhân quả nó ra thì biết rằng không nên theo.

Trong sách « Nghĩa-vụ triết-học » (1) của ông Ferraz, thiên thứ III, mục thứ nhất, có nói rằng :

Une maladie contagieuse éclate dans une ville où il y a deux médecins qui ont gagné, par leur talent, une brillante fortune. L'un d'eux est convaincu qu'après avoir travaillé jour et nuit, pendant vingt ans, pour vivre sur ses vieux jours dans une honnête aisance, il est bien naturel qu'il jouisse de ce qu'il a amassé : il se retire donc à la campagne pour y chercher un repos dont il s'imagine tout à coup avoir besoin. L'autre se dit qu'il est seul capable de venir en aide à une population qu'il aime et dont il est aimé ; que s'il a rempli ses fonctions pendant qu'elles étaient sans péril et qu'elles lui rapportaient de beaux

Trong một tỉnh có hai ông thầy-thuộc cũng có tài, cũng làm nên giàu có cả. Tự dưng có dịch nặng dân gian chết nhiều.

Một ông bụng nghĩ rằng hai mươi năm nay ta đi chữa bệnh đêm ngày khó nhọc. Ngày nay ta già cả hẳn ta có quyền ngồi yên mà hưởng lấy cái của ta đã có công làm ra. Vậy thầy ở tỉnh có dịch mới thối ra rằng một nhọc phải về nhà-quê nghỉ. Còn ông kia thì bụng nghĩ rằng ta yêu mến người ở tỉnh này mà người cũng yêu mến ta, và nay dân vận hạn duy có một ta là cứu giúp được ; trong khi ta giữ chức sự, thì không có điều chi nguy hiểm, mà vì chức sự ấy cho nên giờ ta giàu có. Vậy thì đêm ngày này chính là ngày chức-sự ấy mới được việc cho

(1) M. Ferraz, Philosophie du Devoir (Perrin et Cie Editeurs).

émoluments, il est convenable et même juste qu'il les remplisse au prix de quelques dangers quand elles peuvent être aux autres d'un si grand secours : il reste sur la brèche et se dévoue pour l'humanité souffrante. De ces deux manières d'agir, laquelle est bonne, obligatoire et méritoire, à consulter la morale de l'intérêt ? La première évidemment, puisqu'elle est inspirée par le seul motif légitime, qui est l'amour de soi, et que la seconde est déterminée par un principe tout opposé...

Est-il possible de prétendre que ces conséquences ne sont pas bien déduites, et si elle sont bien déduites, est-il possible de soutenir qu'elles n'outragent pas le sens commun ?

Mais, me dira-t-on peut-être, l'homme sensé s'abstiendra de mal faire par la considération même de son intérêt, car il sait très bien que s'il fait mal, il en éprouvera des remords, et qu'il sera honni et conspué. J'admets cela, mais à une condition : c'est qu'on admettra avec moi qu'il y a une autre loi de nos actions que l'intérêt personnel ; s'il n'y en avait pas d'autre, pourquoi l'homme dont nous parlons se reprocherait-il d'avoir obéi à son intérêt ? il devrait bien plutôt s'en applaudir, puisque c'est là, dans l'hypothèse, la loi de la vie, et qu'en la réalisant il a fait son devoir, il est resté dans l'ordre. De plus, s'il n'y a pas d'autre loi que l'intérêt, l'homme blâmable, l'homme infâme aux yeux du public, comme aux yeux de la conscience dont l'opinion publique est l'organe, ne doit pas être celui qui obéit aux suggestions de l'intérêt personnel, mais celui qui les méconnaît.

dân, thì ta thực nên ra tay làm việc, đâu có nguy hiểm cho ta một chút cũng là : ông thấy thuộc ấy nhất-dịnh ở lại mà hết lòng cứu giúp kẻ nguy nan đau yếu.

Trong hai cách ăn ở ấy, cứ theo lời luân-lý tư lợi thì cách nào là nên, cách nào là phải, cách nào là đáng khen ?

Quyết hẳn là cách thứ nhất, vì thế mới gọi là theo một cơ hợp-lễ nhất, là cơ ái kỷ. Mà cách thứ hai thì lại theo một lý trái hẳn....

Nào ai có cách cãi được rằng kết luận như vậy là chẳng hợp ? Nếu mà hợp, thì nào ai có cách cãi được rằng điều kết-luận ấy lại chẳng tương mâu ngược tại thiên-hạ hay sao ?

Hoặc giả có kẻ bảo rằng : Người biết-diệu kiêng làm điều ác chẳng qua cũng vì tư-lợi, sợ phải hối hận, sợ

phải chúng bài bác, chửi-rủa mà chẳng làm ác.

Ta cũng chịu như vậy, song ai cũng phải chịu cùng ta rằng ngoài đã nghĩa tư-lợi, cách ăn ở của ta lại còn phải theo nghĩa khác nữa ; vì bằng chi có nghĩa tư-lợi mà thôi, thì sao người thấy-thuộc ta nói trên kia, vì theo nghĩa lợi riêng mà thôi, thì bụng lại phải ăn năn ? Nếu vậy, thì kẻ ích-kỷ đáng lẽ phải vỗ tay mà khen lấy mình, vì đó chính là lễ duy-nh-sinh ; mình giữ lấy lợi mình, ấy là thứ kỳ nghĩa-vụ, ấy là theo ở lễ thường. Và nữa, nếu đời người chỉ có nghĩa tư-lợi, thì kẻ nên chê nên mắng, kẻ nên ghét nên hận cho thiên-hạ, và cho lòng-ngay, mà mới thiên-hạ, là máy thông đạt lòng-ngay đó, không phải là đũa nghe tư-lợi, chính là đũa quên mất tư-lợi kia.

Ainsi, ce système de l'intérêt, qui semble si rationnel et si positif à certaines personnes, n'est ni positif ni rationnel le moins du monde ; car il est en opposition flagrante avec les faits les mieux établis et avec les principes constitutifs de notre raison.

Xem như thế thì cái lý-tướng tư-lợi mà mấy người cho làm thực, cho làm phải nhẽ, xét kỹ ra thì không thực mà không phải nhẽ chút nào ; vì lý-tướng ấy so với sự hiện nhiên ra có tang-có cơ, so với những nguyên-lý của cái lý người ta, thực trái lè lè.

Luân lý học

(La culture morale)

Extraits de moralistes anciens et modernes d'Europe

DỊCH CÁC SÁCH LUÂN-LÝ ÁU-CHÂU RA

Từ kỳ này mục Luân-lý học, phân ra làm hai. Một mục trên thì dịch những bài hay riêng cho dân-ông ta. Mục dưới này thì chuyển dịch những bài hay riêng về các bà-čem.

Devoirs des époux avant le mariage

L'homme et la femme qui se proposent de constituer une famille s'unissent par le mariage, acte solennel et grave que les lois et les religions consacrent, et qui impose aux conjoints les plus sacrés devoirs.

Ces devoirs commencent pour ainsi dire avant le mariage. L'homme doit mériter la dignité d'époux et de père de famille par sa bonne conduite, par le travail qui lui assure la position et les ressources nécessaires pour faire vivre honorablement les siens. La jeune fille doit s'y préparer de son côté par l'apprentissage des vertus qui feront d'elle l'orgueil et le bonheur de son époux, le charme du foyer, la

Phận-sự vợ chồng trước khi lấy nhau

Người đàn-ông với người đàn-bà đã định cùng nhau lập nên một gia-tộc, thì phải theo phép cưới mà hội-tụ lại với nhau. Phép cưới là một điều trọng-thể và quan-hệ đã có luật-phép và tôn-giáo định hạn ; phép cưới buộc hai người lấy nhau phải giữ những điều phận-sự tây-giời.

Những phận-sự ấy kể ra thì, có từ khi chưa lấy nhau. Người đàn-ông, thì phải ở cho dưng-lần, đáng mặt làm chồng làm cha, phải có nết hạnh tốt, phải chăm chỉ làm ăn, thì mới có danh-phận, và có tài-lực mà nuôi cho gia-quyền mình được vẻ vang. Người con gái sắp có chồng thì cũng phải liệu trước mà lập sẵn lấy các đức-hạnh làm

mère irréprochable, la consolatrice des misères inévitables de la vie. Ces vertus sont la douceur, la modestie, la patience, la bonne humeur, le courage aussi et la résignation.

Ce qui doit déterminer le mariage, ce sont moins les attraits extérieurs ou la richesse que la sympathie des caractères et la douce séduction qu'exercent les qualités morales. Il importe que les âges et la fortune ne présentent pas de trop fortes inégalités. Les mariages qu'on appelle mal assortis sont rarement heureux.

— H. CARRAU, *Notions de morale*, (Picard et Kaan, éditeurs).

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

SỐ 17

Luân lý học

(La culture morale)

An-nam ta có người thầy người đàn-bà Đại-pháp được ăn sung mặc sướng hơn, có quyền hơn, chớ con qui trong hơn, thì tướng là luân lý bị trái luân lý ta, tướng là trong đức hạnh người đàn-bà Âu-châu không có chớ thuận. Quyền báo được chớ, chớ chớ không báo được mình. Thực là lầm.

Xem ngay như bài luân lý sau đây, dịch ra quốc-âm, thì biết rằng Âu-châu hiện nghèo chớ thuận một cách cũng cao bằng ta.

Devoirs communs aux deux époux

De l'autorité du mari et de la soumission de la femme

Les obligations de l'homme et celles de la femme ont beau différer comme différent leurs aptitudes, ils doivent contracter sur le pied d'égalité, et trait-

cho chớng được danh-giá, sung sướng về mình; làm cho trong cửa trong nhà có lý-thú; sau nên được một người mẹ trọn đạo, nên một người bạn khuyên giải những điều bực không tránh được của đời người. Những đức-hạnh ấy là: ngọt ngào, thủy mi, kiên-nhiên, tri-ê-tính, lại phải có can-dảm và biết danh-phận.

Kệ vợ kén chồng, trông nhau sắc của cái thì nên ít, cái lấy thanh-khí và ưa nhau về đức-hạnh thì nhiều. Tuổi tác và gia-tư đời bền không nên cách xa nhau lắm. Những đám lấy nhau, mà người ta bảo là không được sung đời thì ít khi ở với nhau được sung sướng.

—

Phận-sự vợ-chồng

Phu xướng, phụ tòng

Phận-sự người đàn-ông với phận-sự người đàn-bà tuy rằng khác nhau, vì nam nữ tài-cán mỗi bên một khác, nhưng mà việc lấy nhau vẫn phải là theo nề bằng-dẳng, việc gì cũng phải coi như đôi bên bằng nhau. Vì bằng-

ter en tout d'égal à égal: ils sont des personnes au même titre et ont des droits égaux. S'il en était autrement, si le mariage autorisait une personne à faire d'une autre son instrument et sa chose, il serait un retour à la barbarie, au lieu d'être une institution juste et bienfaisante. Malheureusement cette vérité n'est pas encore reconnue de tous; dans beaucoup de pays, la femme est plutôt pour l'homme une esclave qu'une compagne. Un homme qui impose violemment son autorité, au lieu de chercher à l'établir par la douceur et la bonté, est un tyran insupportable. La brutalité, toujours repoussante, devient odieuse dans le mariage, qui doit être par essence, une société de paix et d'amour.

Ainsi les obligations morales sont en réalité les mêmes pour l'homme et pour la femme. Ils s'engagent à rester toute la vie fidèles et dévoués l'un à l'autre, à se prêter secours dans le danger, assistance dans le besoin. Ce-

pendant cette égalité n'exclut pas, mais suppose, au contraire, la différence des attributions. Il n'y a ni supériorité, ni infériorité, il y a différence profonde. Identiques au fond, les devoirs prennent donc des noms divers. L'homme étant ordinairement le plus fort doit prendre la plus lourde part de l'œuvre commune; il est le chef naturel de la famille, la représente au dehors, la défend, la

không được như thế, nếu hai người lấy nhau mà một người được phép muốn làm gì người kia cũng được, như cái chày cái đục, như một vật mọn của mình, thì thực là người ta, đặt lui về thời có giá-man, chớ không phải vợ-chồng là một cách quân-tu theo nề công-minh và làm hay cho nhân-loại nữa.

Chàng may lâu-thực ấy còn có người chưa chớ. Nhiều nơi còn coi người đàn-bà như là tôi tớ đàn-ông chớ không phải là bạn. Một người đàn-ông, lấy sức dè người, mà bắt đàn-bà phải chớ quyền-minh, chớ không lấy ngọt ngào, từ-tê mà lập quyền trong gia-đe thì là một người áp-chê không ai chịu được. Tính cục-súc bao giờ cũng phải ghét, trong tình vợ-chồng thì lại là tệ nữa, vì hội vợ-chồng, chính cô: là một hội hòa hảo, ân-ái.

Xem như thế, thì phận-sự đàn-ông với đàn-bà thực cũng như nhau. Hai người lấy nhau là tình-nguyện ở với nhau cho nguy hiểm, khi hoạn nạn có nhau, lúc túng bần phải cứu nhau.

Nhưng mà nề bằng-dẳng ấy, không cuộc phận-sự đàn-ông khác phận-sự đàn-bà. Là khác nhau, chớ không phải là hơn, là kém. Chính thì cũng là phận-sự mà phận-sự đàn-ông một tên, phận-sự đàn-bà một tên. Người đàn-ông thường sức khỏe hơn thì phải nhận phần-việc nặng nhọc. Đàn-ông là người chủ tự-nhiên của gia-tộc, đời với người ngoài thì là người thay mặt cả gia-tộc, bênh-vực gia-tộc, báo-hộ

protège et pourvoit à sa subsistance ; c'est ce qui lui donne droit à la reconnaissance et, jusqu'à un certain point, à la soumission de la femme. N'est-il pas juste, en effet, que celui qui a la plus grande responsabilité ait la plus grande autorité ?

La femme, quand elle est intelligente et bonne, est la première à reconnaître cette supériorité et à la bénir ; si elle s'en plaignait, si, au lieu de s'y soumettre avec un sentiment de douce confiance, elle prétendait s'en affranchir, elle oublierait sa nature propre, sa constitution même, ses besoins et sa véritable destinée.

H. Merion. Leçons de Morale (A. Colin et Co, Editeurs).

ĐÔNG DƯƠNG TẬP CHÍ

Số 19

Luân lý học

(La culture morale)

LA FEMME NE DOIT PAS ÊTRE SEULEMENT LA MÉNAGÈRE DE L'HOMME, MAIS ENCORE SA COMPAGNE D'ESPRIT.

Je ne veux... point enchaîner la femme au ménage : qu'elle le prenne comme un devoir et comme un plaisir, rien de mieux ; mais que ce plaisir ne dégénère pas en manie ; qu'elle soit la maîtresse et non la servante de la maison ; qu'elle ne soit pas seulement la ménagère de l'homme, mais encore sa compagne d'esprit. L'homme fatigué, im-

cho gia-tộc, kiếm tiền mà nuôi gia-tộc, bởi thế cho nên người đàn-bà phải biết ơn chồng và phải vàng ý chồng. Vì rằng người có phần trách-nhiệm to nhất, thì lại phải có quyền to nhất, thế chẳng phải là công-bình hay sao ?

Người đàn-bà mà khôn-ngoaan và hiên-hậu, thì chẳng phải háo cũng tự-hiểu cái lẽ phải để cho chồng hơn quyền ấy, mà lại phải mèn phục cái quyền ấy ; nếu người đàn-bà mà phàn-nàn không được quyền bằng chồng, nếu không hiên hòa, tin cậy mà chịu theo, lại ra mặt vượt quyền ấy, thì thực là quên mất tư-cách mình, mất cái hình-dạng yêu-ớt của giới đã cho mình, quên mất số-phận thực của mình.

DÀN-BÀ CHẮNG NHƯNG PHẢI LÀM MỘT NGƯỜI NỘI-TRỢ LẠI CÒN PHẢI LÀM MỘT NGƯỜI BẠN TRI-KỶ CỦA NGƯỜI ĐÀN-ÔNG NỮ.

Ở sách « Gia-tộc luận », ông Janet có nói rằng :

Ta không muốn buộc người đàn-bà vào một việc nội-trợ mà thôi đâu ; Người đàn-bà lấy việc cửa-nhà làm một việc phận-sự, làm một cái vui, thì chẳng gì hay bằng ; nhưng mà cái thích ấy chớ có nên thành một cái tật ; đàn-bà nên làm chủ-chương việc trong nhà, chớ nên làm tôi-tớ trong nhà :

portuné, rentre au logis pour y chercher le délassement. Il ne lui faut pas seulement un intérieur bien réglé, ni même un intérieur orné, il lui faut encore un esprit orné. La femme ne doit pas oublier qu'elle est la joie, le charme, la récréation de la famille : le grand principe de la politique domestique est de faire que son intérieur paraisse au mari plus agréable que celui des autres. L'agrément est donc en quelque sorte un des devoirs de la femme. Lors même que l'agrément n'aurait pas lui-même aucun mérite et ajouterait peu de chose à la valeur de celui qui le possède, il aurait encore un grand prix par l'influence qu'il exerce sur le bonheur des autres. Or, ce qui répand le plus de charme sur l'intimité dans un ménage, c'est la culture de l'esprit (1). .. Je ne dis point que la femme doive chercher à avoir plus d'esprit que la nature ne lui en a donné : le simple naturel vaudra toujours mieux qu'une sottise prétentieuse ; mais je veux qu'elle cultive l'esprit qu'elle a. Je ne lui demande pas non plus des connaissances profondes et spéciales, mais une disposition générale à comprendre et à admirer : qu'elle ne fasse pas la différence, si l'on veut, des ordres et des styles de l'architecture, qu'elle ne connaisse pas l'histoire des diverses écoles de peinture, ou qu'elle ne prenne point parti pour telle ou telle théorie littéraire, je le veux bien, mais,

chẳng những là phải làm người nội-trợ, mà lại còn phải làm một người bạn tri-kỷ của người đàn-ông nữa.

Người đàn-ông làm ăn một nghề, làm nổi bực mình, thì về nhà ai cũng muốn cầu được khoan khoái mà nghỉ mệt. Vậy thì chẳng những trong nhà phải có thứ-tự, mà nhà trang hoàng lịch-sự cũng chưa đủ, lại còn phải có một người tri-kỷ ở trong nhà mới được.

Đàn-bà chớ nên quên mình là cái vui, cái thú, cái giải-trí ở trong gia-tộc : Trong nghề cai-trị gia-tộc, có một cái chính to nhất, là người đàn-bà phải khéo làm thế nào cho mắt chồng mình, phải lấy cái nhà mình làm chỗ vui hơn cả mọi chỗ khác. Vậy thì sự làm cho vui nhà, cũng là một việc phận-sự của người đàn-bà.

Đâu cái hoa cười ngọc thuyêt, thực không có hay được điều gì đi nữa, đâu không tăng được nhân-phẩm người ta chút nào, nhưng nghỉ một điều rằng cười nói khéo mà có thể làm cho kẻ khác được sướng hơn ra, thì nó cũng là một điều hay. Mà ở trong gia-tộc, làm cho trong điều thân có điều lý-thú, thì gì bằng trí-khôn người đàn-bà...

Không phải là đàn-bà phải có mà ra, đang ta khôn quá cái ngữ khôn của Tạo-hóa đã phớt cho mình đâu ; tính tự-nhiên bao giờ cũng vẫn hơn là ra điều ta dạy, mà không phải lời ; nhưng mà đàn-bà cái tư-giới có sẵn, nên gây cho nó hay ra. Đàn-bà chẳng nên có học-văn thâm-trám và chuyên-môn, nhưng phải có đủ tư-cách để mà hiểu cái hay, để mà thú cái đẹp. Nhìn cái lâu-các thì họ phải biết phân lời này hay là lời kia ; ngắm bức tranh thì họ phải biết kẻ lịch-sử các môn-vẽ ;

qu'elle ne reste pas insensible devant un grand monument ou un beau tableau: qu'elle puisse lire Mme de Sévigné, sans s'ennuyer, et écouter une tragédie de Racine sans s'endormir.

P. JANET. *La famille*, 8^e leçon (Göthmann Lévy, éditeur).

(1) Un esprit cultivé, dit J.-J. Rousseau, rend peu le commerce agréable. C'est une triste chose pour un père de famille, qui se plaît dans sa maison, d'être forcé de s'y conférer avec lui-même et de ne pouvoir s'y faire entendre à personne.

Rôle spécial de l'épouse
Evolution historique du rôle de la femme

Au degré de considération que la femme obtient à chaque époque et dans chaque pays, on peut mesurer le degré de civilisation de chaque siècle et de chaque peuple.

Dans l'antiquité, la plupart du temps la femme a été l'esclave de l'homme, — comme elle l'est encore aujourd'hui dans l'Orient. — C'est que, selon la vieille idée despotique. . . la femme est inférieure à l'homme.

Tout au plus lui accordait-on l'être, en quelque sorte, l'intendante qui administrait la maison sous les ordres de son mari. Tel est le sort de la femme dans l'antiquité.

Au moyen-âge, d'après les idées et les sentiments des peuples du Nord, la femme s'éleva de quelques degrés; chez les Gaulois, elle est parfois prêtresse ou druidesse; chez les Germains, elle est admise à prendre place dans les conseils et dans les délibéra-

coi qu'en sachant le phải nói ra ta theo đạo văn-chương này hay đạo khác, nhưng mà đứng trước cái lâu-dài to, hèn tranh đẹp cũng phải biết động đờn thần-kinh hèn: có đọc sách của Sévigné thì-nhau cũng chớ lên nổi phát phiến, nghe bài diễn kịch của ông Racine chớ lên nổi buồn ngủ.

Ông J.-J. Rousseau (Tâu gọi gọi Larthoa) nói rằng:

Duy chỉ có người có tri-giác là ai giao-thiệp với mình mới được vui mà thôi. Một người có vợ con, thích ở trong nhà, mà dèu nổi phải giam một mình mình với một mình mình, nói ra chẳng có ai nghe được, thì thực là một cái buồn vô cùng.

Chức phận riêng của người vợ
Lịch sử chức phận người đàn-bà

Người ta có thể lấy cách đời người đàn-bà, trong một thời, và trong một xứ, mà lượng được trình-độ văn-minh thời ấy và xứ ấy.

Đời xưa thì người đàn-bà thường là tôi-tớ (nô-bộc, nô-tù) người đàn-ông — ở Đông-phương thì ngày nay cũng vẫn còn như vậy. — Thè là bởi từ đó-lai có một cái lý-tưởng áp-chè. . . cho người đàn-bà là bậc dưới đàn-ông.

Ngày xưa ở đâu trung dân-bà làm, thì giao cho việc tính-toán trong nhà, phải theo như ý chồng mà trông nom.

Đó là phần người đàn-bà đời xưa.

Đền buổi bán-khai thời-đại, theo như ý-tưởng và tính-ánh của các nước phương Bắc, đàn-bà lại thăng được vài bậc: Dân Gaulois thì đàn-bà có khi được thụ chức giảng-đạo. Dân Germain thì cho đàn-bà được dự quan-trung luận-bản.

tions. Par suite, la féodalité l'élève au rang de *dame, donna*, contradiction de *domina*, c'est-à-dire maîtresse, ou du moins, femme du seigneur, *dominus*. Cependant, même avec ce titre, en réalité, elle est encore sa servante, mais elle n'est plus esclave.

Dans les siècles suivants, peu à peu elle deviendra sa ménagère. C'est mieux encore, sans doute; mais ce n'est pas assez. Il faut qu'elle devienne la compagne de l'homme, car elle est son égale: la raison proclame cette égalité.

E. Deschanel. (*La question des femmes et la morale laïque*).

Kể đến đời Phong-kiến, thì đàn-bà thăng lên bậc *Dame, donna*, đời với chữ *Domina*, nghĩa là làm-chủ, vợ ông chúa. Tuy được lên bậc ấy, gọi là thè, nhưng đàn-bà vẫn còn là tùy-thiệp hầu hạ người chồng. Nhưng mà không phải là nô-tù nữa.

Đền mấy thế-kỷ sau, dần dần đàn-bà lên bậc nội-trợ. Kể cũng đã hơn lắm rồi, nhưng cũng còn chưa được đủ xứng đáng. Người đàn-bà phải là bạn người đàn-ông mới được. Vì cùng với đàn-ông cũng bằng-đáng: Lấy lý mà suy thì phải chịu quyền bằng-đáng ấy.

Luân lý học

(*La culture morale*)

Extraits de moralistes anciens et modernes d'Europe

DỊCH CÁC SÁCH LUÂN-LÝ ÁU-CHÂU RA

Người ta sống ở đời không phải cốt cầu lấy sướng-thần

Có mấy nhà triết-học nói rằng Tạo-hóa sinh ra người không có lý nào buộc phải có nghĩa-ou, người ta sống ở đời chỉ cốt cầu sao cho được sướng-thần.

Lý-tưởng ấy nguyên có từ ông Aristippe, ở xứ Carène Hi-lạp (đã 500 năm trước Thiên-chúa). Xưa nay vẫn có nhiều kẻ theo, vì lý-tưởng ấy cũng tự nhiên như loài người.

Ta chớ nên theo đó mà ăn ở, vì nếu mục-đích đời người ta là sự sướng, thì đời người hơn ra không có nghĩa.

Ông P. Janet, ở thiên-thứ X, sách Hạnh-phúc triết-học, có nói về lý-tưởng ấy như sau đây:

La recherche du plaisir n'est pas le but de la vie.

Si l'homme était fait pour le plaisir, pourquoi la douleur jaillirait-elle en

Nếu người ta để ra để mà sướng, thì sao trong mình ta làm nguồn đau đớn như vậy? Sao cái đắng-cay lại ở trong cái sướng mà ta? Nếu cái sướng là chính-nghĩa của đời ta, thì

nous de tant de sources diverses ? Pourquoi l'amertume, selon le poète, sort-elle du plaisir lui-même, si le plaisir est notre loi véritable, pourquoi est-il si rare, si difficile à acquérir, si facilement troublé, et enfin si impuissant dans ses effets ; pourquoi enfin, ne remplit-il pas notre vœu ? Pourquoi en sommes-nous si aisément rassasiés ? Pourquoi naissons-nous dans les pleurs ? Pourquoi sommes-nous appelés à mourir et pourquoi la nature ne nous a-t-elle point caché, comme aux animaux, cette fin inévitable ? Le plus sûr moyen de rendre aux hommes la vie malheureuse, c'est de lui donner pour objet le plaisir : car ils seront sûrement trompés dans leur attente et dans leur poursuite. Tous les doutes sur la Providence viennent de là ; car si c'était là le sens de la vie, il faut avouer qu'elle est bien mal faite, et que son auteur a été ou impuissant ou méchant. Si la vie, au contraire, n'a pas pour fin le plaisir, mais le perfectionnement de notre être, la douleur n'est plus un mal, et même elle est un bien, car elle est pour nous le plus énergique instrument de la perfection.

(Tiếp theo trang 28)

des mœurs, c'est déterminer celles de la volonté dont les actions elles-mêmes dérivent ; c'est déterminer la fin à laquelle la volonté doit tendre, laquelle n'est autre que le bien, que l'honnête. De là les définitions diverses que l'on a données de la morale : la morale est la science des mœurs ; la morale est la science des actes humains ; la mora-

sao nó hân-hữu làm vậy, khó kiếm làm vậy, dễ bởi-dối làm vậy, và kết-quá suy yếu làm vậy ? Sao nó lại không phí lòng ta ? Sao ta lại phải mang tiếng khóc ban-lâu mà ra ? Sao ta lại phải chết, và sao Tạo-hóa lại chẳng dẫu, dưng cho ta biết cái điều kết-hậu không tránh khỏi được ấy, như là Tạo-hóa dẫu các súc-vật khác vậy ? Cách làm cho người ta khổ-sở nhất, là báo người ta sống cốt để mà sợ, vì người ta mà yên chí như vậy, chắc thế nào cũng hững-hờ. Bởi đó mà sinh ra những điều ngờ vực lòng người : vì nếu đó là chính nghĩa đời người, thì thực là ông vụng quá, một là ông bất-lực, hai là ông tệ-ác.

Nếu cho là người ta sống ở đời không phải để mà sợ, chỉ cốt để mà tu-bổ cho phần người mỗi ngày một hay ra, thì sự đau đớn không phải là sự dữ nữa, dễ thường lại là sự hay, vì có đau đớn mới càng biết tu-thân cho đến được bậc chí-thiện.

N. V. V. diễn nôm.

(1) P. Janet, Philosophie du Bonheur, Calmann Lévy Paris.

LUÂN LÝ HỌC LÀ GÌ ?

lệ cho lòng sợ-dục của người ta, vì phong-hóa cũng do ở lòng sợ-dục người ta mà ra ; tất lại là định hậu cho lòng sợ-dục ấy một cái mục-đích phải theo, mục-đích ấy tất là điều lương, điều thiện.

Bởi đó cho nên chữ luân-lý mỗi ông giải nghĩa một cách. Ông thì cắt nghĩa : Luân-lý là khoa học phong-tục. Ông

Eléments de Philosophie

(d'après les meilleurs auteurs classiques Français)
(suite)

La Philosophie

Mais la science se divise nécessairement en autant de sciences différentes qu'il y a, pour ainsi dire, de régions différentes dans la réalité.

Ainsi il y a les sciences mathématiques qui traitent des grandeurs ; des sciences physiques qui traitent des propriétés des corps ; la chimie qui traite des modifications survenues dans la composition des corps, etc. etc.

Historiquement, les diverses sciences particulières sont sorties successivement de la Philosophie, qui a commencé par être la science universelle.

De nos jours encore, comme à l'origine, on peut dire que la philosophie est la science universelle, mais dans un autre sens. En effet, si elle ne contient plus dans son sein toutes les sciences, désormais séparées et autonomes, elle n'en a pas moins pour objet les principes universels, les premiers principes, desquels dépendent les principes des sciences particulières.

Toute science recherche les raisons plus ou moins prochaines des choses ; la philosophie recherche les raisons dernières, les raisons suprêmes des choses.

Objet et divisions de la philosophie

Mais ces premiers principes, ces

Triết-học yếu-lược

Lược ở những sách học Đại-Pháp hay nhất ra.

(Tiếp theo)

Triết-học.

Học-thức người ta tất phải chia ra từng khoa. Trong vũ-trụ có bao nhiêu nơi, bao nhiêu thì tất phải có bấy nhiêu khoa-học.

Như cách hội nhiều-ít, thì có khoa Toán-học (mathématiques). Cách hội các vật xuất hiện ra thế nào, thì có khoa Vật-tính-học (physique). Cách hội thể chất các vật biến-hóa, thì có Hóa-học (chimie), vân vân.

Nhưng mà sự phân biệt ấy mãi về sau mới có. Kỳ thủy người ta mới tìm cách hiểu Tạo-hóa, thì học lộn cả cuộc vũ-trụ, gọi là khoa triết-học.

Đến đời này, khoa triết-học cũng vẫn là một khoa gồm cả các kiến-thức người ta, nhưng mà nghĩa tổng-học bây giờ khác nghĩa tổng-học ngày xưa. Tuy rằng mỗi khoa học là biệt hẳn các khoa khác, nhưng triết-học là học cho

biết nguyên-lý, là cái cốt-từ, là cái lý đầu tiên, mà mọi lý của các khoa khác cũng do ở đó mà ra.

Phàm các khoa học, thì khoa nào cũng tìm học những lẽ xa lẽ gần của mọi sự. Triết-học thì tìm cho đến lẽ cùng, lẽ tốt của vạn sự.

Mục đích khoa triết-học
Khoa triết học phân phát

Những lý đầu-tiên ấy, những lẽ tốt ấy, tách riêng ra mà xét, thì lại thành ra cho khoa triết-học những việc có

raisons suprêmes, envisagés. en eux-mêmes, constituent pour la philosophie des objets déterminés dont elle est proprement la science ; et il redevient vrai de dire, à ce point de vue, que la philosophie est une science ou tout au moins une étude particulière. ayant son domaine propre, distinct et séparé de celui de toutes les autres sciences. Quel est ce domaine ?

Tout d'abord l'existence de la pensée est une vérité que toutes les autres présupposent, un principe vraiment premier, du moins dans l'ordre de notre connaissance. Comme Descartes l'a fait voir, je puis douter de tout le reste, je ne puis douter de ma pensée même ; et c'est dans ma pensée que toutes choses m'apparaissent. La pensée, c'est-à-dire l'esprit ou l'âme en général, voilà donc un des objets de la philosophie, l'objet propre de la psychologie.

À la psychologie se rattachent deux autres sciences : la logique, science des conditions de la science même et de la vérité, la morale, science du bien, vraiment philosophiques par leur portée universelle ; car toutes les sciences recherchent la vérité, et la vérité est, en général, l'objet naturel et légitime de la pensée humaine, comme d'autre part tous les arts recherchent quelque bien, et le bien en général est le but de l'activité et de la vie humaine tout entière.

Psychologie, logique, morale, se rapportent toutes trois à l'homme, sujet de la pensée et de l'action ; elles composent la philosophie subjective.

(A suivre)

định-hạn, mà khoa triết-học là để học riêng các việc ấy. Thế thì khoa triết-học, lấy nghĩa ấy, lại thành ra một học-khoa như các học-khoa khác có, xit riêng, có giới-hạn ở trong vũ-tru, biệt hẳn với các khoa khác. Xit ấy là xit nào ?

Trước hết sự có tư-tưởng (pensée) là một điều-thực, phạm các điều thực khác phải chịu là một nguyên-lý đầu tiên. Ông Descartes (1) đã bày tỏ ra rằng : phạm muốn việc ta có thể ngờ được cả, duy có cái tư-tưởng của ta là ta không ngờ được, việc gì ta biết được, thầy được, là do cũng ở trong tư-tưởng ta cả. Tư-tưởng là cái thần (esprit) là cái linh-tính (âme). Đó là một cái mục-dịch của khoa triết-học, mục-dịch của phái linh-tính học, (psychologie).

Thuộc vào với khoa linh-tính-học, lại có hai phái nữa : một là phái Lý-học (logique) là khoa đặt lệ cho sự học-thực, cho điều-thực : Hai là phái Luân-lý học (morale) là khoa học điều-thiện. (le bien). Hai phái ấy cùng là tổng-học cả, thì thực là thuộc về triết-học khoa. Vì khoa-học nào là chẳng cốt tìm lấy điều-thực, mà điều-thực, thì thường là mục-dịch tự-nhiên và hợp-lẽ của tư-tưởng người ta. Còn điều-thiện thì phạm các mỹ-thuật nghệ nào cũng cốt tìm lấy điều-thiện ít nhiều. Nguyên điều-thiện thu ởng là mục-dịch của việc cử-dộng và của đời người ta.

Linh-tính học, Lý-học, Luân-lý-học ba khoa đều thuộc về người hết cả, lấy người làm cốt chớ tư-tưởng, cho việc cử-dộng. Bởi thế ba khoa ấy hợp lại thành ra phái triết-học lấy mình làm đích (philosophie subjective).

(Còn nữa)

Eléments de Philosophie

(d'après les meilleurs auteurs classiques Français)
(suite)

Tout le monde accordera que la philosophie pratique doit suivre la philosophie spéculative ; mais le problème de la coordination de la psychologie et de la métaphysique est plus délicat : c'est au fond le problème de la méthode générale de la philosophie.

En effet, si la philosophie doit commencer par la métaphysique, c'est qu'on la suppose d'emblée en possession des premiers principes, et il ne lui reste plus qu'à en déduire l'explication de toutes choses et de l'âme humaine elle-même. — Mais des principes ainsi affirmés sans preuve et comme tombés du ciel, ne peuvent être que des hypothèses gratuites. Est-il sûr d'ailleurs que toutes choses puissent ainsi se déduire de quelques principes, sans recours à l'observation ? C'est la thèse d'un certain système, par exemple du panthéisme, mais elle n'est nullement évidente, et elle a des conséquences redoutables, entre autres la négation de la liberté humaine.

La vraie méthode consiste donc à remonter des effets aux causes, des conséquences aux principes. La raison doit s'appliquer à se connaître elle-même avant de s'appliquer à la connaissance des choses. La psychologie est le vestibule de la métaphysique.

Triết-học yếu-lược

Lược ở những sách học Đại-Philosophie hay nhất ra
(Tiếp theo)

Ái thì cũng chịu rằng thực-lung triết-học phải treo với suy-toán triết-học : nhưng mà làm cho khoa linh-tính học được theo sát với khoa luân-lý học là một cái vấn-đề khó giải : đó chính là cái vấn-đề tìm lẽ-lời (thứ-tự) chung của khoa triết-học.

Thực thế, vì nếu học triết-học mà phải học khoa luân-lý trước, thì ra cho ngay khoa triết-học là đã có sẵn cả các nguyên-lý rồi, chỉ còn có việc do những nguyên lý ấy mà suy ra để giải nghĩa vạn-sự, và giải nghĩa cả đến linh-tính người ta. — Nhưng mà những nguyên-lý chưa có tang có gì mà việc ra như thế, khác nào như ở trên giới rọi xuống, tất chỉ là những điều ước phỏng-chứng, ước liêu được mà thôi. Và chắc đâu được rằng vạn-

sự có thể triết được ở mấy điều nguyên-lý mà ra cả, không phải thí-nghiệm ? Đó là một giải của môn triết-học cho giới là tông cả vạn-vật (panthéisme) nhưng mà giải-đề ấy không chắc tất-nhiên, mà lại kết quả một cách khá-khinh, như là chôi mất cái tự-do của người ta.

Vậy thì chính-sách của khoa triết-học, là phải suy tư quá đến nhâu, từ việc dĩ-thành lên đến nguyên-lý. Cái lý của người ta trước hết phải tự-biệt lý là cái-gi, nhiên-hậu mới suy cho biết đến vạn-sự. Khoa linh-tính học là cái của bước vào khoa luân-lý học.

La philosophie des sciences

La philosophie des sciences peut être rapportée soit à la logique, soit à la métaphysique.

En effet, les principales questions dont elle traite concernent :

1° Soit la nature de la science, ses conditions, ses limites et ses différentes espèces ;

2° Soit les méthodes des différentes sciences ;

3° Soit les principes des sciences, c'est-à-dire les vérités universelles sur lesquelles elles reposent, les notions fondamentales qu'elles impliquent, les hypothèses nécessaires à leur constitution ;

4° Soit enfin les résultats généraux des sciences qu'il s'agit de concilier entre eux et de coordonner en système.

Or les sciences, si l'on envisage leur nature et leurs méthodes, ressortissent évidemment à la logique, de même qu'il appartient à la métaphysique d'étudier leurs premiers principes et leurs conclusions dernières.

D'une manière générale, toutes choses, l'histoire, la religion, les beaux-arts, peuvent, comme les sciences, être envisagées dans leurs rapports avec les objets de la philosophie, soit avec l'âme humaine, soit avec les règles de la méthode et les conditions suprêmes de la vérité, soit avec les principes du devoir et du droit, soit enfin avec la substance absolue et la cause première. Déterminer l'ensemble de ces rapports, c'est faire la philosophie de ces choses.

Triết học các khoa học

Phái triết-học này thì có khỉ bản vé lý-học, có khỉ bản vé toán-lý-học.

Vì trong các vấn-đề mà khoa này giải thì cốt nhất có những vấn-đề sau này.

1° Hoặc là xét nguyên-lý chi nguyên của sự học-thức, các thể-cách, các giới-hạn, các thứ loại học-thức ;

2° Hoặc là xét những phương-sách của các học-khoa ;

3° Hoặc là xét các nguyên-lý của các học-khoa, nghĩa là những điều-thực chung làm cột dựa cho các học-khoa, những điều-biệt cốt-từ các học-khoa phải có, những điều ước phỏng-chứng phải dùng mà khai học-khoa ;

4° Hoặc nữa xét các học-khoa kết-quả ra như thế nào, phải làm cho những việc kết-quả ấy ăn nhau, lập thành ra cục.

Thê mà các học-khoa, cứ xét nguyên-lý chi nguyên nó và các phương-sách, thì tất-nhiên là cũng do một khoa lý-học mà ra, mà khoa toán-lý học thì xét đến các nguyên-lý, đến điều tổng-kết sau cùng của các học-khoa.

Nói tổng lại, thì vạn-vật, súc-ký, tân-giáo, các mỹ-thuật, cũng có thể như các học khoa, cách tương-can với các đích của khoa triết-học mà xét, như là với linh-tính người ta, với các lệ phương-sách, các thể-thức tột cùng của điều thực, hoặc là với những nguyên-lý nghĩa-vụ và quyên, hoặc nữa với cái chất cô-hữu, cái nguyên-nhân. Phần cho tích-bách những cách tương-can ấy, tức là học triết-học các (khoa ấy hay là các nghề ấy, hay là các) vật ấy.

Éléments de Philosophie

d'après les meilleurs auteurs classiques Français (suite)

1. Définition et division de la psychologie

Le mot psychologie veut dire science de l'âme; et par âme, ou esprit, il faut entendre, non comme on le fait trop souvent dans la langue vulgaire, le principe de toute la vie corporelle, mais la personne humaine envisagée dans ses sentiments, ses pensées, ses actions volontaires, en un mot dans sa vie consciente.

On peut étudier dans l'esprit, soit les divers phénomènes, sensations, idées, etc. par lesquels il se manifeste, soit son essence ou sa nature intime. De là la division de la psychologie en psychologie expérimentale et psychologie rationnelle.

La première, plus ou moins analogue aux sciences physiques et naturelles, étudie les phénomènes de l'esprit par le moyen de l'observation ou de l'expérience, afin d'en déterminer les lois; la seconde, qui peut être envisagée comme une partie de la métaphysique, cherche à déterminer la nature de l'esprit par le moyen du raisonnement. Il paraît évident que la psychologie expérimentale doit précéder la psychologie

Triết-học yếu-lược

Lược-lu những sách học Đại-Pháp của nhiều vị (Tiền luận)

Linh-tính học

Ước dịch khoa LINH-TÍNH HỌC
Linh-tính học xét những việc gì liên-lâm đến mình

Chữ Psychologie linh-tính học nghĩa là khoa học cái linh-tính người ta. Linh-tính (âme ou esprit) chữ này theo như nghĩa tục, trông là cái hồn, và gì quỉ lạ ở trong thân-thể người ta đâu, chính là người ta xét ở trong tính-tình, trong tư-tướng, trong cách tư-ý muốn mà vận động, tổng lại là trong cách tri-giác.

Người ta có thể xét linh-tính hai cách một là chỉ xét những hiện-tượng ra ngoài, những điều tri-giác, những ý hỏi, những tình-tư, văn-văn, là những cách linh-tính lộ ra ngoài. Hai là xét đến cái cốt nó, hoặc là cái nguyên-nhân chi nguyên ở tận trong linh-tính. Bởi đó khoa linh-tính học phân làm hai một là *hiệu-nghiệm linh-tính học* (psychologie expérimentale) hai là *tri-tỷ linh-tính học* (psychologie rationnelle).

Hiệu-nghiệm linh-tính học, thì cũng tương tự như các khoa cách-tri, bác-vật, xét các hiện-tượng của tri-khôn, dùng cách kiên-nghiệm và cách thí-nghiệm để mà đặt thành lệ. Còn khoa Triết-lý linh-tính-học, thì cho như một phái Toán-lý học, tìm mà biết cho đến nguyên-lý chi nguyên của tri-khôn người ta, dùng cách triết-lý mà đoán. Tất-nhiên rằng khoa hiệu-

rationnelle: pour savoir ce qu'est l'esprit en son fond, ne faut-il pas d'abord savoir comment il se manifeste? On ne doit pas cependant exagérer la distinction: le raisonnement n'est pas moins nécessaire que l'observation pour la connaissance des faits psychologiques et leurs lois, et d'autre part l'esprit ne conclut pas sa propre existence de celle de ses phénomènes: il a immédiatement conscience de soi.

2. *Caractères propres des faits psychologiques*

Distinction de la psychologie et de la physiologie

Mais les faits que la psychologie étudie, sensations, pensées, sentiments, résolutions volontaires, etc., constituent-ils véritablement un ordre distinct de phénomènes, ou sont-ils au fond de même nature que les faits étudiés par la physiologie, tels que la respiration, la digestion, la circulation du sang, etc.? En d'autres termes, la psychologie, science de l'esprit humain, est-elle distincte de la physiologie, science du corps humain?

1° Les faits psychologiques diffèrent d'abord des faits physiologiques par la manière dont nous pouvons les connaître et les étudier. — Les faits physiologiques se connaissent au moyen des sens, principalement par la vue, l'ouïe et le toucher: on en facilite l'étude en ajoutant aux sens le secours d'appareils tels que le scalpel, la loupe, le microscope, le thermomètre, etc.:

l'expérience l'instinct, la vue, l'ouïe, le toucher, la connaissance que nous en avons est absolument distincte de ces faits eux-mêmes qui peuvent très bien exister sans elle. Ils ne diffèrent en rien sous ce rapport des faits physiques. — Au contraire, les faits psychologiques échappent aux sens: la vue, l'ouïe, le toucher peuvent bien percevoir les signes extérieurs de la joie ou de la tristesse, mais non ces sentiments eux-mêmes. Les progrès de la science permettront peut-être un jour d'illuminer l'intérieur d'un cerveau vivant et d'en projeter l'image agrandie sur un écran où tous les spectateurs pourront voir les mouvements incessants des molécules cérébrales: même alors la pensée, le sentiment, la sensation demeureront invisibles. Ils sont connus cependant, mais d'une connaissance tout intérieure qu'on appelle conscience parce qu'elle est inséparable des faits mêmes qu'elle accompagne (scientia

Linh-tinh-giới — Linh-tinh-khoa
chợ lần với thân-thể chức-dịch khoa.

Những việc thuộc về linh-tinh giới, như là tri-giác, tư-tưởng, tình-tử, lòng quyết-lĩnh, vân vân, có phải là những hiện-tượng một thứ riêng, hay là một cho cùng cũng như các việc thuộc về thân-thể chức-dịch giới như là hô-hấp, việc tiêu-hóa, việc khí huyết tuần-hoàn, vân vân? Hay là bởi thể này cũng được: Linh-tinh học là một khoa học trí khôn người ta, có khác khoa thân-thể chức-dịch học, là một khoa học thân-thể người ta chăng?

1° Trước hết những việc về linh-tinh giới, tỉ với những việc thuộc thân-thể chức-dịch giới, thì khác hẳn, vì cách ta biết được, ta học được. Những việc thân-thể chức-dịch thì ta như ngũ-quan mà biết, nhất là nhờ mắt, mũi và chân tay: mà lại còn có cơ-khí giúp cho ngũ-quan dễ tiện việc xét nghiệm, như là cái dao mổ-xẻ, cái kính hiển-vi, cái hàn-thử-biêu, vân vân: những việc đó trong một lúc nhiều người cũng

ils peuvent être observés au même moment par plusieurs personnes, et la connaissance que nous en avons est absolument distincte de ces faits eux-mêmes qui peuvent très bien exister sans elle. Ils ne diffèrent en rien sous ce rapport des faits physiques. — Au contraire, les faits psychologiques échappent aux sens: la vue, l'ouïe, le toucher peuvent bien percevoir les signes extérieurs de la joie ou de la tristesse, mais non ces sentiments eux-mêmes. Les progrès de la science permettront peut-être un jour d'illuminer l'intérieur d'un cerveau vivant et d'en projeter l'image agrandie sur un écran où tous les spectateurs pourront voir les mouvements incessants des molécules cérébrales: même alors la pensée, le sentiment, la sensation demeureront invisibles. Ils sont connus cependant, mais d'une connaissance tout intérieure qu'on appelle conscience parce qu'elle est inséparable des faits mêmes qu'elle accompagne (scientia

kiên-nghiệm được, mà sự biết các hiện-tượng ấy, lại biết hẳn với các hiện-tượng, cái mình không biết, nó cũng vẫn có. Lấy lấy ấy mà xét, thì những việc đó cũng như là các việc cách trí khôn. Còn những việc về linh-tinh giới thì ngũ-quan không tri-giác được: mà tai và chân tay cũng có thể nhận thấy, những cách lý ra ngoài tinh vi, tinh buồn, nhưng không biết được tại buồn là cái gì. Cách-trí học mới phải tìm-tìm để thường có ngày làm cho ta hiểu được sáng vào trong cái óc tư-tưởng, rồi chụp được cái não chất, hàn to ra mà chiếu lại vào ống vái trắng, như là chụp ảnh, để cho người xem trông thấy được cách nấc-chất vận động bên trong thể não: nhưng mà dù có chụp được như vậy, cái tư-tưởng, cái tình ngữ nghĩ, cái tri-giác, vẫn không trông thấy được. Ấy thế mà người ta biết được, nhưng mà biết ở trong trí, gọi là linh-tinh (conscience). Chữ này conscience, đó hai chữ la-tinh scientia cum mà học lại, nghĩa là: cũng như, sự biết, vì cái việc mình biết ấy chính là sự

Eléments de Philosophie

(d'après les meilleurs auteurs classiques Français) (suite)

Dire que des jugements, des raisonnements, de l'amour, de la haine, etc., ne consistent qu'en des déplacements plus ou moins rapides de molécules le long de trajectoires plus ou moins

Triết-học yếu-lược

Lược ở những sách học Đại-Pháp hay nhất ra (Tiếp theo)

Nói rằng việc xử-đoán, việc triết-lý, tình yêu, tình ghét, vân vân, chẳng qua là những cách chuyển-động hoặc nhanh, hoặc chậm của những vật-chất

compliquées, c'est assembler des mots qui n'ont aucun sens. Le mouvement et le fait de conscience peuvent bien s'accompagner nécessairement l'un l'autre : ils n'en sont pas moins essentiellement hétérogènes.

On pourrait encore distinguer ces deux ordres de faits :

3o Par la nature des sujets dans lesquels ils se produisent. Les faits physiologiques ne peuvent s'expliquer que par un sujet composé tel que le corps et dont les parties changent et se renouvellent sans cesse ; les faits psychologiques impliquent un sujet unique et toujours identique à lui-même.

4o Par la nature des fins auxquelles ils tendent. Les faits physiologiques ont pour but la conservation du corps, c'est-à-dire la répétition uniforme des mêmes fonctions organiques, fin matérielle et bornée ; les faits psychologiques ont pour but, du moins dans l'homme, non pas seulement le maintien de la vie physique, mais encore, le bonheur, la science, la beauté, la vertu, fins idéales qui ne peuvent être jamais atteintes mais seulement approchées par un progrès sans limite.

Ajoutons que la psychologie est un intermédiaire indispensable dans la série des sciences, entre la physiologie d'une part, et l'ensemble des sciences morales et sociales d'autre part, histoire, droit, économie politique, etc.

vi-khôi chạy theo những lưu-thí-dạo thẳng hoặc cong, nói như thể thì thừ là gộp lại với nhau những tiếng hư ngôn, không có nghĩa lý gì. Sự chuyển-động, với việc linh-tính, cũng có thể đi theo với nhau (tí dụ như nghĩ thì phải tiêu hóa-khí trong óc, sự hải mùng thì thì suy chuyển huyết mạch) nhưng mà chuyển-động với linh-tính vốn là hai việc biệt-thể, biệt bản-tính.

3o Việc linh-tính-giới với việc thân-thể-giới, lại còn khác nhau bởi mỗi thứ sinh ra ở trong một giới khác những việc về thân-thể chức dịch giới, thì phải xảy ra ở trong một nơi có cơ-quan, như là thân người ta, do những các phần cơ-quan ấy dời đi và thay đi hoải hoải, cho nên mới biết được, giới nghĩa được. Còn những việc về linh-tính giới, thì phải sinh ra ở một nơi riêng, vô-nhị, mà bao giờ cũng vẫn giống như bao giờ.

4o Lại khác nhau bởi nơi mục-dịch. Những việc về thân-thể chức dịch giới thì cốt để bảo tồn cho thân-thể người ta, nghĩa là cứ một chức dịch vận động mà làm hoải, đó là một mục-dịch có hình-tích và có giới hạn. Còn những việc linh-tính-giới, cứ xảy ở người ta mà thôi, thì chẳng những cốt để giữ cho sức thật được sống, nhưng lại còn cầu lấy hạnh-phước, lấy học thừ, lấy mỹ, lấy thiện, là những cực-diêm hay chẳng bao giờ tới nơi được, nhưng vì sự tiên-hộ vô hạn, cho nên cứ mỗi ngày một thêm gần.

Ta lại nói rằng ở trong các-học-khoa, một bên có khoa thân-thể-chức dịch-học, một bên các khoa luân-lý và xã-hội-học, như là sử-kỹ hình-luật, kinh-tê, văn-văn, thì khoa linh-tính học

En résumé, bien que la psychologie et la physiologie doivent s'unir l'une à l'autre pour une étude complète de la nature humaine, elles n'en demeurent pas moins deux sciences distinctes à la fois par leur objet et par leur méthode.

II. — La conscience

I. — Nature de la conscience. — Cette distinction nous apparaîtra encore plus clairement si nous étudions la conscience. La conscience est la connaissance immédiate que l'esprit a de lui-même, de ses états et de ses opérations. — Nous ne sentons pas, disaient les scolastiques, d'après Aristote, à moins de sentir que nous sommes : nous ne pensons pas, à moins de penser que nous pensons : non sentimus nisi sentiamus nos sentire; non intelligimus nisi intelligamus nos intelligere. Cette sensation de la sensation, cette pensée de la pensée est la conscience.

(A suivre)

là cái đứng bậc giữa phải có nó mới liên can được với nhau.

Nói tổng lại, thì tuy rằng hai khoa linh-tính-học và thân-thể-lược-dinh-học phải hiệp lại với nhau, mới học được nguyên-nhân chi nguyên người ta cho đến nơi, nhưng hai khoa ấy vốn biệt nhau vừa tại học dịch khác, mà phương-sách cũng khác.

Linh-tính luận

Nguyên-nhân chi nguyên của linh-tính là thế nào ?

Nếu ta đem cái linh-tính ra mà xét học thì sự phân biệt ấy tại càng tỏ ràng ra. Linh-tính là sự tri-khôn tự tại biệt rành ngay rang có mình, sáng mình là thế nào, rang mình làm những việc gì. — Cứ theo lời ông Aristote, thì các nhà cổ triết học Hi-lạp ngày xưa mới rằng : Người ta nguyên không tri-giác, bởi có tri-giác rang tri-giác cho nên mới tri-giác. Người ta nguyên không tư-tướng, bởi có tư-tướng rang tư-tướng cho nên mới tư-tướng. Sự tri-giác cái tri-giác sự tư-tướng cái tư-tướng ấy, vị chi tính-tính. (Còn nữa).

Tự-do diễn đàn

(Tribune de nos abonnés)

Bản-quản mở ra mục này để-mỗi kỳ lục trong các bài lai-khieu, của các quan mua-báo gửi lại cho, lấy bài nào hay nhất hoặc có biệt-khien, mà đăng vào để các ngài nghị-luận, trước nữa cho nó thêm vị, sau nữa để phi bưng các bậc nhiều văn hay ý lạ muốn tỏ cho đồng-bào xem biết.

Song phạm những nhời đăng ở mục này, trách nhiệm đã có người ký-tên, bản-quản không dự dẫu đến.

Nói về đây con từ thủa còn thơ

(Bài nôi)

DAY CON TẬP SỰ SIÈNG NĂNG

Đây cho trie thời gian tham.

Nước ta xưa nay nhiều người hay có cái thời gian (Thầy của người ta thì tôi mất lại) mà sinh ra cái lòng gian tham, đã chẳng có cái lòng giúp đỡ cho nhau, mà lại đem cái lòng ăn quân của nhau. Nếu người mà đã có cái tư-tướng như thế, thì ở trong xã-hội lúc nào còn mong có sự ích-lợi chung nữa. Tôi thiết tưởng rằng : người nào

Có cái nết tới ấy, không phải đến khi nhưn mới có dấu. Chỉ vì lúc bé, cha mẹ hay là chú bác, đã không báo rõ đến ý ấy, mà lại nâng cái ngòi ấy lên, cho nên nó không biết liêm-sĩ là thế nào; hóa nó mới sinh ra cái lòng trộm cắp, sao không biết báo? Người ta nên có cái lòng giữ lẫn cho nhau, hoặc của hàng xóm láng giềng, hoặc của anh em bạn hữu, của người ta cũng như của mình, giá đem cái lòng bắt tham thật là tốt lắm. Thế mà đã đem cái lòng mắt la mây liếc, lòng muốn dạ tham, chỉ chực lấy được của người ta mới là sướng, ấy là cái dứa ấy đã có cái lòng gian tham bày ra đây rồi. Nếu bắt được nó một vài bận như thế, mà không trừng trị răn báo nó đi, đến khi nó nhưn dứa ấy nó dặc-chí ra, cũng là một người đồ quốc hại-dân. Nếu không dặc-chí ra, thời thiệt là quân keo quân cắp. Bao nhiêu những dứa lâu-têu cho đám tham-nhũng, phường đạo-tặc, tôi tưởng cũng bởi cái lòng gian-tham con người ta sinh ra thế, vậy nên tôi xin đặt một nhời khuyên, khuyên rằng:

Anh em của cái cùng chung,
Xin lòng gìn giữ chớ lòng gian tham.

Dạy cho bỏ lòng ghen-ghét.

Nước ta xưa nay, nhiều người hay có cái thói *Sứ diện đợ nga-mi*, mà sinh ra cái lòng ghen ghét. Đã không có cái lòng bênh vực người ta, mà lại đem cái lòng làm hại người ta. Nếu người mà đã có cái tư-tướng như vậy, thì ở trong nước, khi nào mong được cái sự lợi-lợi chung nữa.

Tôi thiết-tưởng rằng: người nào

chỉ mong làm hại được nhau mới là sướng, ấy là dứa ấy đã có cái lòng ghen ghét hiện ra đây rồi. Nếu trông thấy nó có cái lòng như thế, mà không sớm giáng-đụ nó, để nạt nó đi, đến khi nó nhưn ở trong nhà-nước, cũng là một người tàn-dân hại-vật: ở đám

co cái bụng xấu ấy, không phải đến lúc nhưn mới có dấu, chỉ vì lúc bé nhỏ cha mẹ hay là thầy-dạy không dạy thâu đến ý ấy, mà trước triết cái học ấy đi, cho nên nó mới sinh ra cái lòng beo-ác, sao không biết báo?

Người ta nên có cái lòng thương yêu lẫn nhau, hoặc anh em ở trong nhà, hoặc bè bạn ở ngoài đường; lòng người ta cũng như lòng mình; đã có cái nghĩa đồng-bào nắm sẵn ở đây rồi, thế mà đã đem cái lòng bè-lảng với nhau, câu véo lẫn nhau,

hương-thôn cũng là một kẻ xui-nguyên giục-bị. Bao-nhiều những sự làm hại cho xã-hội, đám đồng-bào, tôi tưởng cũng bởi cái lòng ghen ghét con người ta mà sinh ra thế, vậy nên tôi xin đặt một nhời khuyên, khuyên rằng:

Non sông khí huyết một nhà,
Đôi lòng ghen ghét để mà yêu nhau.

Huân-lao Phú Yên-bình (Tuyên-quang)
NGUYỄN-VINH-CHÍNH.

(Hết)

Luận về đê

(Sur les Digués du Tonkin)

Nhàn có nước vỡ năm nay, tại nhiều người viết thư cho bán-quán trách sao ông bàn đến việc đê là một việc sông; ở của dân An-nam.

Ông thì bàn nên phá cả đê đi, ông thì bàn nên phá dần từng tỉnh, ông thì đáp đê theo lời này, ông thì bàn đê theo lời khác. Xem ra thì các ông bàn như thế đều là có bụng lo cho An-nam cả, song bán-quán nghĩ việc này khó tính cho phải lắm.

Tôi lại biết rằng Nhà-nước Bảo-hộ cũng đã lo nghĩ, đêm ngày về việc này. Sở công-chính cũng đã cất các quan chuyên-môn xét học kỹ lưỡng về việc này rồi mà nghĩ cũng chưa ra cách nào diệu, huống chi chúng ta chỉ biết vỡ đê nước lụt là khổ, nhưng mà không biết được hết các lẽ riêng, phải học lắm mới biết được hết.

Việc phá đê thì các quan Tây và các quan An-nam cũng bàn đến đã lâu rồi, từ khi Nhà-nước Đại-pháp chưa bảo-hộ, cũng đã có người bàn đến, song tính ra thì dân ta không có của để dành mà ải được lâu. Mà phá đê đi, thì chắc mất mùa hai ba năm liền, rồi về sau mới có lợi.

Còn cách phá dần từng tỉnh, thì nhiều người cho làm phải, song tính nào là tình muốn bắt đê trước nhất bây giờ? Và muốn cho dân khỏi kêu. Tại Nhà-nước phải cấp tiền cho những dân bị bắt đê nước lụt. Đền thế nào

cho phải, cho dân khỏi thiệt mà Nhà-nước không lòn hơi lắm? Toàn là những vấn-đề khó giải cả.

Có người bàn rằng Nhà-nước nên xây gạch một bên ngoài đê. Chỗ nào hiểm yếu lắm thì xây đá và xi-măng. Việc này bán-quán e rằng bán đê mà làm thì khó. Trước nữa công của lòn nhiều, mà không chắc có được việc gì không. Lòng sông mỗi năm một cao lên, nước lên mỗi ngày một cao, thì mặt đê biết phải làm cao thế nào cho giữ được bấy giờ, mà lại phòng trước cả mai sau. Và chắc đâu được rằng đê xây có vững hơn đê đắp đất.

Điều này bán-quán chưa dám bàn đến, thực chẳng phải là những việc ích lợi, mà cũng chẳng phải là thiếu người bàn giúp, song chưa dám nghị-luận là vì chưa nghĩ được diệu gì, mà xem trong các nhời bàn cũng chưa thấy cách nào diệu hơn mọi cách của Nhà-nước đã nghĩ đến rồi từ xưa đến nay.

Bán-quán nghĩ họa chẳng chỉ có một điều là lợi ích nhất cho dân, là trước hết hãy đem những cách của các nhà chuyên-môn đã bàn rồi, ra mà đăng báo để ai nấy xem sự bàn rồi, trước khi bàn cách mới, thì mới tránh khỏi được sự nói lại nhời người ta đã nói, mà lại nói chẳng bằng trước.

Vì bán-quán như thế nhưng cứu lụt còn chưa được đủ, cho nên chưa dám bàn.

Vậy xin các ngài ông nào nghĩ được diệu gì hay cũng cứ viết thư cho bán-quán biết, nhưng hệ không thấy đăng báo, ấy là điều mình bàn đã có bàn rồi, mà Nhà-nước xét ra làm không được.

Khi nào bán-quán được nhiều ông bán bây giờ mới đúc cá lại mà trình Nhà-nước là ý dân An-nam như thế, một bên thì dịch các bản tờ trình của các quan sở công-bộ đã xét nghiệm các cách làm đê, cách nào cũng đã tính lợi, tính hại, sô đê, sô ruộng, dâu cấy đã tính rành mạch. Như thế mới gọi là bán được. Chớ bây giờ mà nói mò với người đã biết tổng gập mây mình rồi, thì bán làm chi.

Việc đê là một việc rất khó nghĩ.

B. Q.

ĐÔNG DƯƠNG TẬP CHÍ SỐ 20

Luận về đê

(Opinions indigènes sur les Digues)

Kỳ báo ngày nọ, bán-quán có nói khơi về việc đê, nay các quan có gửi về nhiều bài luận về việc ấy, vậy xin mở ra mục này, dẫn dẫn lựa những bài hay nhất mà đăng vào để quan trên xét ra để các ngài xem báo nghị-luận.

Việc đê ở xứ Bắc-kỳ ta là một bài bán nhón. Kể từ đời nhà vua Lý đặt ra đê đền zơ, biết bao nhiêu nhà bán, đên, mà cũng chưa thực là đên phải.

Các quan Bắc-việt nhà-nước Bảo-hộ, lấy cái tài học chuyên môn mà xét bán, còn có sai nhám thiếu thốn nhờ gì, thì cũng chẳng đợi đến ta bán học làm chi nữa, cho nên quý-báo chưa có bài nào luận đên.

Tôi thiết tưởng ta bán cũng không

hơn được nhưng mà cũng phải nghĩ, đã có nghĩ thời phải có nhờ bán, trong một nghìn câu họa được một câu để giúp vào làm một cái vật-liệu trong việc này.

Bực trước ta có câu nói rằng: Trước chưa có đê thì không nên có đê, sau đã có đê thì không nên không có đê. « Vô đê chi tiên bần khả hữu đê, hữu đê chi hậu bần khả vô đê. » Lại có câu nói rằng: Người đời trước thất sách ở tại chanh nhau với sông « tiên nhân thất sách tại chanh hà. »

Xem thế thì đặt ra đê cũng không phải, mà bây giờ không có đê cũng không được.

Và con sông Nhị-hà là một con sông nước đục, nước chảy đên đầu thì lật mang đên đầy, trước khi cửa bể ở gần tỉnh Hưng-yên, về sau càng ngày càng bồi mãi ra sông một ngày một dài, lòng sông một ngày một nông cho nên nước chảy ra bể, mỗi năm chậm lại mà nước sông mỗi năm cao lên, nước sông cao hơn lên thì đê lại phải đắp nổi cao lên nữa, đê càng cao thì sức càng yếu, sự vỡ đê không mấy năm chánh khỏi được.

Quan Khâm-sai trước là ông Ng.-tri-Phương có bán bỏ đê đi, quan Văn-minh trước là ông Nguyễn-Kim-Giang có bán đắp mở rộng đê ra, cho chưa được nhiều nước là bởi tại thế.

Vậy tôi thiết nghĩ có hai cách, một cách là đê bây giờ cứ để nguyên đây, không cần phải đắp to cao làm gì chỉ nên đào thêm nhiều sông ra bể, mà những con sông cũ thì nên quát sừ xuống, nước hẳn không lên cao nữa mà tiêu ra bể cũng mau, tính nước đã thuận, thì không còn tức tôi phá lỡ

ngang ra mà nên lụt ngập nữa.

Một cách là đê thì cứ theo như cũ, mà chân đê phía bên sông thì đắp soài

ra, mỗi đê cao một trượng thì chân đắp ra ba mươi trượng, vụ cho nó lâu lâu cao dần dần lên mà thôi, như thế thì nước chỉ có sức nang đê xuống, mà sức đẩy ngang ra thì thành ra tiêu đi hết, phía bên đông thì mỗi đê một trượng chân đắp ra bốn trượng.

Nhưng mà điều tại những các chũ có ruộng mà bị đắp chân đê đê lên thì cho họ cứ theo lên chân đê mà cấy cây, gán ở dưới thì cấy lúa, trên cao thì giống hoa màu, là chủ để cho sườn đê ngày ngày vẫn có người xem xét đên, mà đê lại được ngâm nước luôn không đên nổi như trước, các vệ đê

Số 21

Luận về đê

(Opinions indigènes sur les Digues)

Kỳ trước có bài của quan huyện Tiên-lữ à ần hai cách sừ để lại, nay lạ có một bài của quan Thanh-thủy bán cách khơi. Bán-quán cũng xin đăng báo để các quan nghị-luận.

Việc trong thiên-hạ, không việc gì lợi cá, mà không hại. Cũng không việc gì hại cá, mà không lợi. Nên cân-uhắc lợi hại, xem bên nào lợi nhiều hại ít, phải quyết mà làm, thì lao phí không mảy, mà ích lợi vô cùng.

Như việc đê Bắc-kỳ, trước các quan đã bán.

Ông thì nói: « Nên-đắp », ông thì nói: « Nên-bỏ ». Nhưng ông nói nên

không có người nào được đung đên cây bụi rậm rạp, hang cây hang chuột, tổ mối tổ kiến nó làm cho nguy hiểm, mà khó xét ra được, hễ đên nước lên thấm lậu thì mới biết, lại không đên nổi đê trong một năm không có nước, hễ nước nhón lên thì ngấu ngay vào mà rã đất ra, một tẻ như thế đã khỏi thì việc thấm lậu chắc không phải lo nữa.

Trong hai cách ấy tôi tưởng làm cách nào cũng khỏi nạn vỡ đê được. Thiên nghĩ đại-khái như thế xin những bực cao-minh bán lại xem có được hay không.

Tiên-Lữ Tri-huyện Ngô-vi-Lâm.

đắp, thì chỉ quen những điều thường-khien. Ông nói nên bỏ, thì lại không điều gì xác-luận. Cho nên bán mãi, mà không quyết xong.

Có ông nói: « Nên khai hạ-lưu, cho nước tiên mau ». Nhưng sông có nơi nổi bãi rất nhiều, thì công đâu mà khai được.

Có ông nói: « Lập các sông-con, để nước cứ theo sông-nhưn mà chảy ngay ». Nhưng lập thì chỉ lợi hạt ấy thôi, mà thế nước càng tức hại.

Có ông nói rằng: « Trước chưa có đê, thì không nên đắp, sau có đê rồi, thì không nên bỏ ». Ông ấy hãy còn nói lưỡng, như đên xác hai đầu. Vậy nên thủy-hại đên nay vẫn phải lo.

Tôi ngâm từ xưa đên nay, năm nào cũng đắp, mà năm nào cũng vỡ. Có người đổ tại Tổng, Lý, đắp đôi, cho nên vỡ. Nhưng không phải, xem Nhà-nước bảo-hộ vay tiền-bên Đại-pháp, sừ các việc công-ích cho An-nam.

mà việc sửa đê rất cần. cích-thư sửa đê rất kỹ. Thế mà không chông lại được với ông thủy-thần. thì biết đê vỡ, không phải tại dân đời.

Có người đổ tại các quan, không biết sửa giữ đê, cho nên vỡ. Cũng không

phải. Khi nước lên to, thì hạt nào giữ được không vỡ, là may. Vì rằng : Sừ người cũng có nhưng may hạt ấy không có chỗ sung-yêu lắm. Mà các nơi sung-yêu đã vỡ, thì thế nước hoặc lui, hoặc đứng lại, cho nên thoát khỏi. Vì dù không đau vỡ, thì thế nước không có chỗ tiền mau, mỗi ngày mỗi to, chỗ không sung-yêu, chẳng vỡ cũng trăn. Còn như hạt nào phải vỡ, cũng là chẳng may. Vì rằng chỗ vỡ tất là sung-yêu, trong nước đông, ngoài nước sông, nước to thì thấm-lặn vào đê, nước đã thấm, thì chân-đê và thân-đê như bùn. Càng nhiều người đứng trên mặt đê, thì càng lún xuống, cho nên không thể giữ được.

Có chỗ sông đi cong, thì đê theo sông cũng cong. Khi nước to, ngọn nước sung vào, cũng không giữ được.

Và nước thượng-du chảy xuống hạ-lưu, như nước mái nhà chảy xuống sân, mà lòng sông mỗi năm mỗi bồi lên, hạ-lưu mỗi năm mỗi hẹp lại. Càng đắp cao bao nhiêu, thì nước càng lên bấy nhiêu. Tức nước vỡ bờ, là như thường hẳn thế.

Bây giờ muốn các hạt trong Bắc-kỳ khỏi Thủy-hại, thì không gì bằng bỏ tất cả đê. Nhưng bỏ đê, mà không có kế-sách gì về-nông, thì chỗ thấp nước ứ, không chảy được, tháng năm nước sông lên sớm, thì mất lúa. Nên đê tiền-đê, mà sửa công, khai cử, đê bạt bờ đi một nửa xuống chân đê, mặt

rộng hai trương, chân rộng sáu trương, san phẳng đê làm đường đi xe. Và phòng tháng năm nước sớm, chỗ nào ứ nước, thì đào cử cho nước chảy ra sông, mà xây công làm cánh-cửa. Khi nào nước mưa ứ lại, thì mở cửa, tháng năm lúa gió, thì đóng lại. Gặt xong lại mở ra. Tháng sáu, tháng bảy, mưa nhiều, nước to, thì chỉ trăn qua, không vỡ hại gì. Nước trăn cả toàn-kỳ, thì thế nước tất nhiên nhỏ, không ngập lại như trước, mà nước lui tất nhiên cũng mau, mỗi khi có nước thượng-du chảy về, chỉ ngập độ vài ngày mà thôi. Nước vào thì ruộng được cát non, nước ra thì ruộng cây mùa được. Vài ba năm, dẫu chỗ sâu cũng thành ruộng hai mùa.

Tôi xem các hạt thượng-du, và các hạt gần bể, không đê thì nước vào nước ra tự-do, không lo sợ gì cho lắm.

Như thế, thì bỏ đê, mà làm cử, làm công, là phải làm, duy đê Ngự-hàm thì đê (Ngự-hàm là đê giữ nước-miền). Vì hạ-lưu không cần phải bạt.

Phóng đem nhờ tôi trình quan-trên, và các quan Bắc-vật xét, các nghị-viên bản, có ưng thì xin thi-hành tất là công-tích lắm.

Phạm-zuân-Khôi, Tri-huyện Thanh-châu.

BÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ SỐ 22

LUẬN VỀ ĐÊ

(Opinions indigènes sur les Digues)

Trước tôi bàn về việc đê có viết thơ trình quý-quần rằng: tôi có nghĩ được bốn cách sửa soạn lấy hai cách

tiện hơn mà xin dâng báo.

Nay tôi thấy một hai nhà bản bỏ đê đi, thời tôi chép một hai cách tôi nghĩ trước, tôi xin dâng vào báo để các bậc: cao-minh bàn cho phá phú ra.

Một cách bỏ đê thì cứ để nguyên như cũ, nhưng ước độ hai nghìn thước tây xây một cái công tại-bưng chừng đê, cách mặt ruộng độ ba thước, rộng cũng độ ba thước tây, mà không có cánh cửa. Hễ đến vụ chiêm khi nước lũ tháng năm đem về, thời còn ở dưới lòng công, đến khi gặt hái xong rồi, nước đã nhỏn mà theo công chảy vào đồng điền. Trước tôi tưởng làm như thế thì năm nào cũng được nước phù-sa bồi lên ruộng rồi dần dần sẽ bỏ đê đi, song tôi xét lại khi nước lũ thời nước mưa phần nhiều, mà nước phù-sa phần ít, có bồi thì chỉ bồi chung quanh gần miệng công, một vụ nước ứ bồi được hai tác an-nam, mà các xứ đồng điền xa cửa công thì chỉ bùn bám ở trên cây cỏ mà thôi, thế thì chẳng được ích lợi gì và nước ngập trong mây tháng giời phá hại đường xá cầu công. Mỗi năm một lần sửa sang lại, tốn hại biết là bao nhiêu, mà những cây còi vườn được nhà cửa súc sản ở gần, thời cũng hại theo là thế nào. Phương chi quan huyện Thanh-thủy lại bản bạt đi thời nước trăn qua đê, lại phá hại lần nữa, lấy cơ gì mà tránh khỏi sự phá hại ấy được. Lợi chưa thấy mà hại đã thấy rồi thời cái cách bỏ đê là không tiện.

Một cách thời để cứ để như cũ, ngoài phía sông thì đắp thêm một cái tiêu bồi cao cũng bằng mặt đê, mà cái thân bồi ấy cách một nghìn thước tây đắp một con đường nhỏ tự đê sang tiêu bồi để làm ngăn, trong mỗi ngăn

xây một cái công tròn lòng rộng ước sáu tác tây, mà dùng nút bằng rơm, vụ nước lên thời cho nước chảy vào công. Đến khi nước đầy gần bằng nước sông kém nhau độ một tác tây thời nút công lại, hai bên tiêu bồi nước đã ngang nhau thời thấm lâu cũng không, kè mà sóng gió cũng không phá được, để trong nhớ ra có thấm lâu nguy hiểm gì thời sức nước ở trong ngăn không có tức tỗi gì lắm cũng dễ sang hộ được. Những cách ấy tôi sợ tốn tiền quá xin những chỗ nào sung-yêu hững làm. Nói tóm lại để làm cách nào mặc lòng các con sông phải quét sâu xuống mới gọi là vạn toàn được.

*Tri-huyện Tiên-lữ
Ngô-vi-Lâm.*

Luận về đê

(Opinions indigènes sur les Digues)

Nói về hưng lợi trừ hại ở sông Thái-bình

Việc hưng lợi trừ hại ở sông Thái-bình là một cái vấn đề rất to ở Bắc-kỳ bây giờ. Từ khi các đê Nhị-hà về nam Bắc-kỳ, nhà-nước khánh-thành cái công bình-thành xong mà sự thủy-hại lại té ra ở sông Thái-bình về bắc Bắc-kỳ. Nay xin kể các nguyên-hữu, các lợi ích, chỗ thủy-thê yêu hại của sông ấy sự hiện trạng của hạt dân đó, bị hại năm nay, và vài ý kiến chung để đề thờ chư quan-xứ xem mà tìm phương cứu cho hạt dân đó được như.

Các nguyên lưu của sông Thái-bình

Sông Thái-bình có ba ngọn là: sông Lục-nam, sông Thương, và sông Cầu.

Sông Lục-nam với sông Thương hợp nhau ở ngã ba Nhân, đi xuống đến Phao, hợp với sông Cầu, rồi đi một quãng đến kênh Than, thông với sông Thiên-lức, từ Nhị-hà phân chi sang. Đi một ít nữa, lên kênh Lâu, phân làm hai chi hạ-lưu mà chảy ra biển. Từ ngã ba Nhà đến kênh Than gọi là sông Lục-dầu.

Hai chi hạ-lưu cùng vòng vào huyện Thanh-lâm mà đi. Hữu chi ra cầu Phúc-lương rồi xuống dưới ấy phân ba ngành chảy ra biển. Tả chi đi đến ngã ba Kèo chia một chi nhỏ xuống huyện Hiệp-sơn. Còn từ ngã ba Kèo vòng huyện Hiệp-sơn mé tây bắc đến Yên-lưu rồi phân ba ngành chảy ra biển.

Các lợi ích của sông Thái-bình

Sông Thái-bình đi lướt qua các hạt Bắc-ninh, Bắc-giang, Hải-dương và Kiền-an mà tưới cho đồng đất vùng đó, lại nhờ được phù-xa Nhị-hà sang. Phù-xa ấy lắng dần dần thì hoa màu chóng tốt; bởi nhiều bãi lèn. Những mé bờ sông về hạ-lưu, cây được nhiều, lúa bãi, lại sai quá hơn lúa đồng. Thực là một sự lợi ích cho việc canh nông vùng ấy.

Còn việc buôn bán vận tải ở cả từ Bắc-kỳ, cũng phải lấy sông Thái-bình làm một bộ máy cơ quan.

Chỗ thủy thê yên hại của sông Thái-bình

Nước mưa ở các ngòi núi Thái-nguyên, Cai-kinh và Yên-châu thì đổ về sông Lục-nam, sông Thương và sông Cầu. Nước Nhị-hà thì sang sông Cà-lô và sông Đuống, mà châu cả vào khúc Lục-dầu.

Cửa Hai-sông hạ-lưu sông Lục-dầu lại bởi nhiều cồn cát to. Những cồn cát ấy là bởi nước phù-xa lắng xuống, phù-xa là chất đất đỏ, lẫn vào nước mưa từ Vân-nam đổ xuống đến trung-châu ta rồi đi lẩn lẩn mà lắng xuống. Nhị-hà từ cầu-sắt trở xuống cũng bởi nhiều cồn to, ngăn nước không chảy được mạnh, đệ-niên mùa mưa nước về dâng lên cả thành phố Hà-nội, nên nước phải rò mà sang Thái-bình nhiều.

Như thế làm sao mà không từ lại ở sông Lục-dầu, cho nên từ cuối tháng sáu trở đi, nước lũ về, thủy triều lên, nước Lục-dầu phải tràn cả đồng điền các hạt ở khu vũ ấy mà đi. Các hạt phải đắp đê mà tự giữ lấy hạt mình. Thanh-lâm, Gia-bình, Quê-dương và Chí-linh bốn huyện có đê, song đê càng đắp thêm bao nhiêu thì càng sức thủy-thê lại mà càng thêm mãnh-liệt ra. Rất sung yêu là đê huyện Thanh-lâm và Chí-linh, giữa ngọn nước rơi vào.

Hiện trạng hạt dân tại khu vũ ấy bị hại năm nay

Mùa mưa năm nay từ đầu tháng bảy trở đi, lũ về nhiều lắm, ngập băng cả các hạt thượng-lưu từ đồn Chang về cho đến đồn Phao. Còn các hạt hạ-lưu có đê, thì các quan sở-tại đốc xuất lòng-lý, dân phu canh giữ nghiêm mật lắm. Đền móng 5, đê Thanh-lâm vỡ một chỗ về xã Kim-lô

Bắc-kỳ Thứ-dân Nghị-viện

Họp tại Hà-nội

KÌ THỨ-SHAT, HỒM 25 OCTOBRE 1913
(là ngày 26 tháng chín An-nam)
(Convocation de la Chambre consultative Indigène)

Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định duyệt-y các việc công-cứ 65 viên Đại-biểu của các hảo-mục chức-sắc An-nam, 12 viên Đại-biểu các tỉnh thượng-du và 28 viên Đại-biểu của các nhà buôn-bán An-nam ở « Bắc-kỳ Thứ-dân Nghị-viện ». Sau đây bản-quân in ra danh-sách của 105 ông Đại-biểu ấy.

Nhà-nước đã đặt tờ cho các ông Nghị-viện đến ngày 25 octobre 1913, là ngày 26 tháng chín An-nam 9 giờ sáng, thì họp tại nhà Nhạc-hội (Société Philharmonique) ở Hà-nội, bởi hồ Hoàn-kiểm.

Nhà-nước ra những vấn-đề gì hỏi các nghị-viện thì bản-quân cũng đăng vào báo-báo sau đây để các ngài xem, và nghị-luận cho các ông nghị-viện biết rõ các ý-kiến của phần nhiều người An-nam, mà khéo đem lòng dân ra nghị-viện, rồi bày để Nhà-nước báo-hộ biết.

Bản-quân tưởng phần-sự báo-quân có ích được cho dân, cho nước là chính ở lúc này.

Các ông nghị-viện thì là cái giấy can-thiệp của dân An-nam đối với Nhà-nước. Báo-quân tất lại là cái máy thông-đạt để mà làm cho tiện việc giao-thiệp của Nhà-nước đối với dân, và của dân đối với Nhà-nước. Người làm Đại-biểu cho dân, mà biết lấy cái

chức-dịch mình làm quan-trọng, tất phải hiểu rõ ý trên, tình dưới; phải hiểu rõ cái phần-sự mình là: đem ý quan trên cho dân dưới được biết, và đem tình dưới mà làm cho dân lên trên. Tuy vậy chính-trị Nhà-nước đặt ra đâu đã có đây, song nhờ nghị-

luận của báo-quân tất cũng làm được thêm minh-lạch cho nhớt quan trên thường gọn gàng vẫn tất quai ở mây đạo giấy sức. Đric cho gọn gàng để nghe những nhớt dây đó luận bàn. Nói cho là những tình từ kẻ sông-phu trả trả trong lòng mà thường vụng vỏi ra. Dem những ý kiến của người Đại-biểu cho dân kiểm soát xem có hợp với lợi-quyền mình chăng. Đó là phần-sự của báo-quân. Lúc buổi này hi lại chẳng đem ra mà thi-hành lu!

Trước hết tưởng nên đem ý Nhà-nước đặt ra nghị-viện này để làm gì, nói rõ, để cho ai ai đều biết, thì các ông nghị-viện tất cũng lại biết rõ thêm ra.

Nhà-nước Đại-pháp sang lấy báo-hộ chỉ những muốn dùng cánh hay mà khai hóa cho dân Annam, một nhất là được thịnh vượng phong túc, được thái-bình mà làm ăn cho mỗi ngày thêm giàu, thêm sướng; sau nữa để mở mang trí-khôn, giữ gìn sự khỏe mạnh, gây dựng cho giống nòi ta mỗi ngày một khôn một mạnh. Mà muốn lo cho dân ta được bày nhiều điều, thì quan-hệ nhất là Nhà-nước phải biết dân cần dùng những điều gì, việc gì cần nhiều, việc gì cần ít, việc gì nên làm ngay, việc gì duy-chỉ được. Vì việc nên làm thì rất nhiều, mà công-ngân thì ít, đành thuê nặng lắm thì dân kêu, làm cả một lúc không được, phải có việc trước việc sau.

Và chúng nước Đại-pháp, bảo-hộ dân ta là một nước Dân-chủ, trăm công nghìn việc do đã có Nghị-viện của Thủ-dân cử lên, liệu định, vì người Đại-Pháp học-vấn rộng và nhiều người giỏi hơn ta, và lại có giáo-giục tự-trị đã rèn tập từ mấy đời nay.

Nhà-nước Bảo-hộ muốn dạy võ-lông: cho dân ta học tập lấy cái nghề tự-trị ấy, là nghề ta còn phải học trong mấy đời con cháu nữa mới làm được.

Cho nên Nhà-nước đặt ra Nghị-viện này, là chủ ý để biết tình dân, mà liệu làm các công-việc cai-trị cho nó hợp với sự ăn no, phong túc, sung-sướng thái-bình, khai hóa, tiên-bộ của dân. Nhân thế lại võ-lông cho dân ta học lấy cái nghề tự-trị, để một mai Nhà-nước mỗi ngày một giao thêm cho trách-nhiệm ta, cho quyền-lợi hơn.

Nghề là nghề khó, và có kim đàn ta lại không từng được biết bao giờ, cho nên Nhà-nước đã đời ba lần thí-nghiệm: nay cách này, mai thế khác. Từ quan Toàn-quyền Paul-Bert đến bây giờ, cách này là cách thứ tư, bây giờ xét ra việc bầu hùn tuyển cử mới gọi là hơi thày có nghề. Quan Toàn-quyền Sarrant nghĩ ra các cách thức công-cử, hội họp Nghị-viện ngày nay, thực là khéo tinh trĩnh-lộ dân ta. Vì bằng từ nay việc nghị-viện bén chặt được, mỗi ngày một cải-lương tiên-bộ, một thêm quyền, thêm tự-lo, thì cái án ấy thực nước Nam ta phải nhớ là vì Ngài.

Nhưng mà hay dở, tuy bới trí lực sâu xa rộng rãi của quan Toàn-quyền Sarrant, song cũng lợi bởi cả cái khôn khéo của chúng ta, của người đã được dân tin mà cử làm Đại-biểu nữa.

Trước hết chúng ta phải hiểu cho rõ cái ý rộng Nhà-nước, mà làm cho vừa hợp với ý ấy. Trong khi ta nghị-luận, thì một phút chớ quên rằng ta là người đại-biểu của dân, Nhà-nước có lòng quảng-lại mà gọi lên cho bàn mà thôi. Quan trên hỏi đâu ta nên lấy thực-tình dân mà nói đây. Chẳng nên lấy ý riêng ta làm ý chung, mà bàn bạc quá nhời; mà cũng lại nên như rằng ta phải khiêm-tôn cùng quan trên, nhưng mà phải lấy tình thực của dân làm cốt. Danh-giá ta là ở cái chức-dịch thay dân nói thực ấy mà thôi, chức-lịch ấy mà ta làm cho trọn, ấy là thơn dân trong xã-hội, làm ăn cho nhân-quán, được việc cho chính-phủ, chớ chẳng phải ở đâu cái phẩm cái hàm, ăn trên ngồi chề. Xin ai chớ có tưởng chức Nghị-viện là một cái phẩm tước mua danh như cái hân cái bát chi-chi.

Đời với dân đã cử ta ra để thay mặt dân trước cửa quan trên, thì ta nợ dân một điều nói lại. Ý của Nhà-nước, ta hiểu làm sao, khi có dịp họp tập đình đám, ta phải tỏ ra cho dân được hiểu. Dân ai muốn bàn bạc cùng ta điều gì công-feh, ta phải sẵn tai nghe người này một nhời, người kia một tiếng, ta phải dẫn đo, liệu trước sẵn sẵn ý tứ mà bàn bạc kỹ hội đồng sắp tới.

Khi nghị-luận, lúc hội-dồng, ta phải tập cho có thứ tự; nói trước nói sau phải có lần lượt, thì bàn bạc mới ra mùi, chớ đem những thói lối-dồng, bá-h nhân bách khẩu, đua nhau cùng nói, chẳng ai nghe ai.

Các qui-tắc hội-dồng hàng trăm con người để nghị luận, ai đã có dự qua những việc hội-dồng các quan Đại-Pháp thì đã biết cả, cách ăn nói thứ tự, quyền người làm chủ hội-dồng thế nào, cách ghi biên các nhời bàn bạc làm sao, phép giữ hội-dồng cho nghiêm trang, cho có thể thông, chắc hẳn trong số 105 ông đại-biểu, thế nào cũng có nhiều ông đã thông thuộc rồi. Quí-hở nghị-viện khéo lựa những bậc am hiểu ấy lên làm chánh, phó, thư-ký và các chức-dịch trong hội-dồng, là đủ. Nhưng trông cũng nên tiên liệu mà nghĩ đến từ bây giờ, kéo việc ấy có lẽ cần dự đến mai hậu nghị-viện nhiều

lắm.
Nói tổng lại, thì xin các ông nghị-viện cố gắng làm cho Nhà-nước lấy Nghị-viện an-nam làm một cuộc nên có mãi mãi, và nên cho mỗi ngày một rộng quyền và rộng trách-nhiệm, mà dân ta cũng mỗi ngày một hiểu rõ cái nghĩa hay của việc ăn to nhà-nước Bảo-hộ đã rộng gia cho dân an-nam ta.

Nguyễn-văn-Vinh
Chủ-bút biên-quán

Đạt-liên khu thứ nhất thành Hà-nội
ở Bắc-kỳ thứ dân Nghị-viện.

BONG DUONG TAP CHI SỐ 25

Nghị-viện

(La Chambre consultative)

Hôm thứ bảy mới rồi chín giờ sáng, Nghị-viện họp tại nhà « Nhạc-hội ». Quan Thông-sứ đến khai Nghị-viện, có cả quan Đổng-lý phủ Thông-sứ Tholance, quan Thông-sứ nguyên Sestier, quan Phó Thông-sứ Pasquier, quan Đốc-lý Hanoi Logerot, quan Công-sứ Son-lay Delamare, quan Chánh-tòa Quan-lại Bayle, quan Cai-trị Jardin và quan Cai-trị Przylusky, quan Cẩm Săng-tan Kersselaers, các quan Tham-biện ở phủ Thông-sứ Blancsubé, Bourjade, de Bottini, Vinay, ông Triard, chủ báo Courrier d'Haiphong, de Massiac, kiểm-soạn báo Avenir du Tonkin, cụ lớn Quận-

Hoàng, quan Thượng Hà-dồng cũng đến chứng kiến.

Ngoài cửa nhà Nhạc-hội có một đạo lính khố-xanh đứng dàn mặt Các ông: Nghị mỗi ông đeo một cái thẻ tam-tài, vào Nghị-viện ngồi đồng đủ rồi, thì quan Thông-sứ đọc một bài diễn-thuyết văn-chương rất đẹp, nghĩa-lý rất hay, ông tham-biện Bùi-dinh-Thinh, đã dịch ra tiếng an-nam và đứng đọc cả bài dịch cho nghị-viện nghe, ai cũng lấy làm hay vô tay nhiều chỗ.

Bài dịch ấy bản-quán in ra sau đây, để các ngài nhân lãm.

Khi quan Thông-sứ đọc xong thì ngài về đình, chỉ phải quan Công-sứ Delamare và quan án-sát Trần-văn-Thông ở lại thay mặt ngài mà thường chực tại đó để cho nghị-viện có việc gì hỏi thì đáp thay quan trên.

Quan tham-biện Vinay thì được cử ra để giúp nghị-viện làm các bản biên và các giấy-múi của nghị-viện.

Khi quan Thông-sứ ra khỏi thị nghị-viện công cử các viên tri-sự.

Công cử một lượt đầu thì những ông sau này có tên được cử ra :

Ông Bùi-dinh-Tá, được	81 vé bầu
— Nguyễn-hữu-Thu,	71 —
— Nguyễn-hữu-Tạo,	61 —
— Phạm-bá-Rong,	53 —
— Nguyễn-văn-Vinh,	51 —
— Bùi-mạnh-Hợp,	48 —
— Lê-văn-Thước tức Nam-Sinh,	42 —

Bảy ông ấy được cử làm Tri-sự Hội-dồng, song có ông Nguyễn-văn-Vinh xin từ chức ngay bây giờ, vậy Nghị-viện cử ông Phạm-mạnh-Xứng ra thay cho ông Ng.-văn-Vinh.

Hội-dồng tri-sự họp ngay để cất các chức-dịch thì ông Nguyễn-hữu-Thu được cử làm chánh Nghị-trưởng.

Ông Bùi-dinh-Tá, được cử làm chánh Thư-ký.

Ông Phạm-bá-Rong, được cử làm phó Thư-ký.

Các ông ấy do cả nghị-viện đã theo lối đầu phiếu mà công cử ra, mà nghị-viện thì là những ông Đại-biểu của các thân hào hỷ-mục của cả xứ Bắc-kỳ ta công cử ra, tất hẳn là những bạc ngọc vàng, kén ở trong đồng ngọc-vàng, bán-quán xin có nhờ chào và khen các ông ấy, và chúc cho các ông có sức làm được việc cho dân cho nước.

Ông Nghị-trưởng được cử ra thì có ứng biện mà đọc một bài diễn-thuyết như sau này, bán-quán cũng xin đứng tào.

Nghị-viện khởi đầu xin quan Thông-sứ đánh cho quan Toàn-quyền ở Sài-gòn, nhờ diện trình sau này :

« Như ẽ Đại-biểu ở Bắc-kỳ Thượng nghị-viện họp tại Hà-nội hôm 25 octobre 1913 xin quan Toàn-quyền « Sarraut chấp lấy mấy nhời tỏ lòng « nhiệt-thành, trung-nghĩa với Đại-pháp Dân-quốc và với quan Toàn-quyền. Xin ngài chuyển đệ về quan « Giám-quốc những nhời rầy bầy lòng « kính mến của dân an-nam.

Hỏi hai giờ rưỡi chiều chủ nhật đại hội-dồng lại họp. Quan phó Thông-

sứ, sung chức nghị-viện Khâm-sai, có đọc giấy thép giả-nhời của quan Toàn-quyền cho các ông nghị-viện nghe.

Nhời giấy-thép sau này :

« Buổi mới Hội-dồng mà đã có nhời kính chúc quan Giám-quốc và quan thủ-hiền thuộc-địa thì bán-chức lấy làm một lòng tin-ai mà cảm-tạ lắm. Khi đến Hà-nội, bán-chức sẽ xét những khoản hội-dồng là bán-định xong. Nay xin đoán trước với nghị-viện rằng quan Toàn-quyền mới chính-phủ đã cử hôm qua để quyền thay bán-chức trong khi về nghĩ, là một viên đại-thần chính-chức, cân-mắn, các dân bán-xứ ai cũng còn nhớ đến giờ. Quan Toàn-quyền mới cũng theo chính-trị hai-nước thân-ai đồng-tâm với nhau làm cho cõi Đông-dương như đẹp này càng ngày càng được cường-thịnh ».

Quan phó Thông-sứ lại đọc mục thư hai và thư ba ở số chi-tiêu mà nghị-viện phải bán đến. Trong hai mục ấy thì có các khoản chi-thu những việc công-ích về lý-tài và xã-hội.

Các khoản ấy kể ra sau này :

Học-chính thì mở rộng thêm ra. Trợ-y thì mở một nhà thương riêng để chữa đau mắt và củi-hương nhà

thương húi. Lục-lộ thì làm một số thí-nghiệm canh-nông.

Khi Hội-dồng đã xét xong từng khoản một ở trong mục thư hai và thư ba ấy thì các ông nghị-viện đều đứng

giây ứng y cả.

Các nhời của nghị-viện ấy đã kê vào bản-biên để trình chính-phủ.

Hội-dồng lại cử các tiểu hội-dồng để bàn những khoản văn-lô.

CÁC CÔNG VIỆC CỦA Nghị-viện

(Les Travaux de la Chambre Consultative)

Bắc-kỳ Thư-dân Nghị-viện chiều hôm thư bảy 25 octobre khai ra, quan Thông-sứ đến khai viện có đọc một bài diễn, kỳ trước bán-quán đã đăng vào báo rồi.

Đến chiều hôm chủ-nhất 26 khởi sự làm việc ngay, hôm ấy quan Phó Thông-sứ đến đọc cho Nghị-viện nghe hai mục III và IV số chi-thu Bắc-kỳ. Hai mục ấy nguyên có những khoản tiêu về việc mở rộng các học-đường, các nhà-thương, và các việc công-ích.

Khi quan Phó Thông-sứ Pasquier đọc xong, ông Nguyễn-văn-Vinh có xin phép đặt ra một tiểu hội-dồng để xét kỹ rồi Nghị-viện hãy tỏ ý để Nhà-nước biết, vì các Nghị-viện xưa nay không được bàn về những việc ấy bao giờ, nay nghe thấy những chữ-số đọc luôn một lối như thế, không hiểu được cho lắm.

Quan Phó Thông-sứ đáp rằng lần này vì nước lụt Nghị-viện họp đã trễ mà các công việc thì vội, đến sang năm Nhà-nước sẽ in ra những khoản chi-tiêu nên bán mà phát cho các nghị-viện trước mấy hôm để mà xét cho kỹ.

Lần này việc gấp hãy đọc qua mấy

khoản như thế thì Nghị-viện tăng-lòng cả. Mỗi khoản các ông Nghị-viện cũng có xin, ông việc này ông việc nọ, cho tình mình, nhưng bán-quán chưa lấy bán-biên, cho nên không nói trước rõ.

Sáng hôm thư hai thì hôm đầu-ban họp riêng để bàn từng văn-đề một. Tiêu ban làm việc thực chóng, đến chiều thư tư thì ban nào ban nấy là làm xong tờ trình. Sáng thư năm thì Nghị-viện họp đại Hội-dồng để nghe các tờ trình của các tiểu-ban.

Ban thư nhất bán về việc Đê, ông Vũ-huy-riệu làm bán-chức, có phái ông thư-ký là Nguyễn-hữu-Chính ra đọc, bán-quán chưa xin được bán-biên, duy chỉ nhớ đại-khái rằng tiểu-ban bán việc đê từ nay xin giao về cho dân-phu đắp, không cho thiếu-khoản nữa, mà đê xin cho đắp bằng đất thịt, đừng bắt đắp đất sét nữa. Công thì xin phát cho dân sau mỗi thước cube 0 \$ 20, nhưng chớ xa chỗ khó thì tăng lên cho.

Trong nghị-viện cũng có nhiều ông không chịu nhời tiểu-ban, bởi rằng việc giao đê cho người thiếu-đoan là một chính văn-minh của Nhà-nước đã thương dân ta mà bỏ tục áp-chê ngày xưa bắt dân-dính đi đắp đê tồn lại, để cho tổng-lý lại lệ còn sách nhiễu phủ làm làm như cơ cực, và lập ra chính tự-do, mà lại cho kẻ đi làm ăn thiếu-khoản có công việc làm.

Tiểu-ban đáp rằng những người làm thấu-khoán chỉ cốt lấy lợi cho nhiều, làm ăn gian dối, không tận-tức làm như dân vì dân có tánh-mệnh ở đó cho nên việc đề phải giao cho dân.

Ông Vĩnh nói việc kê thấu-khoán làm đời, thì có nhiều thuốc chữa, như là làm sổ thuế-lệ đầu-giá cho chặt, lập hội-đồng có quan tỉnh, quan lục-lộ, có lòng-ly và mấy người điển-hộ dân-sở tại nhận đề xong, nhà nước mới làm mandat giá tiền, mà cho hội đồng ấy quyền nhất-định chứ không để quyền Tòa án tây phẩu xứ được, vân vân. Còn như cái tệ tham nhũng-phù-lam khi dân phải làm đề thì không có thuốc nào trị được.

Ông Vĩnh nói vậy chỉ có sáu bảy người theo nhời còn cả Nghị-viện, cũng theo nhời tiểu-ban xin đề cho bắt dân phu làm đề.

Việc nhiều người đã định tất có lẽ ta phải theo, song bản-quản tưởng đó là một việc làm của các ông đại-biên. Bao giờ được dù các bản biên các nhời bản sẽ xin cô sức bản lại cho tách bạch ra.

Ban thứ nhì, ông Nguyễn-hữu-Tao làm ban-trưởng, bản vẽ việc bầu tổng-ly, xin việc bầu chánh phó lý đưng bắt nội-ngoại tịch đình cùng đi bầu, chỉ bắt các tộc-mục đi bầu mà thôi.

Rồi sau bản-quản sẽ in tờ trình của tiểu-ban này, bây giờ bản-quản chưa lấy được.

Ban thứ ba, ông Nguyễn-văn-Bùi làm ban-chưởng, bản hai việc: Việc khai sinh từ giá-thủ, và việc tiền kẽm.

Việc Khai sinh từ giá-thủ thì ông

kết lại rằng việc này không thấy hiệu là bởi dân định ầu lậu, mà trừ ra những kẻ đi làm việc các nơi thành thị, còn ở các nhà-quê thì dân chưa nghiệm thấy sự ấy có ích-lợi, cho nên đầu ai giữ sổ, đầu dùng cách nào thì cũng thế. Vậy xin cứ thế nào cho tiện thì thôi, rồi dần dần dân sẽ biết ra, chờ bảy giờ cứ riêng ra một người thợ-ký thì phiên làm.

Lúc dân đã cho là nên thì đầu giao cho ai cũng được. Bây giờ giao cho lý-trưởng thì lý-trưởng ta đi việc quan mà bỏ sót, giao cho tiền thư chỉ thì tiền thư chỉ tạ dĩ tuổi tác, giao cho người dân-em thì người dân-anh tạ dĩ không muốn dền khai với kẻ dưới mà không khai.

Ông Vĩnh có ý muốn bản làm cho mỗi họ một cái tộc-phá, khi khai thì người giữ việc phải ghi vào tộc-phá cho người ta làm bằng, nhưng mà xem ý nghị-viện chỉ bản sự giao việc cho ai được tiện mà thôi, chờ không mấy người lấy việc khai sinh từ giá-thủ làm thực quan-hệ, thực ích lợi cho dân.

Bản biên tiểu-ban này bản báo cũng chưa lấy được. Kỳ sau sẽ cứ cho rõ và bản lại.

Việc thứ tư là việc tiền-kẽm thì tiểu-ban xin ưng đề nhà-nước đem cái sò tiền kẽm đã đúc rồi ra cho dân tiêu, nhưng mà tiền kẽm ấy trước định tiêu một đồng ăn sáu đồng, nay xin cho tiêu một đồng ăn một mà thôi.

Sò tiền kẽm ấy nguyên nhà-nước đúc ra định tiêu một đồng ăn sáu thì thành giá 10 vạn đồng bạc, nay tiêu đồng ăn đồng thì nhà-nước thiệt mất hơn tám vạn ba ngàn đồng.

(CÒN NỮA) XEM TIẾP TRANG 78

78 lòng ignô tư-trí

(Un pas en avant)

Đặc-ký Thuồng-người-viện, mới họp xong kỳ đầu, bản-quản đã tổng thuật cho công việc của hội-lòng ấy đã làm ra trong sáu bảy ngày. Sau từ nay lại in ra hết các bản-biên hội-lòng để các ngài xem.

Nửa này mới có lần này là ghi chép các nhời nghị luận của nghị-viện được kỹ càng đến thế. Tuy rằng đem mà kiểm từng nhời từng câu nói, thì cũng còn làm nơi khiếm khuyết, song tưởng như thế vì với các kỹ trước cũng là lên-bộ lắm rồi.

Việc này tuy rằng là một công việc nhưng mà mấy kỳ trước khi họp hội-lòng, mà nhất là nước lòng song rất yêu là tự do đã này mà cũng chỉ ở bề diện-thuyết tư-khẩu tâm-tham của trần thông-sứ Destenay làm cho cả nghị-viện ai này lòng-lòng mà nghĩ. Bởi có những nhời nào như vậy, cho nên người đại-biên được hỏi đa nước lòng mà ai này cô hiệu nhậu-sư quyền trích của mình, bởi vậy nhời báo được nên hay thêm, đã kết thành quá đẹp. Chắc rằng từ rày trở đi, mỗi buổi họp một lần kỹ càng, mình bạch họp ra, dần dần làm mình bạch được như ở các nghị-viện bên Âu-châu mới thực gọi là tiền-bộ, và thực ích cho cả dân nước.

Việc này tuy rằng là một công việc nhưng mà mấy kỳ trước khi họp hội-lòng, mà nhất là nước lòng song rất yêu là tự do đã này mà cũng chỉ ở bề diện-thuyết tư-khẩu tâm-tham của trần thông-sứ Destenay làm cho cả nghị-viện ai này lòng-lòng mà nghĩ. Bởi có những nhời nào như vậy, cho nên người đại-biên được hỏi đa nước lòng mà ai này cô hiệu nhậu-sư quyền trích của mình, bởi vậy nhời báo được nên hay thêm, đã kết thành quá đẹp. Chắc rằng từ rày trở đi, mỗi buổi họp một lần kỹ càng, mình bạch họp ra, dần dần làm mình bạch được như ở các nghị-viện bên Âu-châu mới thực gọi là tiền-bộ, và thực ích cho cả dân nước.

điện-ký dùng một lời chữ-đông gọi là stenographie, có thể viết lên được nhời nói nhanh thế nào mà đầu, cũng viết lên, và mỗi âm thanh chỉ dùng một cái đầu van lá. Mười hai ông điển-ký ấy, gọi là stenographes, cái đầu lướt nhau, mỗi ông nghe và biên trong 5 phút đồng-hồ, mỗi ông hết lượt, có chuông báo, thì lại có ông khác nghe mà biên tiếp theo ngay. Trong khi 10 ông suy đi nhau vừa hết một lượt, thì ông

trước tỉnh-tá lại ra những nhời viết tắt, được tờ nào gửi lên ngay cho các nhời in báo-quản, nhiều khi hội-lòng vừa tra thì các nhời bản báo là in đủ cả, vào các nhật-trình rồi, mà chẳng những đủ các lời, các ý, lại còn chép được cho đến cách nói, chỗ nào ngân ngữ, chỗ nào nói hay có người nói hay, lúc nào nói dở có kẻ huýt còi, từ câu đặng-hàng cũng ghi biên được, vì thứ có mấy thu-thanh ghi lấy nhời mà đem văn lại thì y như thế vậy.

Bên Đại-pháp việc công-lòng nghị-luận được như vậy, trước nữa tại có những tay nhanh nhẹn coi nhời việc tu-soan khó ấy, sau nữa là trong mấy trăm ông nghị-viện bản báo, thường ông nào đã nói, thì là những ngữ lại tái, xuất khẩu thành chương, nhời nhé tuồn ra trong hàng giờ, mà không có câu nào là câu chẳng nên nghe nên nhớ, không có câu nào nói thừa, ngoài-từ chát chẻ dền nói dối đi một chữ không được, cho nên rằng phải chép lấy đủ từng câu.

Công việc nghị-viện chép ra, in ra, yết ra như vậy thì dân có thể kiểm soát, sửa ra in được học-vấn, được tnh-hạnh của người đại-biên mình cứ ra, mà lại còn được hiểu việc nhà-nước.

học, mỗi người biết mình là một phần

trong nước, cho nên mỗi người có quyền đi bầu-vở nghị-viện, cứ ba năm một lần mỗi người dân-dinh có quyền bầu-vo mà đi bầu phiếu, cứ người đại biểu hạt mình, dân do đức tính từng người, suy công nghiệp trước mà bầu bầu lại cho người cũ hay là chọn người mới. Bớt thế cứ mỗi kỳ bầu, các nhà có tài thay mặt-dân ra tranh nhau bằng văn hay, ý đẹp, ông này hơn với dân điều này, ông kia trước với dân điều nọ, xin dân cứ sao ta thì ta xin làm những việc này, ta xin báo-hộ những lý-lương kia. Bởi sự cạnh-tranh bằng tài năng khiến-thức ấy, mà người giỏi mỗi ngày sinh ra, nghề ăn nơi chỗ đám đông mỗi ngày một khéo, mà dân mỗi ngày một am tường việc nước, mới thành được ra dân tự-chủ, không ai áp-chế được, luật dân phải chịu theo, lại là luật của dân cứ người đặt ra.

Kể trình-lộ ấy với trình-lộ nước ta thì xa nhau bằng giới bằng bề, bây giờ không sao ví được, nhưng đó là cực-diêm, đó là mục-đích, nhà-nước báo-hộ đã gia lòng rộng rãi mà tay lại dắt tay ta có bước lên cõi ấy, thì tuy rằng ta mới đi được một bước còn còn, chân tay còn ngưng dai, nhưng cũng phải trông cho biết đi đâu.

Biết được phương-truân, tất phải yêu thầy, tất phải tin thầy, mà nắm chặt lấy tay, chịu khó theo đi từng bước, khỏi phải những cơn nóng ruột chạy quảng, đã chậm tới nơi, lại còn chặt vật sa ngã dầm dìa.

Nay ta đem trình-lộ ta, mà lo với cực-hiền ấy, thì lời đi đâu dài nghìn dặm, nhưng thăm thẳm rõ rạch ra trước mắt, ai cũng phải biết rằng, đi còn lâu mới tới, mà đường gập ghềnh phải đi cho vững chắc, tuần tự rồi cũng chắc tới nơi, chớ chạy nhanh mà ngã bước nào lui bước ấy.

Trình-lộ ta thế nào?

Người hiền, của ít, tuy con tiền cháu rông, nhưng may nghĩa lắm đặc nghị phong-thu, cần đến lâu làm đến đây, ăn bữa này rồi mới phải lo bữa khác, cách duy-nh-sinh khác hẳn hoàn-cầu. Nửa nay yêu-chí rằng thú-hiền một nơi, ai hay lo biết ai tài mặc ai. Đền nay thịnh liành Âu-thuật thế sơn húng hải, Nam-quốc sơn hà, cũng phải cùng người mà ở; cuộc đời khác hẳn; bao nhiêu học thuật cũ không công hiệu nữa, đạo xưa đem khắp thời mới hóa sai lầm. Thế mà đã tính cho đâu, phần nhiều còn chưa chịu có phong-chào mới, còn mê man đặc hồn nghĩa lắm.

Đền ngày nay đạo cũ còn yếu, mà thời mới không hợp, xem ý từ ra tình uất ức, ghen sựong mới mà khư khư lại giữ thời xưa.

Những kẻ làm ăn thì cũng quen nếp cũ, chỉ biết việc trước mắt, thóc dư thì gừa thì tiêu, tiền dư thì gừa thì tiêu, có tính việc ngày mai chẳng qua cũng là nghĩ những việc thừa, chớ không có mấy kẻ biết nghĩ xa xôi, biết lo mai hậu. Tinh trung-quân đi-quốc chẳng qua từ công làng trở vào mà thôi.

Đó là trình-lộ đương-thời của dân nước Nam. Từ trình-lộ ấy mà lên được đến bậc văn-minh kia, là một bậc lễ báo-tôn bất minh phải tới, trước đi thăm thẳm đã rõ mình ra trước mặt. Mọi bước có mấy bước, trong thế còn xa, nhưng mà ở đây, tin bạn, đi bước nào chắc tiền bước ở thì đương muốn dọn đầu ra mà lo nên gia, vì tất mấy bậc chạy cần lên trước được ta.

Đông-dương thời sự

(A travers l'Indochine)

Hà-nội

Cuộc-bay. — Đàng lễ chiều thứ sáu thì ông Pourpe bay từ Hà-nội cho thiên-hạ xem lần nữa, chẳng may máy quay chân-vít bị nhiều nơi tắc cho nên ông Pourpe không bay thứ được.

Mãi đến chiều sau-nhật đúng 5 giờ rưỡi ông Pourpe mới lại bay hai lần, lượn đi lượn lại thực khéo, lúc dư xuống gần sát mặt đất rồi lại bay lên.

Khéo lắm, khéo lắm!

Sáng hôm thứ hai ông Pourpe bay xuống Nam-dịnh, qua Phú-lý, theo đường xe lửa, 90 kilômétres bay mất có 53 phút. Đền nơi các quan Tây và quan dân An-nam ra đón xem đông lắm.

Hôm thứ hai hồi năm giờ chiều các quan tỉnh Nam-dịnh có một quan Công-sứ nói với ông Pourpe xin ông chỉ giùm cho các quan xem cái máy bay chạy ra thế nào. Thì ông Pourpe đã có lòng tốt mà cái nghĩa để các quan nghe: cần kê làm. Các quan lấy làm thỏa lòng, mà cũng như các quan ngày xưa lúc mới trông thấy những cái dịp thép cầu sông cái Hà-nội, cũng chịu rằng.

« La quâ ! Các quan Tây ra muốn làm thế nào cũng được ».

Nhân có cuộc bay về con an-nam ở Hà-nội mới bắt-chước mà ra một kiểu điều mới, hình dạng cũng như vậy, đầu cũng có chân-vít, chỉ khác có một đàng máy bay thì chân-vít quay lại ra gió, mà điều an-nam thì nhờ gió mà quay chân-vít.

Chỉ cái danh vật tài không ai bằng!

Nước lên. — Sông Thanh-giang, Hắc-giang năm nay lên to quá. Ở Hòa-bình nước lên mấp-mé bờ. Con đường Hà-nội sang Hòa-bình ngập mất nhiều đoạn. Cái đò bên Ngọc thì nguy hiểm lắm không đi được nữa. Cứ theo nhời quan Lang thì đã 40 năm nay, chưa bao giờ nước to như vậy.

Bến Thanh-giang thì nước cũng lên to, Việt-tri ngập từ hôm thứ sáu trước.

Quan Công-sứ Lao-kay lại đánh giày-thép về rằng máy hôm nay mưa nhiều, những sông ngòi tỉnh ấy nước cũng lên to lắm. Con đường đi Cha-pa bị lụt. Cái cầu kilômétre thứ 30 nước chảy siết chới đi mất. Nhà-nước đương vội vàng chữa lại cho đường đất giao thông được.

Quan Toàn-quyền về Đại-pháp. — Quan Toàn-quyền chừng đến tháng mười tây này thì về Đại-pháp cho kịp kỳ khai nghị-viện ở Paris. Có quan-hai Jean Renaud đi theo hầu ngài. Trong khi ngài đi vắng thì phủ Toàn-quyền cứ ở tại Hà-nội. Sang mùa xuân 1914 thì quan Toàn-quyền lại về Đông-dương, trừ ra có việc gì phải ở lại Paris lâu nữa.

Thầy Kiên phải bắt. — Thầy phán Phan-trọng-Kiên làm việc ở Tòa Thượng-thẩm Nam an vừa phải bắt, vì khi sở cảnh-sát Hương-cảng bắt và khám nhà sáu tên nguy, có thầy tự tích của thầy Kiên.

Tin buồn. — Lịnh-huyh của bản-báo chủ-nhan là ông Ernest Schneider, chủ Nhà Bán-sách trước, thượng-thụ Đệ ngũ đẳng Bắc-dầu bội-tinh, mới mất hôm 8 juillet mới rồi. Năm nay cụ đã 70 tuổi. Cát đám sớm hôm nay.

Quan Toàn-quyền, quan Thông-sứ, các quan văn, võ, cùng những quan chủ các sở đền đưa đám đông lắm.

Người An-nam cũng đi đưa đông, vì cụ chủ E. Schneider sang mở sở đây đã lâu năm, người bán-xứ được nhờ và, lòng sự với ngài cũng nhiều.

Nhà-nước lại có cắt một đội lính đi hành-tương.

Bản-quân xin kính dâng Quý chủ-nhan cùng gia-quyền lòng chia buồn của Tòa soạn.

Đông-dương thời sự

(A travers l'Indochine)

Hà-nội

Luật khai sinh, tử, giả-thủ. — Hôm 19 juillet mới rồi, có tiểu hội-đồng thành-phố họp tại tòa Đốc-ly để xét cái tờ bản của ông luật-sư Mézières, về việc định lại các lệ khai sinh, tử, giả-thủ an-nam ở thành-phố Hà-nội.

Việc khai sinh, tử, giả-thủ an-nam thì cũng là có lệ rồi, song lệ ấy còn nhiều nơi không được tiện, phải sửa lại, mà phải làm luật buộc một cách nhất-định, ai cũng phải theo, không theo có tội.

Cách giao thiệp của dân-an-nam ta với người Đại-pháp mỗi ngày một nhiều, mà phạm kết ước với người Đại-pháp trọng nhất là phải có tang chứng lai lịch mình, tên tuổi mình.

Luật làm thất buộc, thì vừa tiện cho người tây giao thiệp với mình mà lại tiện cả cho mình chứ không phải là nhà-nước có ý kiểm-soát gì. Ta tưởng các ông thiên-hộ cùng các ông phó-trưởng nên phủ dụ dân trong thành-phố nên hoan tâm mà theo.

Nghị-định mới thảo chưa trình Hội-đồng, khi nào trình Hội-đồng rồi, bản báo sẽ dịch ra để ai ai đều biết trước, có điều gì nên kêu nhà-nước sửa lại thì kêu, để quan trên sửa đi trước khi quan Toàn-quyền ký nghị-định.

Chim gãy cánh. — Hôm hội tây, tuy giới mưa to như thế, ông Marc Pourpe cũng đem máy bay mà bay qua nơi điểm bình một vòng cho thiên-hạ xem. Chẳng may lúc bay về trường đua, giới mưa to quá trông xuống đất chẳng thấy gì cả, cho nên ông Pourpe xuống nhầm, bãi cỏ chẳng đậu lại lái máy bay ngay vào cái ao ở trước nhà rạp, máy đâm phải cái rào sắt gãy cả cánh liền chân-vết. Ông Pourpe may không sảy sát đầu cả. Lập tức đem máy bay về nhà máy Sợi chữa từ hôm ấy đến nay cũng gần xong rồi. Khi nào xong sẽ bay vào Huế rồi vào Tourane vì dân trong ấy đã quyền nhiều tiền mà đợi ông Pourpe đã lâu rồi.

Bản-quản chúc cho ông Pourpe vào trung-

kỳ được may mắn, mà bay cho dân xứ ấy được biết cái tài xuyên mây qua núi của nước Đại-pháp.

Quan Toàn-quyền ngã xe ngựa. — Toàn-quyền đại-thần và qui phu-nhân, hôm thứ năm trước ra nhà Cercie de l'Union soi còm và nghe kèn. Độ nửa đêm đại-thần và qui phu-nhân lên xe song-mã đi về rình. Khi xe đi tới gần trường-dua-xe-đạp, thì tự đứng dõng ngựa lỏng, hai tên đánh xe gò mãi cương mà giữ không được. Quan Toàn-quyền thấy vậy mới đứng dậy dang tay giằng cương mà khiến ngựa lầy. Chẳng may giây đứt ngựa lại càng tự do chạy lỏng mãi, sau đâm vào cột giây điện, xe đổ. Qui phu-nhân thì chẳng hề chi, quan Toàn-quyền thì sảy ngã ra trước xe, sảy sát cả tay. Tuy cũng đau nhưng sớm hôm sau ngài cũng ra nhà-giấy làm việc như thường. Hôm nay qui-thê đã được yên cả.

Bản-quản kính mừng quan Toàn-quyền đã may mà qua khỏi một cái tai có lẽ làm cho trọng thương được và qui phu-nhân thì có can-dảm thầy xe lỏng mà không nhảy xuống cho nên không hề chi cả.

Bầu nghị-viên. — Đền hôm 11 tháng tám tây này thì công-cứ mây ông dân nghị-viên và thương nghị-viên ở thành-phố Hà-nội và ở huyện Hoàn-long.

Khu thứ nhất (hộ nhất, hộ lục) thì có bản-quản chủ-bút là Nguyễn-văn-Vĩnh, đã làm tờ khai ứng-báo. Công-cứ tại chùa Quan-thánh, từ 6 giờ sáng đến 3 giờ chiều.

Khu thứ nhì (hộ nhị, hộ tam) thì có ông Đỗ-Thận và ông Bùi-dinh-Tả, đã làm tờ khai ứng-báo. Công-cứ tại đình Phúc-kiến.

Khu thứ ba (hộ tứ, hộ ngũ) thì có ông Trần-việt-Soạn, đã làm tờ khai ứng-báo. Công-cứ tại chùa Hàm-long.

Khu thứ tư (hộ thất, hộ bát) thì có ông Văn-tích-Thiện và Nguyễn-xuân-Hiệp, đã làm tờ khai ứng-báo. Công-cứ tại chùa Đông-tàn.

Bên thương nghị-viên thì có ông Trần-huy-Sán, là thiên-hộ hộ nhất, và ông Vũ-dinh-Nghiên, thiên-hộ hộ tam, tình nguyện ra ứng-báo. Công-cứ tại tòa Nam-chính.

Hoàn-long thì có ông Nguyễn-xuân-Dục, cựu chánh-tổng ở xã Nghi-tâm xin ứng-báo. Công-cứ tại Thái-hà.

VĂN-CHƯƠNG

Pháp văn tạp thái
Morceaux choisis

Thơ La Fontaine diễn nôm, theo lối lục bát
(Les Fables de la Fontaine traduites en prose rythmée annamite)

Le Loup et l'Agneau.

La raison du plus fort est toujours la meilleure.

Sous l'allons montrer tout à l'heure.

Un agneau se désaltérait

Dans le courant d'une onde pure.

Un loup survint à jeun, qui cherchait aventure.

Et que la faim en ces lieux attrait.

« Qui le rend si hardi de troubler mon breuvage ? »

Dit cet animal plein de rage
Tu seras châtié de ta témérité.

— Sire, répond l'agneau, que votre majesté

Ne se mette pas en colère ;

Mais plutôt qu'elle considère

Que je me vas désaltérant

Dans le courant,

Plus de vingt pas au-dessous de elle ;

Et que par conséquent, en aucune façon,

Je ne puis troubler sa boisson.

— Tu la troubles ! reprit cette bête cruelle ;

Et je sais que de moi tu médis l'an passé.

— Comment, l'aurais-je fait si je n'étais pas né ?

Reprit l'agneau ; je tette encor ma mère.

— Si ce n'est toi, c'est donc ton frère.

— Je n'en ai point. — C'est donc quelqu'un des tiens ?

Car vous ne m'épargnez guère,

Vous, vos bergers, et vos chiens...

On me l'a dit : il faut que je me venge.

Con-Chiên và con Chó-sói

Lý kê khỏe bao giờ cũng cồng.
Như truyện này thối lẳng mà nghe.

Chiên kia một bữa xuống khe.

Củ đầu uống nước bỗng nghe tiếng chim.

Rất mình Chiên đã hẳn tim.

Trông ra Chó-sói xăm-xăm chạy tìm.

Sói ta bụng đói như cáo.

Giả làm cơn giận ào-ào mang Chiên.

Làm sao người dám gan-liên ?

Nước tao vẫn uống đưc lên vì mây.

Con kia tao bảo đây này,

Tôi may áo-xước phen này báo chi.

Chiên ta sợ hãi đứng so,

Muôn cầu Lâm-chùa thử cho lần này.

Quả tới lông thưa đã ngay,

Thương-lừa ngọt miệng, trời nay thì này.

Cách hai-mươi bước xa rồi.

Phải rảnh nước đục tại tới đầu nào.

Sói ta đó diết ngay vào,

Chính may làm đục nước tao, tại gì ?

Thối đi ! đừng chời nửa li,

Rửa tao năm ngoài những gì mới không ?

Chiên rằng : Muốn lấy Chúa-cồng,

Vốn tới năm ngoài chưa trông thấy ngày. (1)

Quả rằng đến tận ngày này.

Tôi con phải bú cả ngày cả đêm.

Sói rằng : ở phải ! tao quên !

Anh may kia đây, tội em, anh làm.

Thưa ông, thực quả là oan.

Tôi nhà con-một anh em đầu ma.

Sói rằng, cũng họ gần xa.

Chẳng may thì lại ông cha họ hàng.

Giống Chiên thôi cũng một làng.

Chúng bay quen thói chửi càn chửi xen.

Né gì tao, họ nhà Chiên,

Từ tháng Cầm-giây đi chân xước mình !

Chó-sói bay cũng bị-khinh.

Gặp may nay thật là tình-cờ cho.

Im ngay ! tao cảm được ho,

Phen này thú-giá để cho sau tra.

Là-dessus, au fond des forêts,
Le loup l'emporte, et puis le mange,
Sans autre forme de procès.

Chiên tá chưa kịp nhởi lưư.
Bắt kỳ Sốt đã quắp đũa vào rừng.
Đứng ngay một xé dưng-dưng.
Vật Chiên sủa thối không từng kháo tra.
Cứng tay thì lý vẫn già.

(1) Nghĩa là : chưa stah ra.

VĂN-CHƯƠNG

Pháp van tạp thái
(Morceaux choisis)

Le lever du soleil

On le voit s'annoncer de loin par les traits de feu qu'il lance au-devant de lui. L'incendie augmente, l'Orient paraît tout en flammes; à leur éclat on attend l'astre longtemps avant qu'il se montre; à chaque instant on croit le voir paraître; on le voit enfin. Un point brillant part comme un éclair, et remplit aussitôt tout l'espace; le voile des ténèbres s'efface et tombe. L'homme reconuait son séjour, et le trouve embelli. La verdure a pris durant la nuit une vigueur nouvelle; le jour naissant qui l'éclaire, les premiers rayons qui la dorent, la montrent couverte d'un brillant réseau de rosée, qui réfléchit à l'œil la lumière et les couleurs. Les oiseaux en chœur se réunissent et saluent de concert le père de la vie: en ce moment pas un seul ne se tait; leur gazouillement, faible encore, est plus lent et plus doux que dans le reste de la journée; il se sent de la langueur d'un paisible réveil. Le concours de tous ces objets porte aux sens une impression de fraîcheur qui semble pénétrer jusqu'à l'âme. Il y a là une demi-heure d'enchantement auquel nul homme ne résiste: un spectacle si grand, si beau, si délicieux, n'en laisse aucun de saug-froid.

J. J. ROUSSEAU.

Mặt trời mọc

Trước khi đèn nơi đã lình như ném tên lửa trước để báo cho nhân-gian rằng sắp tới. Chóc chóc sáng dần, có phía đông hình như phát hỏa: Thấy lờ lờ ai này chờ đợi trước-hồi lâu. Thoát tướng đã ra rồi, thoát lại chưa thấy. Sau mới mới tới ra. Tự dưng có một trâm-sáng bật ra như chớp, rồi lại lình ngay trong cả thiên-gian. Màn u-tối tự-nhiên đầu mắt, tựa như có kẻ vén đi. Người ta bây giờ mới nhận được cảnh mình, mà lại thấy đẹp thêm ra. Trong đêm tối, cây cối đã đổi màu tươi tốt; ngày mới chiếu vào, tua thái-dương đỏ, làm cho cảnh lá lóng lánh hạt-xương, để con mắt soi thấy sáng giới, và trâm vẻ. Đán chim tíu tíu như nhau để cùng chào sinh-dộng chủ-ông. Lúc ấy chàng con nào nín giọng; tiếng dít dít bây giờ còn thò thè thêm khoan, thêm lliu không như giữa ban ngày! Em đêm thức dậy, bằng khuáng còn ngái ngủ
Nhưng cảnh ấy làm cho ngũ quan ta mắt mê lỉnh tao, tựa như đắm thắm vào đèn tinh-thần.
Sáng nào cũng có nửa tiếng đồng-hồi ấy, là một lúc hơn hờ, ai ai cũng phải biết; một cái ngoạn cảnh như nhau như thề, sinh đẻ như thề. Lý-thứ như thề, không để ai còn máu lạnh.

tất đã biết ngay rằng đó là một đồ đi ăn kẹo, nơi thành-thị nào cũng có, động có người lạ đầu đèn, thì luôn mà đèn gần để ăn cho thích khẩu để người ta giả tiên. Chẳng may ấy tới vừa trẻ tuổi lại vừa hơn, nên không biết gì cả, thấy nó khen mình, thì cho nó là một người!

mà mới ngay nó ăn cơm với mì Vừa mở mồm mới thì thúng ậy nhanh miệng mà đáp rằng:

NAM VAN HỢP THAI Kim Vân Kiều

TẢN DIỄN PHÁP VĂN

(Nouvelle traduction du Kim-Vân-Kiều. Poème populaire annamite)

NAM VAN HỢP THAI Kim vân kiều

TẢN DIỄN PHÁP VĂN

(Nouvelle traduction du Kim-Vân-Kiều. Poème populaire annamite)

Trăm năm trong cõi người ta.
Trong les cent ans qui constituent la durée de la vie humaine.
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Combien le talent et le sort s'ingénient à se exclure!
Trái quả một cuộc bể dâu.
Ayant traversé une période (de l'évolution mondiale) dans laquelle les mers ont changées en champs de mûriers (et champs de mûriers en mers).

Những điều trông thấy đã đau.
Tout ce que j'ai vu a endolori mon cœur.
Lạ gì bì sắc tư phong,
Qu'y a-t-il d'étrange (dans ce fait) qu'on ne sude quelque chose en abondance pour subir une pénurie correspondante (dans une autre partie de soi-même).

Giới xanh quen mùa má hồng d.

Le Ciel bleu (Dieu) a l'habitude de se mouvoir jaloux des joues roses (de belles femmes).

(1). Il est dit dans le Thiên-tiên truyện (les des Génies et des Fées) qu'une transformation s'effectue tous les 30 ans. Les anciens champs de mûriers et les champs de mûriers deviennent-ils...

Hoa cười, ngọc thuyêt, đoan trong,
Son sourire, (qui est) une fleur: son parler (une pluie de) diamants: (tous deux) sont pleins de décence.

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Les nuages ne peuvent être comparés avantageusement à sa chevelure; la neige, en blancheur, le cède à son teint.

Kiều càng sắc sảo mặn mà.
Kiêu était encore plus vive et plus gracieuse.

Sở bì tài sắc lại là phần hơn.
(De plus) en talent et en beauté, elle l'emportait encore (sur sa sœur).

Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Son œil était limpide comme les eaux d'automne; son sourcil rappelait les montagnes du printemps.

Hoa ghen thua thắm, liễu hơn kém xanh.
Les fleurs étaient jalouses de ses couleurs; le saule se lamentait de n'être pas aussi vert (frais).

(1) On lit dans le Tây tương (roman chinois), ce portrait: « En trouvant le soleil, elle regardait moins belles les montagnes du printemps; son regard portant provint une dépression sur les eaux d'automne. » (Súc tôn xuân sơn, vọng xuyên thu thủy).

Il est dit, d'autre part, « Son œil charmant ressemblait à une pièce d'eau d'automne; son sourcil rappelait le profil des montagnes lointaines. » (Mĩ mục như nhât hoàng thu thủy; mĩ tư xuân sơn).

Gil-Blas de Santillane

Tiểu thuyết

Lesage Soạn

NGUYỄN-VĂN-VĨNH ĐIỂN-NÓM

Nhưng giá có phải là la của Đức Giáo-Hoàng, thì nó cũng chẻ được. Tên quyết rằng bao nhiêu lật, la tôi có cả. Rằng tin cứ hỏi ông chủ-quán. Chủ-quán lật cũng có lẽ nên cho nhờ lái à phải, cho nên cũng chịu rằng con a tôi xấu dù mọi đường. Sau cùng ền lái mới nhặt-nheo mà hỏi tôi rằng:

— Thề con la tôi này thì ông định bán bao nhiêu ?

La tôi thì đã thây hân chẻ như thề, và ông Cô-qui-ê-lô tôi vẫn tin là người thực thà sánh sỏi, cũng chẻ, thì giá thừ hân muốn lấy không, tôi cũng bằng lòng. Bởi vậy tôi mới nói rằng tùy ở bụng chân-thật bác-lái, cứ phải mà đánh giá, bao nhiêu tôi cũng bán.

Tên lái, thây tôi nói thề, thì làm ra bộ người quán-lừ đây, mà trịch rằng rõ tôi khéo nói chơn-mom, làm cho lẫn phải vì nê. Nê là giá cho ba ducats. Tôi cũng bằng-lòng mà cầm lấy như người mới bán đồ được tiền.

Chủ-quán giúp tôi bán xong được con la lợi như vậy rồi, mới dẫn tôi đến nhà một người lái la sáng hôm sau có chuyện la đi Astorga. Người lái ấy nói rằng sớm mai đi từ tang tưng sáng, lại hứa sẽ đền đánh-thực tôi. Mà cả giá la và tiền ăn-dường đầu đây rồi, tôi lại cùng với ông Cô-qui-ê-lô về nhà-trợ. Đi đường chủ-trợ lại kể cho tôi biết liêt các truyện người ta nói

ở trong thành-phô về anh lái-la ấy. Tôi nghe truyện đã thây mới tai, may đầu có một người tráng-khien đến từ-tôn lễ-phép vô cùng mà hỏi hân. Tôi để hai người với nhau, rồi tôi lui thủ đi trước, không ngờ đầu họ có nói truyện chi đến mình.

Thoạt về lừ quán thì tôi báo dọn cơm ra ăn. Hôm ấy là ngày ăn-chay.

Gil-Blas de Santillane

Tiểu thuyết

Lesage Soạn

NGUYỄN-VĂN-VĨNH ĐIỂN-NÓM

Anh ta ôm-lây tôi chứt quá, thờ chằng được, cho nên tôi không đáp ngay được. Khi tôi thoát được cái cùm quí-báu ấy rồi tôi đáp rằng:

— Thưa ngài, tôi không ngờ rằng ở Pégnaflor có người biết tên tôi.

Anh ta lại cứ làm bộ hờn hờ như thề mà nói rằng:

— Thề nào lại chẳng biết. Phàm xung quanh miền này 20 dặm, có ai là người

danh tiếng, ở đây có số ghi tên, chứ ở đây ai cũng cho ông là một bậc kỳ-tài. Tôi quyết hân một ngày kia, nước Y-pha-nho sẽ khoe khoang kiêu ngạo với thiên-hạ vì đẻ sinh ra ông, cũng như là Hi-lạp ngày xưa vênh vao vì có mấy bậc đại-liên để ra trong đất mình.

Vừa nói xong lại ôm lấy tôi hôn lấy hôn để lẩn nữa. Tôi tưởng chét ngắt, cũng phải ăng mà chịu.

Vì thừ tôi có khôn ngoan duyệt lịch một chút, thì đầu đèn nói bị lừa những cách hàng-chợ và những uờn nịnh ấy; thì nghe thây những câu nịnh quá ấy

Pháp vẫn hợp thái

[MORVILLE (MOISIS)]

Bài sau này là của một ông danh-bút người Bỉ-lời-thì (Belgique) tên là Maurice Maeterlinck. Ông Maeterlinck rĩa vẫn hay có tiếng lại rĩa là một nhà tư-tưởng sâu-sắc. Và bên Âu-châu còn-chương với tư-tưởng không phải là hai cái khác nhau. Văn-chương là để thông-dạt tư-tưởng, thì tất có tư-tưởng nhiên-hậu mới có văn; mà văn hay bao nhiêu là do tư-tưởng hay bấy nhiêu. Tư-tưởng sâu-sắc thì văn thâm-trầm, chữ nào cũng có ý-nghĩa, không chữ nào là để đôn-lột dĩa-dây cho câu hay thêm, vì hay không những ở cái mới nhưng cốt ở cái từ. Đọc một bài văn hay, không hay, cứ xét cái ý-tư nó cảm mình ít hay nhiều thì tức biết. Vì vậy những bài chứng tôi tron trong mục này, cốt lấy cho rĩa rĩa văn hay của ý hay, để người nước ta hiểu rõ cái chi-thứ văn-chương tư-tưởng Âu-đây.

Ông Maeterlinck cũng có làm thơ, điển kịch (tức là làm bài tuồng), nhưng chú-ý là chuyên bàn về «sư-thê triết học», nghĩa là bàn cái cách thề nào cho người ta ở đời này được sung sướng, khỏi khôn-khổ, thăng-đoạt được vận-mệnh, sống làm người cho sung hộc quân-tử. Trong sách « La Sagesse et la Destinée » nói người đời thành bại thường do cho số-mệnh, không biết rằng cái số-mệnh thực là một cái hư-danh; người trí-dù không nên tin số-mệnh, mà phải biết cái sự-vong cái khổ thực ở trong tay mình, mình hèn-yêu sung-dại thời phải khôn-khổ điển-liên, mình tài-trí khôn ngoan thời được

có cái khôn-khổ tau-tên không tránh được (như ốm-dau, tang-tật, một phải hoạn-nạn hoặc chết mất người thân-ti) nhưng nếu trong bụng có cái lý-tưởng cao-dịch thì không sợ hao giờ ngu-lông như-tri. Vì vậy muốn sống làm người cho sung hộc quân-tử, muốn khỏi cái vận-mệnh nó đề-rập, thời bao giờ cũng phải nuôi cái lý-tưởng ấy ở trong lòng.

Cũng nên nói cái hạnh-phúc cho những người khôn-khổ, để họ biết hạnh-phúc là thế nào. Họ vẫn tưởng cái hạnh-phúc là một cái vật lạ mà không mấy người với đến được!

Nhưng nếu những người đã được hưởng hạnh-phúc cứ thừ thừ kể lể có gì mà được sung sướng, thời rõ cái sướng với cái khổ chỉ khác nhau có một cái vui lòng háng ra mà chịu hay ngậm đắng nuốt cay mà chịu, thì sự đời một cách hợp-hội cũng coi là hiển sự đời một cách uyên-chuyển rỗng-dại.

Nghe nói thề tất họ ngạc-nhiên hỏi: «Ồ! hạnh-phúc có thể đòi được! Nếu thề thời trong bụng chúng tôi cũng có tài-chất làm nên hạnh-phúc ấy».

Phải, hạnh-phúc ấy thực là ở trong lòng các người. Trừ ra những khi ốm-dau tang-tật, thiên-hạ ai cũng có hạnh-phúc ấy. Các người chừ nên khinh bỉ không có cái nào khác nữa đâu.

Ở đời này người sung-sướng như là người biết rõ hạnh-phúc mình; người biết rõ hạnh-phúc mình là người thực cảm biết rằng, cái hạnh-phúc khác cái khôn-khổ là bởi một cái lý-tưởng cao-thích, kiên-nhẫn, quả-cảm và hợp với đạo làm người.

Cái lý-tưởng ấy ta thường nên đề-dền luôn, không phải là để ép người phải theo đầu, nhưng để dẫn-lấn đư

một cái lý tưởng như thế

Cái lý-tưởng ấy ở mỗi người một khác. Như cái của ông tôi không sáng; ông tha-hộ tôi phần điếm sơn nó không cảm sâu được vào đến tâm tư tôi. Tôi phải tự tôi ở trong bụng tôi mà tìm lấy một cái riêng cho tôi.

Song nhưng ông nói đến cái lý tưởng ông tức là ông giúp tôi để tìm lấy cái của tôi. Để cũng có khi cái ông lấy làm buồn tôi cho làm vui, cái ông cho làm vui tôi lấy làm buồn; nhưng chẳng hề gì. Ông vui thời cái khosi-la ở cái vui ông cũng sung cái buồn tôi ông buồn thời cái kháng-khai ở cái buồn ông cũng sang cái vui tôi, **tiêu** cái vui tôi sung-dáng với cái buồn ông

Chỉ có một điều, là trước phải nâng cao linh-hồn lên để đến lấy cái lý tưởng ấy, cũng như các nhà giáo-dục

dời xưa phải gài dây có trên đỉnh núi để chực linh lửa giời (1).

Biết đâu? mới sau bích ta đã hiểu rõ cái thế-chê nguyên-lý vạn-vật rồi, để có người trên sao Hỏa-tinh (2) gửi xuống cho ta một cái phù-quyết rất linh-hiệu làm cho người ta sung-sướng vô cùng.

Nhưng cái phù-quyết ấy, đâu có hoàn-cải được gì gì trong tâm-tinh ta, cũng là nhân lòng ta đã lâu ngày chờ-dợi mong-mỏi hoàn cải.

Cái phù-quyết tất cho để mọi người đến hưởng ăn-huê chung, nhưng mỗi người hưởng phải quân-hợp với cái khức lòng thành-thực, thành-tinh, chăm-chất, sáng-lãng mà mình đã dành ra để đón cái phù-quyết ấy (3).

Học luân-lý, xét điều công-chính điều hạnh phúc tức là mở-mang lòng người, lịch-luyện việc đời, để sâu lòng chờ-đợi cái phù-quyết ấy.

một người ở trên sông làm được cho cái anh thư chính-sắc, hoàn-quan, tu-vết-lịch trong giới đất (1). Ta sự yên lòng mà đợi đến ngày ấy, nhưng hiện bây giờ ta hãy sống theo một cái như thư quan-trọng hơn, là cái như thư của linh-hồn tâm-tinh ta. Đã có này ông quân-tử chứng cho rằng sống theo cái như ấy cũng có thể được, dù việc đời nhảm lẫn thế nào mặc lòng.

Phạm-Quynh Dien-nam.

(1) Đạo dân Ba-ty (Perses) khi xưa (theo mazdaisme) có thờ lửa giời, thường lập lên trên núi cao để linh lửa. — Câu này chính là ta phải nên chôn-trong cái lý-tưởng ấy như người Ba-ty chôn-trong lửa chết.

(2) Các nhà thiên-văn đã tìm biết sao Hỏa-tinh cũng có người ở như dưới địa-sơn ta, mà người đã biết làm sống văn nước, về làm thanh-tinh chiến đấu thiên-lý trong tay đấng ông đạo chín-chất. Địa-cán ta cách Hỏa-thiên xa lắm mà còn trông thấy rõ như thế thời những ông ấy thì to hơn sống trần-gian không biết bao nhiêu mà kể. Cứ suy thử đã biết người Hỏa-tinh khôn-ngan tài-trí hơn ta, mà có lẽ đã biết cách sung-sướng hơn ta rồi. Cũng nên mong có ngày ta giao-thông được cùng họ thôi họ dạy cho cái phép sung-sướng ấy. — Câu này có nghĩa là cái mong ấy hải còn huyền-viễn lắm.

(3) Nghĩa là: lòng mình-mong mọi nhân-trong nhiều thời được hưởng nhiều, lòng mình hi-nghĩ để-lòng thời được hưởng ít. Thế là phù-quyết có hay không có cũng không hề gì, cái mình biết ta-hiểu làm tinh là để sống rồi; biết tu-dưỡng nhiều thời sung-nhiều, biết ít thời sống ít.

(4) Chủ đích học thuật là để tìm tới cái như-thư tu-vết-lịch cũng-vừa trong giới đất. Cũng nên mong đến ngày tìm được cái như-thư ấy thì tất người đời được sung-sướng hơn ngày nay.

Luận về việc thuốc

(La Médecine)

Người ta sinh ra có hai thứ quan hệ nhất: tri-khôn và xác-thịt; mà trong hai cái đó, thì lợi hại cứ đi kèm với nhau. Trí, cần phải có tư lự thì khôn khéo mới tấn tới được, nhưng mà càng tấn tới bao nhiêu thì lại có thêm sự gian-tã độc-ác kèm bên. Xác, cần phải bỏ dưỡng thì sung sướng mới hơn lên được, nhưng mà càng sung sướng chừng nào thì lại càng trông thấy được nhiều bịnh tật đau đớn ra.

Biết bao nhiêu tiên-hiền tìm tới trừ hai gốc bịnh lớn trong xã-hội!

Chữa trí, thì đã có các ông thánh đạo-dức lập ra luân-lý, pháp luật... mà kèm hãm những kẻ lạc đường chính. Chữa xác, thì lại có các ông thánh cách trí biết chắt-tánh các vật lập ra phương thang... để mà cứu vớt kẻ tật-bệnh.

Sách Tấu có nói rằng: « Bật ni lương-tướng tắc vi lương-y. » Coi như vậy thì bên Tấu cũng đã biết hai việc đó là quan-hệ.

Trong bài này tôi không có ý nói về việc trí, chỉ nói về việc xác mà thôi, sự đó An-nam ta hình ra vấn cho là tầm thường, nên tôi xin tỏ ý kiến lợi hại ra cho ai này được rõ.

LUẬN VỀ VIỆC THUỐC

(La Médecine)

Nói rút-lại thì cách trí, cơ sáo v.v, tấn tới bao nhiêu thì phép y-học Thái-tây

Nước An-nam ta xưa nay cũng có ít nhiều thấy thuốc, trong khi chữa bệnh cũng có dùng nắm bảy vị thuốc An-nam, nhưng văn gia-truyền bí-mật không ai làm sách vở gì nên không biết đầu ra luận. Còn như đồng cốt bắt tà v.v. thì tôi cũng xin bỏ qua, vì cũng đã có nhiều người luận liệt đến trước tôi rồi. Bởi phần nhiều việc thuốc ta dùng theo phép Trung-quốc, thì tôi lại cần phải kể lược qua sự tích thuốc Tấu ra đây:

Nước Tấu là một nước bắt đầu văn-minh đã lâu lắm. Kể từ đời ông Thần-Nông nếm cỏ, ông Hoàng-Đê chế-phương uạch, có khi đến hơn 4.000 năm nay; lâu như thế mà cũng kinh nghiệm thì có lẽ cũng hay. Tôi lâu lắm ngạo mạn các thánh-hiền đời xưa, mà tôi lại phải biết một điều là vì dương lực còn thảo-muội, các ông ấy biết trước được thì cái công-lực ấy bao giờ quên được, nhưng mà tôi chắc

Dân An-nam-ai cũng nên để tâm vào việc ấy: nghĩa là việc lập riêng sách-kỹ cho xứ Bắc-kỳ này.

Năm nay cũng như năm trước, người tài khéo an-nam lại được dùng; dịp ấy mà tỏ ra mọi sự đều được tiên hóa.

Thinker

tấn tới bấy nhiêu, vì môn y học Thái-tây là nhờ hết cả các môn khác giúp vào.

Cách học thuốc và làm thuốc bên Thái-tây thì như sau này: Tôi xin lấy nước Đại-pháp mà ra kiểu, vì bên Đại-

pháp học môn gì cũng vắn rỗng và cách xếp đặt thì các nước phải bắt chước cả.

Trong các tỉnh như bên Đại-pháp đều có trường học thuộc cả, những thầy dạy thì chọn học những người thông thái không những danh-tiêng nước mình mà lại lừng ra các nước ngoài nữa, vì những công việc các ông ấy làm. Trong trường thì sấm đủ đủ cơ khí để xét hệt thân-thể mạch lạc con người, cách xem bệnh, trị bệnh và cách chèn thuốc. Các việc trong sách dạy làm sao, đều sắp bày ra đó có thể mắt trông mà thấy được. Ai muốn học thuốc thì trước phải biết hệt chữ nghĩa văn-chương, triết-học, hóa-học, cách-

trí, cách-vật và bác-vật cho thực giỏi rồi mới đủ trí mà hiểu được việc làm thuốc. Trong khi học thuốc thì thân thể con người, then máy sắp đặt ra thể nào, công việc các then máy ra thể nào, ngũ quan bách hải con người từ cái to cho đến cái nhỏ phải xét cho rạch ròi; rồi học đến xem bệnh đoán bệnh chèn thuốc và tìm tòi các xâu trùng; con gì sinh ra bệnh gì, bệnh gì có trùng gì, trùng gì có thuốc gì, thuốc gì chèn cách gì. v. v. vừa học vừa làm; buổi sáng tới nhà thương trông nom người bệnh, buổi chiều đi nghe giảng trong nhà trường, tối đến vào thư-viện tra sách.

Trong nhà thương người bệnh hàng trăm, hàng nghìn, bệnh gì cũng có, hàng ngày thường xem thầy cả lại có chỉ báo cho đến tận nơi, ai có sự xét thì không nhầm được.

Thấy giảng dạy những tay kinh nghiệm lâu năm truyền lại những

việc người ta đã làm và thử thách kỹ lưỡng rồi, ai có chỉ chấm chỉ mà nghe thì thể nào mà sai được.

Thư-viện thì toàn những sách tay quốc-thủ làm ra, ai thông minh có lòng bền đỗ, chịu khó học hành thì làm sao mà dốt được.

Từ khi bắt đầu học thuốc (không kể văn-chương bác học v. v.) cho đến khi được bằng tốt-nghiệp cũng phải ít là năm năm, mỗi năm có đời ba lần khảo-hạch, có đúng mực thì mới được kế tiếp năm sau, không thì dằng-dai ra bảy năm mười năm, thế không học được thì phải chịu mà quay nghề khác. Đến khi thì hệt các khoa mà mình học rồi lại phải làm thêm một bài luận, luận đến một thứ bệnh hay là một phép trị-bệnh xưa nay chưa ai nói đến cho rõ, để làm chứng cho người ta biết khi mình học cũng có suy xét tìm tòi, chứ không phải chỉ liếc sách chèn mà thôi đâu.

LUẬN VỀ VIỆC THUỐC

(La Médecine)

Lược qua thuốc Thái-tây
Tiếp theo

Ông nào bắt đầu đi học với bệnh, thời may vận số, được đắc thành công, đến ơn tạ tổ, danh tiếng nổi lên rầm rầm; thời, về sau có chèn mấy người là tại sở phạm, thấy có trách nhiệm gì đâu.

Còn những ông du-phương vợ quàng; vợ xiêu may thì tiền thuốc tiền công, vốn một lợi nười; chẳng may thì thấy phủ thủy ai có bắt đến gà, chỗ này không xong ta đi chỗ khác. Có câu tục

ngữ rằng « *Làm thầy xử người ta, làm ma xử mình.* »

Thương ôi! lao nhao ngót hai mươi triệu con người, trong khi đầu óc không nề năm mà chịu chèn, phải tìm thầy cứu chữa mà lại vô-phúc gặp những thầy chỉ cốt kiếm ăn; nếu đàn-bà An-nam không hay lây chóng sớm và không nặng đẻ nhiều con thì lây gì mà bù?

Tôi cũng không bảo rằng thuốc Thái-Tây đã là cực hiệu đâu, bởi vì sự văn-minh bây giờ chẳng qua mới đến giữa đường mà thôi, thì phép thuốc cũng thế. Nhưng mà sánh với thuốc an-nam, thì giá sếp lây mấy cụ lang giỏi vào một nhà bác-cổ, gọi là một chuyện kính và kỷ niệm sự đời xưa, chứ sự dùng thì chẳng nên dùng.

Phép tây xem bệnh cũng có nói đến hàn nhiệt, nhưng mà cái hàn nhiệt không phải là căn nguyên bệnh, có bệnh mới sinh ra hàn nhiệt.

Người ta, ai ai cũng có một cái ôn-độ đều nhau, dầu bức rét thể nào cũng có 37 độ nóng mà thôi, qua cái độ ấy thì người nóng lên, kém cái độ ấy thì là hơi nóng đi chứ không gọi là hàn được. Nhiều bệnh thêm nóng, bớt nóng thực, nhưng mỗi bệnh mỗi khác, không có lây nguyên một việc ấy mà chữa bệnh được, có nhiều khi cách chữa bệnh lại chái nhau nữa, nếu cứ theo tiếng hàn nhiệt mà cho thuốc, thì có khi chèn oan: có khi cũng trong một bệnh lúc thì nóng lúc thì lạnh mà cách chữa vẫn giòng nhau, cũng có khi nóng chữa một cách mà

lạnh chữa một cách. Xem như vậy thì biết rằng, tùy xét hàn nhiệt mà cũng tùy theo các chứng khác nữa. Xem hàn nhiệt ấy thì phép tây kỹ càng lắm,

có ông hàn thử biểu ghi nóng nhiều nóng ít, lại có phép ghi ra một bản đồ cho tiện trông thấy, cách nóng lên xuống trong mấy ngày để cho dễ theo bênh. Còn mạch tây cũng có khác. Hỏi cái mạch là gì? Cái mạch ta quen sờ ở mắt cá tay, chẳng qua là một cái phóng-huyết quang rõ sờ nhất. Vì nó bởi tim mà ra, thì tim giật chừng nào thì nó giật chừng ấy, mỗi một lần giật như thế thì lại phóng một ít huyết đi các nơi, cũng có khi nó giật mau, cũng có khi nó giật khoan, cũng có khi nó giật mạnh, cũng có khi giật yếu, cũng có khi khi mạch đều, cũng có khi không đều, v. v. Lây như sự đó mà hoà với các chứng khác mà gọi ra bệnh, chứ nguyên cái không thì chái tai nào biết được. Cách xem bệnh tây còn phải xem, còn phải coi đến lục phủ ngũ tạng mỗi cơ thể lại có một cách xem riêng, hoặc là lấy mắt mà nhìn, hoặc là lấy tai mà nghe, hoặc là nắn bóp sờ soạng, hoặc là gõ bằng ngón tay, v. v. Kinh nghiệm đến đâu xem cũng rõ mà diễn ra được, thí dụ: khi còn sống đoán cái cơ thể ấy to lên hay bé đi, rỗng hay đặc, thôi hay lạnh, thũng hay nát, v. v., đến khi chết mổ ra mà xem quá như thế. Nhiều bệnh lại còn phải lấy kính hiển-vi trông to ra gấp một nghìn, hai nghìn lần mà xem trùng trong máu, mủ, dờm, gia thịt, nước tiểu và phân. Làm như thế cũng nhiều khi không xét được ngay huống chi có ba ngón tay chèn lên đây mà đoán được trăm chứng bệnh thì những người nào trí khôn khá, tin sao được.

Chèn thuốc tây thì lại biết ra một môn chuyên-môn, phải học kỹ càng chắt chắt các vị. Cho thuốc thì đã có đồ cần

hiêng, (sinh từng ly từng hạt lương sai một mảy, thế thì can hệ là chừng nào.

Câu như ông thầy thuốc tây chữa một người có bệnh thì cũng như một ông trống sòng vào trận giặc. Có chữa cho được, thì mới thỏa lòng, ngộ gặp phải bệnh gì nặng quá hay là khó chữa cũng ô liệt sức lo nghĩ hết phương ấy phương khác, có người mất ăn mất ngủ cũng vì chữa bệnh. Những sự lo nghĩ như thế là tùy theo bệnh nặng nhẹ, khó dễ chứ không có theo nhà bệnh giàu nghèo, vì trong khi ông thầy tây

chữa bệnh không có nghĩ đến công xai bao giờ, khi xong rồi thì mới liệu theo nhà bệnh mà lấy tiền, ngộ như nghèo quá thì chỉ chữa không mà thôi.

Ấy phép thuốc bên Tây sửa sang ăn cần về sức mạng con người thì rõ ràng; chức chân lăm rỏi, nếu có sự sai lầm bậy bạ chẳng qua lại người chứ không; trách đến phép giấy phép học được. Và lại phép trường nước cũng vẫn sẵn, ai làm cần lăm giờ đều sửa phạt ngay.

(Còn nữa)

J. H. H. PHƯƠNG.
Quan thầy thuốc ở Sơn-la.

Người đau nên biết

(A ceux qui souffrent)

Từ kỳ báo này bản-quân xin đăng mới kể một bài luận về y học thuốc, trích ở trong y-thuật Đại-pháp là y thuật hay nhất hoàn-câu.

Trước hết ta hãy xét những bệnh thường, bệnh nào ta cũng chỉ ngay thuốc để cho người xem có bệnh thì tìm ngay thuốc chữa, và sách giúp được cho kẻ khác làm phước.

Hôm nay ta hãy xét bệnh Huyết-hư (anémie) Huyết-hư là bệnh gì? Người đau bệnh huyết-hư là người trong mình không có đủ huyết để dùng sức mạnh thường mà làm các công việc trong đời. Ai phải bệnh ấy thì mặt xanh tái, môi và lợi không được đỏ tươi, thỉnh-thoảng trông mặt, choáng-vàng người, ăn-uống không tiêu. Đầu-bà thì kinh không được đều, tháng này ít, tháng này nhiều, tháng thì chán ăn.

Bệnh ấy do tại ăn ít hoặc ăn kham-khó quá không đủ chất bổ, hoặc là không giữ vệ-sinh, hay uống rượu, cũng là những người cứ ở ngập trong nhà kín-lầu quá, không-khí chẳng được tinh-khiết, nhà thấp mà ẩm, cửa ít và hẹp. Cũng có kẻ thì tại lo nghĩ lắm, thành ra bệnh này. Dần-là chữa, dần-bà dẽ, và những người nuôi con bú cũng hay phải bệnh này.

Mặc phải nó nên chữa ngay, không trờ ngay đi có lẽ biến ra bệnh Huyết-hư hao-môn máu người di (anémie pernicieuse progressive) rồi chết.

Thường phải bệnh huyết-hư thì ai cũng bảo bổ-huyết thì khỏi. Nhưng mà thuốc bổ-huyết là những thuốc nào? Biết bao nhiêu là thứ thuốc-bổ, nào làm ra bệnh-trình, nào làm gây nổi thành nội tạng mà phát đi các nơi. Thiên-hạ thầy nói sao thì biết vậy, mua về uống, bệnh đã chẳng khỏi lại thầy bần-tiền.

Là bởi sao vậy? Những thuốc ấy chế ở bên Tây, thường người Tây uống khỏi mà người annam uống thì chẳng thấy công hiệu. Người Tây với người annam tạng khác nhau.

Hãy thuốc Montès ở Phó Paul-Bert Hanoi có nghĩ chế ra một thứ rượu nho có thuốc bổ làm riêng cho hợp với tạng người do vậy ở Annam.

Chúng tôi khuyên các ngài ai đau bệnh huyết-hư, người thầy ngay dọn, bưng làm bằng nghĩ, sáng nghĩ ngủ dậy cũng vào một như người chưa ngủ, thì nên mua thử thử rượu này mà uống. Lập tức thầy tinh thần tỉnh táo ra, mình thấy khỏe mạnh ra, vì rượu thuốc này dẫn vào tử chỉ ở ống lăm.

Thuốc này mới chế ra bán mà ở đây đã nhiều người biết tiếng rồi. Nhưng mà chớ nên uống nhiều quá, chỉ mỗi ngày vài ba lần, uống rồi ăn cơm ngay, chẳng mấy bữa mà liền-khỏi.

N. V. B.

Người đau nên biết

(A ceux qui souffrent)

Thường ở trong thành-phố, và ở các nhà-quê An-nam, ai đi qua là chẳng trông thấy những đứa trẻ gớm ghê, mình thấy những mặt nhợt chóc lờ, không ai dám mở đèn.

Thường thì ở trên đầu, có những nốt chấy mù, hoặc là từng lớp chốc. Cũng có khi thì tai mưng, chảy nước vàng ra gớm ghê.

Những bệnh ở đầu, thường là tại ruồi muỗi nó lột rồi tay bấn gãi vào, về sau tóc không mọc, thành ra sẹo trông xấu lắm. Cũng có khi là tại đứa trẻ xấu mầu cho nên cứ lờ chốc mãi không khỏi.

Các chứng lở-chốc, tai chảy nước vàng có nổi hạch, chân tay cộm-cốt, toàn là những bệnh do máu xấu, trẻ-con mắc phải thì nên chữa ngay, kẻo nó thành ra hư tạng, trẻ, nhưn lên bắt thành nhân, lẹo-khoèo, không làm ăn gì được mà nuôi cha-mẹ già.

Về mùa nực thì nên cho trẻ uống thuốc ngọt « Sirop iodotannique phosphaté » Trẻ từ lên hai lên lên mười, về mùa nóng chẳng thuốc nào hơn thuốc ấy. Bểng trẻ phải bệnh về mùa rét thì nên dùng dầu gan cá-thu (huile de foie de morue). Thuốc ấy là một v thuốc mà lại vừa là một món đồ ăn rất bổ, vừa bổ vừa tiêu-độc, không có thứ nào thay được nó. Trước hết nên cho trẻ uống mỗi ngày một thìa café, trước khi ăn cơm, rồi tăng dần-tầm lên đến 2 thìa một ngày.

Dầu gan cá-thu là một vị đắt tiền cho nên lại có nhiều kẻ hay làm giả, ai muốn mua được thực dầu gan-cá, phải đến Hiệu bán thuốc Montès, ở Phó Paul-Bert, nhà Đổng-hồ ba-chuông, có thứ dầu thực hiệu, kỹ báo sau sẽ in cả hiệu-chai vào báo để ai này nhận được.

Thứ dầu ấy có chai nhỏ chai, dâng chat nhỏ nửa litre giá 10 \$ 90, dâng chai lớn một litre giá 1 \$ 8

Và ai cần đến thì gì nên lại hiệu ấy, ông Montès sẵn lòng chỉ báo cho người có bệnh, nên uống thử đi.

L. V. B.

Người đau nên biết

(A ceux qui souffrent)

Cái gì làm ra ho, khí-quản hoặc phế-quản sưng lên hoặc sưng lên làm cho ta ho. Nguyên khí-quản phế-quản mà nóng lên, hoặc sưng lên, có những đờm ở đàm-mạch ra nhiều, ở chỗ nóng hoặc chỗ sưng, cho nên phải lo để lỏng những đờm ấy đi.

Khí-quản mà bị lạnh thì hơi lạnh vào thì thành ra nóng, sưng lên, hóa ho gió; dương lẽ yện người này là phát lạnh lâu thì thành ra ho nóng gọi là sưng phế-quản (bronchite); không chữa ngay thì sưng ấy rồi thường dần dần có vi-trùng, ho ra máu, và là ho-lao (tuberculose hay là phthisis pulmonaire).

Ho nóng phế-quản (bronchite) nguyên tại là lạnh, hoặc là thì phát nhiều bụi vào trong cổ, hoặc là thì phải bệnh có vi-trùng. Người đau ho và khác cho hết những đờm bán trong phế-quản. Họ làm đờm ra nhiều đờm, rồi gây-gây sốt. Đã đến sốt thì đi nào cũng phải xử cho liệt bệnh đi, kẻo một tí thì mà thì không biết ra những bệnh gì về sau.

Nhức dầu thì đã có thuốc bột antipyrine mà sốt thì đã có thuốc quinine. Mỗi thứ người nhớn nên uống mỗi lần ba viên là xong, mà dương nữa sốt không nên uống. Còn ho thì nên dùng thuốc chấy la (teinture d'iodo) mà quét vào ngực và vào lưng, sau sẽ in cả hiệu-chai vào báo để ai này nhận được.

Phó Trang-tiền và Đổng-hồ ba-chuông

tràng hải thuốc ấy có những vị làm cho
khối ngứa có nóng có bớt ho đi, và lại hạ
đm, nghĩa là làm cho những đám-mạch
không si ra nhiều nữa. Họ mà uống ngay
thuốc này thì bệnh ho không biến ra bệnh
đang được.

Thuốc này là một thứ thuốc chế riêng cho
người bán-quốc, máy ông thấy thuốc đã
ngậm mãi phải-tang người An-nam, đã-dám
cố nghiên mãi đã thầy thực công-hiệu mới
chế-sau ra bán.

Sau này kẻ qua giả cả máy vị thuốc nói
ở đây này để ai cần dùng thì cho đi mua cho
đúng.

Thuốc nhức-dầu (antipyrine) và thuốc sốt
(pyraline) thì từng liều học vào bao trụng-
phần, mỗi liều bán 0 p. 20.

Thuốc cháy da, teinture d'Iode, thì lo to
bán 0 p. 10, lọ nhỏ 0 p. 20.

Thuốc nước-ho: Sirop pectoral thì mới
bán 0 p. 25, thường uống hết một lọ thì
bệnh nào cũng phát khỏi. Thuốc này người
lão hãy nên uống.

L. V. B.

TÍN NƯỚC LÊN

Đường xe-lửa từ Hà-nội đến Phú-lý đã
đi được: từ Phú-lý đến Ninh-bình nhà-nước
đã thuê tàu công-ty Bach-thái để đáp khách
vì đường sắt ở khúc ấy chưa chữa xong.

Ở đường Hà-nội lên Sơn-tây đang chữa
chỗ đê Sông-Đáy vỡ. Đê rầm hóm nửa thì đi
bộ từ Hà-nội lên Sơn-tây được.

Chỗ đê vỡ ở Phu-chu, làm cho tỉnh Thái-
bình lụt đã lập xong, cho nên nước còn
đọng ở các phủ, huyện đã từ từ thoát ra.

Quan Thông-sứ có lời khen dân-sự đã
hết lòng bồi đắp đê điều.

Còn các nơi nước chưa tháo, dân-sự
không có công việc làm thì nhà-nước đã
ước-dịnh với mỏ than Hồng-gai lấy thêm
phu lên làm. Hiện bây giờ đã có 350 phu
tỉnh nguyện xin đi.

Ở Bắc-ninh thì chỗ đê sông Đường vỡ ở
Dũng-vy đã lập được hơn sáu trăm thước.
Ba nơi nữa ở Vọng-nguyệt đê sông Cầu và
năm chỗ ở đê Ngũ-huyện-khê cũng đã gán
lập xong.

T. S. P. L. K. ngày 18 septembre 1913

NGHỊ VIỆN (Tiếp theo trang 62)

Ông nghị-viên Nguyễn-hữu-Tiếp có
xin phép nhà-nước đúc riêng ra tiền,
theo kiểu mẫu tiền-kẽm. Gia-long,
Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-dức, một
mặt thì có bốn chữ « Duy-tân thông
báo » một mặt thì có hai chữ « thất
phần » như tiền Gia-long. Nhà-nước
bản với nghị-viên nên cho người ta tự-
do đúc, vì tiền-kẽm không phải là một
đồng tiền của công-khố nhà-nước,
chẳng qua là một vật dùng cho tiện
giao-dịch mà thôi, cũng cho như hóa-
hạng, ai muốn chế ra thì chế, người
tiêu cũng có tự-do muốn dùng thì dùng,
không dùng thì thôi.

Nghị-viên nói rằng dân dương cần
đền tiền-kẽm thực, nhưng mà xin nhà-
nước đúc ra cho mà tiêu, chứ dùng
cho phép một nhà-tư đúc ra mà lại
dùng quốc-hiệu, để cho dân phải tiêu.

Xét ra việc này người đứng xin đúc
tiền, chưa có tu đôn, mà cũng không
nói mình bạch các thể cách xin làm
cho trường tận. Đã hình như có ý đem
việc ấy ra nghị-viên mà để xét xem ý
người đại-biểu của dân thế nào, để mà
liệu tình việc buôn của mình mà thôi.

Bởi thế nghị-viên xin nhà-nước
đừng cho làm, duy chỉ có máy ông
ưng cho làm mà thôi.

Bản thứ tư, bán-qu n chú-bút là
ông Nguyễn-vân-vinh làm ban-chưởng,
cho nên ban-quan có sao được đủ các
nhời bàn bạc của tiêu-hu này, mà in lại
ra sau đây cho các ngài xem, công việc
của ban ấy, làm trong hai ngày mà kỹ
lượng là dường nào, mà lại được nghị-
viên ưng y cho cả các nhời lòng kết,
trừ ra có ông Nguyễn-hữu-Tiếp có
phản đối lại mà thôi.

MỤC LỤC

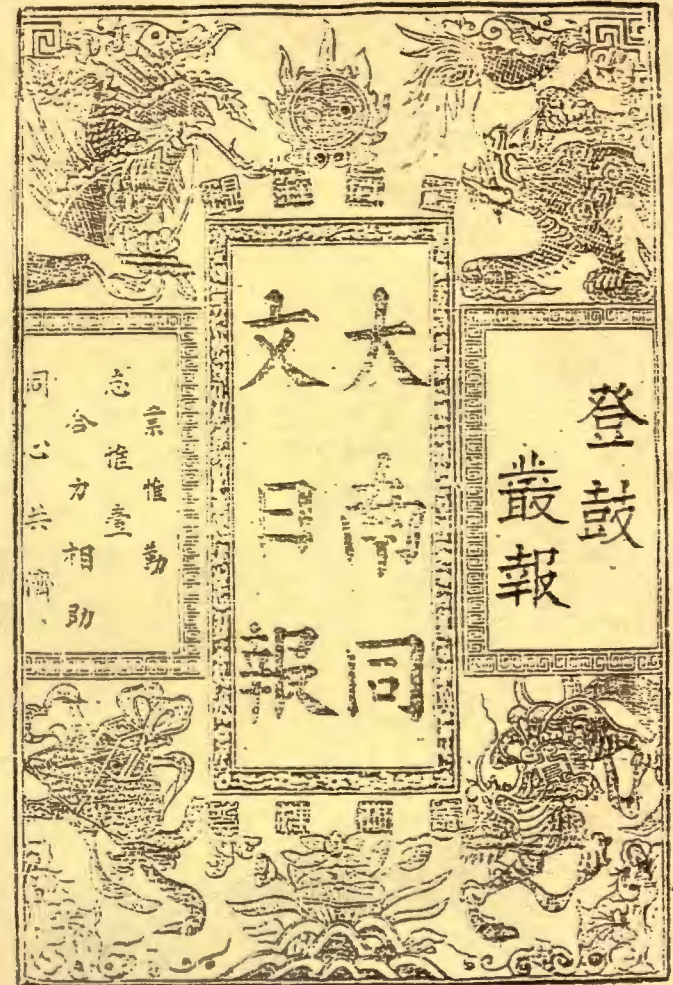
	TRANG
- LỜI NÓI ĐẦU	3-6
- SỞ LƯỢC LỊCH SỬ CHỦ QUỐC NGŨ	7-13
- ĐDTC THỰC HIỆN 2 MỤC TIÊU:	
1 - Phê bình khoa học	
2 - Xây dựng ngôn ngữ viết	15-27

TUYỂN TẬP NHỮNG BÀI BÁO ĐDTC 1913 VỀ HAI MỤC TIÊU TRÊN

<u>LUẬN LÝ HỌC</u>	
1. Luận lý theo lời chung kết quả ra sao	29-31
2. Lời riêng	31-33
3. Phân sử vô chứng trước khi tâu nhau	33-34
4. Phân sử vô chứng	34-36
5. Đền bù vừa là nơi trở vừa là san	36-38
6. Chức dịch riêng của người về	38-39
7. Người ta sống ở đời không phải chỉ cốt câu lấy sống thân	39-40
<u>TRIẾT HỌC VẪU LƯỢC</u>	
8. Triết học. Mục đích và phân phái	41-44
9. Linh tính học và Linh tính luận	45-49

<u>LUẬN VỀ ĐỀ</u>	
10. Bài mở đầu	51-52
11. Cách sửa đề	52-53
12. Nên đáp đề hay nên bỏ	53-54
13. Góp ý về nên đề hay bỏ	54-55
14. Những lời trừ hai Sông Thái Bình	55-56
<u>NGHỊ VIỆN</u>	
15. Bắc kỳ thứ dân Nghị viện	57-59

16 - Nghị viên	59-61
17 - Nghị viên	61-62
18 - Vô long Nghệ Tư Trí	63-64
<u>THỜI SỰ</u>	
19 - Đông Dương thời sự	65-66
20 - Thời sự Thế giới	
<u>VĂN CHƯƠNG</u>	
21 - Thơ nôm ngôn La Fontaine Con Chiên và Con chó sói	67-68
22 - Mạt giới mạc của J.J. Rousseau	68
23 - Kim văn kiều dịch Pháp văn	69
24 - Gil- Blas de Santillane dịch truyện	70
25 - Bản vẽ Số mệnh của Matarlinch Phạm Quỳnh dịch	71-72
<u>LUẬN VỀ THUỐC VÀ NGƯỜI ĐAU NÊN BIẾT</u>	
26 - Sử tích thuốc An nam	73
27 - Lược qua về Thuốc Thái Tây	73-74
28 - Thuốc của Pháp	74-75
29 - NGƯỜI ĐAU NÊN BIẾT. Bệnh huyết hư	76
30 - Bệnh chốc lở, mụn nhọt	77
31 - Bệnh ho	77-78
<u>MỤC LỤC</u>	
	79-80



ĐĂNG CỔ TÙNG BÀO
Số 798 THỨ NĂM 2-5-1907